



ISSN: 1859 - 042X
Số 10
2018

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM



KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG:

**Chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý,
phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển bền vững đất nước**

HỘI BẢO VỆ THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM:

Tự hào 30 năm xây dựng và trưởng thành



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,
phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9,
quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: **Tọa đàm Tổng cục Môi trường 10 năm xây dựng và phát triển**

Ảnh: VEA

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 10/2018

Giá: 20.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [6] ● Chung tay hành động “Chống rác thải nhựa” giữ hành tinh xanh
- [7] ● Tăng cường quản lý chất thải nhựa tại Việt Nam
- [8] ● Kỷ niệm 10 năm thành lập Tổng cục Môi trường: Chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý, phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển bền vững đất nước
- [12] ● Hội Bảo vệ thiên nhiên và Môi trường Việt Nam: Tự hào 30 năm xây dựng và trưởng thành



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [16] NGUYỄN THƯỢNG HIỀN, NGUYỄN THÀNH LAM, NGUYỄN ĐỨC THỌ: Tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất
- [19] NGUYỄN PHẠM HÀ, NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ: Hoàn thiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất
- [21] TRẦN ÁNH DƯƠNG: Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu
- [23] LÊ HOÀNG ANH, MẠC THỊ MINH TRÀ, NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN: Hiện trạng phát sinh, thu gom và xử lý chất thải rắn ở Việt Nam



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [27] NGUYỄN DIỆU TRINH, NGUYỄN GIANG QUÂN: Lồng ghép thông tin khí hậu trong thiết kế, dự toán các công trình cơ sở hạ tầng và lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu
- [28] NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG: Quảng Bình: Một số kết quả bước đầu trong triển khai Kế hoạch truyền thông về quản lý chất thải y tế
- [31] NGUYỄN TRUNG DŨNG: Tăng cường xử lý các “điểm nóng” gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- [32] TRẦN NGỌC NGOẠN: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu gom, xử lý vỏ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Nam Định



TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [34] VƯƠNG TUẤN: Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương: Phát động phong trào thi đua thực hiện tốt công tác quản lý chất thải y tế và xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp
- [36] NGUYỄN VIỆT CƯỜNG: Ngôi nhà xanh Liên hợp quốc tại Việt Nam: Thiết kế sinh thái thông minh
- [37] LÊ XUÂN THÁI: "Xanh hóa" bãi rác nhờ ứng dụng giải pháp nông nghiệp công nghệ cao



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [38] NGUYỄN THANH HẰNG: Khu công nghiệp sinh thái Devens: Thành công nhờ chính sách hỗ trợ phát triển bền vững
- [40] DƯƠNG HƯƠNG LY: Siemens cung cấp các giải pháp hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng tại Việt Nam



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN



- [45] NGUYỄN THỊ KHANH : Gặp gỡ Anh hùng môi trường Việt Nam đầu tiên được nhận Giải thưởng Môi trường Goldman
- [47] PHẠM THỊ THU HƯƠNG: Người cao tuổi góp sức xây dựng quê hương sạch, đẹp
- [48] VÕ THỊ HỒNG: Đà Nẵng: Hành trình trở thành TP Xanh quốc gia 2018
- [50] PHẠM VĂN CƯỜNG: Hạ Long giữ vững danh hiệu “Thành phố bền vững về môi trường”
- [52] NGUYỄN MẠNH HÙNG: Trùng Khánh - Cao Bằng: Phát huy những tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch bền vững



NÔNG THÔN MỚI

- [55] LÊ HUYỀN TRANG: Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang- Lực lượng nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới
- [56] TRẦN THẮNG TRUNG: Môi trường là tiêu chí mấu chốt đánh giá chất lượng nông thôn mới
- [58] PHẠM BẮC: TP Móng Cái: Đẩy mạnh thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới
- [59] BÍCH PHƯƠNG: Hiệu quả từ mô hình Chi hội phụ nữ xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch ở Quán Phươg



NHÌN RA THẾ GIỚI



- [63] PHƯƠNG TÂM: Châu Âu tăng cường các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa
- [66] NGUYỄN PHƯƠNG: Kinh nghiệm tái chế chất thải y tế trên thế giới và thực trạng ở Việt Nam



Chung tay hành động “Chống rác thải nhựa” giữ hành tinh xanh

Tiếp nối các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2018, ngày 12/10, tại Hà Nội, Bộ TN&MT phối hợp với Liên hợp quốc và các tổ chức chính trị, xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi) tổ chức Lễ phát động phong trào “Chống rác thải nhựa” nhằm kêu gọi cộng đồng có những hành động thiết thực, thay đổi hành vi, thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, bao gồm cả túi ni lông khó phân hủy.

Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc, từ thập niên 50 của thế kỷ XX, hơn 8,3 tỷ tấn sản phẩm nhựa đã được sản xuất và sử dụng, trong đó có khoảng 60% lượng sản phẩm được chôn lấp hoặc thải ra môi trường. Tuy nhiên, với đặc tính bền, khó phân hủy của các sản phẩm nhựa, ni lông đã và đang gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, chất thải nhựa và ni lông khi đốt sẽ tạo ra khí thải có chứa dioxin và furan, là những chất kịch độc, tồn tại lâu dài trong môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người và các loài động, thực vật trên Trái đất.

Ông Kamal Malhotra, đại diện thường trú của Liên hợp quốc tại Việt Nam cho biết: Ô nhiễm nhựa ở châu Á là một vấn đề lớn. Trên thực tế, 60% lượng rác thải nhựa thải ra biển có nguồn gốc từ 6 nước ở châu Á, trong đó có Việt Nam. Việc sử dụng túi nhựa một lần, cùng với năng lực xử lý rác thải còn hạn chế đã gây ra áp lực gia tăng về ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng. Ông Kamal Malhotra nhấn mạnh, Chính phủ Việt Nam nên dẫn đầu trong việc ban hành các chính sách mạnh mẽ nhằm ngăn chặn sản xuất và sử dụng túi nhựa dùng một lần không cần thiết. Liên hợp quốc cam kết đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam, các cơ quan Nhà nước thông qua tư vấn chính sách và nâng cao năng lực.

Phát biểu tại Lễ phát động, Bộ trưởng Trần Hồng Hà kêu gọi các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng cùng thống nhất nhận thức, chung tay hành động chống rác thải nhựa, với các hành động cụ thể như: Không sử dụng các sản phẩm nhựa



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu tại buổi Lễ



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà cùng lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trao cam kết “chống rác thải nhựa”

dùng một lần tại các cơ quan, đơn vị; phát động phong trào thu gom, phân loại các sản phẩm dùng từ nhựa, bao bì, túi ni lông và vận chuyển đến nơi tái chế, xử lý theo quy định; đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất; hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các sản phẩm có thể phân hủy, tái sử dụng, thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông, đồ nhựa dùng một lần. Đặc biệt, cần đẩy mạnh tuyên truyền về nguy cơ ô nhiễm nhựa và ni lông nhằm thay đổi, tiến tới từ bỏ thói quen sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa dùng một lần của người dân;

tăng cường hợp tác với đối tác quốc tế giải quyết rác thải nhựa thông qua thúc đẩy các hình thức hợp tác đối tác, hỗ trợ tiếp nhận công nghệ về quản lý, tái chế, xử lý chất thải nhựa, phát triển các sản phẩm dễ phân hủy, thân thiện với môi trường thay thế nhựa, ni lông...

Cũng tại Lễ phát động, lãnh đạo Bộ TN&MT, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi và các doanh nghiệp tham dự đã trao cam kết tham gia phong trào “chống rác thải nhựa”.

HỒNG NHUNG



Tăng cường quản lý chất thải nhựa tại Việt Nam



Ngày 12/10/2018, tại Hà Nội, Bộ TN&MT tổ chức Hội thảo chuyên đề về chính sách, công nghệ xử lý rác thải nhựa. Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân tham dự và chủ trì Hội thảo.

Theo báo cáo của Hiệp hội nhựa, năm 2015, Việt Nam sản xuất và tiêu thụ khoảng 5 triệu tấn nhựa; nguyên liệu chủ yếu là nhập khẩu (khoảng 80%), trong đó nhựa bao bì (39%), nhựa gia dụng (32%), nhựa vật liệu xây dựng (14%), nhựa công nghệ cao (9%) và các nhóm còn lại (5%). Đặc biệt, chỉ số tiêu thụ nhựa trên đầu người tại Việt Nam tăng nhanh, trong năm 1990 số lượng nhựa tiêu thụ trên đầu người là 3,8 kg/năm/người, đến năm 2015, con số này là 41 kg/năm/người.

Nhằm quản lý chất thải nhựa (CTN), ngày 7/5/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc quản lý tổng hợp chất thải rắn (CTR) đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, mục tiêu đến năm 2025, tất cả các đô thị loại đặc biệt và loại I có công trình tái chế CTR phù hợp với việc phân loại tại hộ gia đình; sử dụng 100% túi ni lông thân thiện với môi trường tại các trung tâm thương mại, siêu thị phục vụ cho mục đích sinh hoạt, thay thế cho túi ni lông khó phân hủy... Đồng thời, Bộ TN&MT

đang đề xuất sửa đổi Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về danh mục phế liệu được phép nhập khẩu theo hướng chỉ cho phép nhập các loại nhựa có giá trị tái chế cao.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã tập trung thảo luận về tình hình quản lý CTN và túi ni lông ở Việt Nam; đề xuất khung chính sách quản lý rác thải nhựa đại dương; giới thiệu một số công nghệ xử lý, tái chế CTN phù hợp với điều kiện Việt Nam hiện nay. Trong đó, một số đại biểu đề xuất, cần xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch phù hợp để đưa các cơ sở tái chế nhựa phân tán nhỏ lẻ, công nghệ đơn giản vào các khu công nghiệp tập trung; thành lập các khu công nghiệp tái chế nhựa tập trung;

hạn chế và tiến tới chấm dứt việc nhập khẩu, sản xuất và cung cấp các loại túi ni lông khó phân hủy kể từ năm 2026 tại các trung tâm thương mại, siêu thị; thúc đẩy việc thu thuế BVMT đối với các loại túi ni lông khó phân hủy...

Kết luận Hội thảo, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân khẳng định, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để xử lý vấn đề rác thải nhựa nói chung và rác thải nhựa đại dương nói riêng. Đặc biệt, cần sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề rác thải nhựa; tìm kiếm công nghệ xử lý rác thải nhựa phù hợp với điều kiện của Việt Nam; đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền cơ chế chính sách pháp luật, sử dụng công nghệ có hiệu quả cao, nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác BVMT và sử dụng CTN, túi ni lông một cách hợp lý; khuyến khích, các công ty sản xuất bao bì nghiên cứu, chế tạo những sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường. Thứ trưởng tin tưởng rằng, với những nỗ lực của cộng đồng nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng, sản xuất, xử lý rác thải nhựa sẽ góp phần làm cho phong trào chống rác thải nhựa thành công trong thời gian tới.

VŨ NHUNG



KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG (30/09/2008 - 30/09/2018):

Chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý, phục vụ đặc lực cho mục tiêu phát triển bền vững đất nước

Ngày 30/9/2018, tại Hà Nội, Tổng cục Môi trường đã tổ chức buổi Tọa đàm “Tổng cục Môi trường - 10 năm xây dựng và phát triển”. Tham dự buổi Tọa đàm có Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân cùng lãnh đạo, cán bộ qua các thời kỳ của Tổng cục Môi trường.



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu tại buổi Tọa đàm

Tình bày báo cáo tham luận tại buổi Tọa đàm, Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Tài cho biết, Tổng cục Môi trường được thành lập theo Nghị định số 25/2008/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị tiền thân là Cục BVMT, Vụ Môi trường, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường trực thuộc Bộ TN&MT. Trong chặng đường 10 năm trưởng thành và phát triển, Tổng cục Môi trường đã trải qua 2 lần thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; đến nay có 18 đơn vị trực thuộc, gồm 12 đơn vị hành chính

và 6 đơn vị sự nghiệp, tổng số cán bộ là 536 người, trong đó đội ngũ công chức, viên chức có 26 tiến sỹ, 148 thạc sỹ và 106 cử nhân. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng cục cũng đã không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, phân định rõ hơn thẩm quyền, khắc phục sự chồng

chéo, bỏ trống hoặc phân công chưa hợp lý với các Bộ, ngành, địa phương. Tổng cục được giao là cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực BVMT; bổ sung thêm thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, nhiệm vụ tổng hợp, đề xuất phân bổ nguồn chi sự nghiệp môi trường cho các Bộ, ngành, địa phương; cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; đánh giá tác động môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học; sức khỏe môi trường; quản lý chất lượng các thành phần môi trường...

Trong công tác tổ chức quản lý, chỉ đạo, điều hành, Tổng cục đã có những chuyển biến tích cực, linh hoạt phù hợp với cơ cấu tổ chức trong từng giai đoạn, tăng cường



▲ Toàn cảnh buổi Tọa đàm



ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng mô hình Chính phủ điện tử. Năm 2017, Tổng cục đã thành lập đường dây nóng về môi trường xuyên suốt từ Trung ương đến các địa phương, việc giải quyết các phản ánh qua đường dây nóng đạt kết quả tích cực với 450 kiến nghị được xử lý dứt điểm (chiếm khoảng 50%); 300 kiến nghị được xác minh và có phương án xử lý (chiếm khoảng 30%). Sự phối hợp với các địa phương trong triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT ngày càng



▲ Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Tài trình bày báo cáo tại buổi Tọa đàm

Những trao đổi kinh nghiệm - chia sẻ niềm vui

Tại buổi Tọa đàm, các đại biểu là lãnh đạo của các thể hệ đi trước đã chia sẻ về những kinh nghiệm quản lý, điều hành từ những năm khởi đầu còn nhiều khó khăn. Các đại biểu rất vui mừng trước sự phát triển lớn mạnh của Tổng cục Môi trường sau 10 năm thành lập và tin tưởng rằng, với những cán bộ chuyên môn như hiện nay và có sự chỉ đạo của lãnh đạo Bộ TN&MT, Tổng cục Môi trường sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.



Ông Trương Mạnh Tiến, nguyên Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ môi trường, nguyên Vụ trưởng Vụ Môi trường - Bộ TN&MT:... “Đến nay chúng ta đã cùng nhau xây dựng lên một đơn vị vững mạnh, đoàn kết. Trong công việc, chúng ta cần phải tự khẳng định được năng lực chuyên môn, phải làm thật tốt công việc được giao. Các đồng chí Lãnh đạo cần chịu trách nhiệm với công việc và tạo điều kiện tối đa cho các cán bộ nhân viên thể hiện được năng lực chuyên môn. Để xây dựng Tổng cục ngày càng phát triển, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tạo ra những chuyển biến căn bản trong thời gian tới, cần phải phát huy được sức mạnh tập thể; xác định được tầm nhìn, hướng đi đúng đắn cho công tác BVMT. Với tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực như hiện nay chứng tỏ sự phát triển của Tổng cục Môi trường đang đi đúng hướng và chắc chắn sẽ đạt được những kết quả mong muốn”.



Ông Nguyễn Khắc Kinh, nguyên Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ môi trường, nguyên Vụ trưởng Vụ thẩm định và Đánh giá Tác động Môi trường - Bộ TN&MT:... “Qua chặng đường 10 năm xây dựng, phấn đấu và trưởng thành, Tổng cục đã không ngừng phát triển, khẳng định được vị thế, uy tín là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu trong quản lý nhà nước về môi trường. Những nỗ lực của Tổng cục trong việc xây dựng và triển khai chính sách, pháp luật về môi trường đã góp phần vào sự phát triển của ngành TN&MT. Trong thời gian tới, Tổng cục cần quan tâm hơn nữa tới việc xây dựng hệ thống dữ liệu quan trắc, có như thế mới đánh giá và dự báo được môi trường trong tương lai. Ngoài ra, phải tiến hành kiểm toán môi trường, xây dựng đồng bộ các cơ chế chính sách, công cụ, biện pháp, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác quản lý môi trường”.



Ông Hoàng Dương Tùng - nguyên Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường:... “Hiện nay, Tổng cục có 6 đơn vị sự nghiệp, trong đó có 5 trung tâm và 1 viện nghiên cứu. Với 6 đơn vị sự nghiệp, Tổng cục sẽ có nhiều lợi thế, tuy nhiên cũng kèm theo khó khăn, nếu không biết phát huy sức mạnh của các đơn vị sự nghiệp. Trong thời gian tới, các đơn vị quản lý trong Tổng cục cần phối hợp chặt chẽ với các trung tâm, viện nghiên cứu để tạo thành một khối thống nhất, đoàn kết chung tay, góp sức cho sự nghiệp môi trường. Mặt khác, để đáp ứng với yêu cầu phát triển của đất nước, Tổng cục cần phải tăng cường đầu tư hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường để chủ động nắm bắt và giải quyết, xử lý kịp thời các vấn đề môi trường phát sinh; ứng phó, xử lý, khắc phục các sự cố, vụ việc gây ô nhiễm môi trường; Tận dụng có hiệu quả các thành tựu về khoa học công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong công tác quản lý môi trường”.



được tăng cường, thể hiện rõ nét trong công tác thanh tra, kiểm tra; kiểm soát các dự án lớn về môi trường. Với chức năng là cơ quan tham mưu, giúp Bộ TN&MT thống nhất quản lý nhà nước về BVMT trên phạm vi cả nước, Tổng cục Môi trường đang thực hiện những sứ mệnh quan trọng nhằm góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục ô nhiễm môi trường, gìn giữ các giá trị cốt lõi của thiên nhiên, BVMT sống trong lành cho người dân, đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

Phát biểu tại buổi Tọa đàm, Bộ trưởng Trần Hồng Hà tin tưởng rằng, với truyền thống 10 năm xây dựng và phát triển, Tổng cục Môi trường sẽ có bước phát triển mới, chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý nhà nước về BVMT, phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Để đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước, Bộ trưởng yêu cầu Lãnh đạo Tổng cục cần phải thay đổi tư duy quản lý, đưa ra những chiến lược, tầm nhìn dài hạn và đáp ứng được với yêu cầu hội nhập quốc tế. Bộ trưởng mong muốn các cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong Tổng cục hãy học tập những thế hệ đi trước để luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy truyền thống đoàn kết, cùng nhau phối hợp giải quyết công việc vì mục tiêu chung để cùng xây dựng đơn vị vững mạnh.

Thay mặt cho Lãnh đạo Tổng cục, Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Tài gửi lời cảm ơn tới Bộ trưởng Trần Hồng Hà, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân và sự tri ân sâu sắc đối với các thế hệ lãnh đạo của Tổng cục Môi trường qua các thời kỳ. Tổng cục trưởng mong muốn sẽ tiếp tục nhận được quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo Bộ; sự theo dõi, chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thế hệ đi trước; sự phối hợp, đồng hành của các đồng nghiệp đã từng công tác tại Tổng cục; sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu của các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để đưa Tổng cục Môi trường ngày càng phát triển vững mạnh■

NGUYỄN HẰNG





NHỮNG HÌNH ẢNH XÚC ĐỘNG VÀ TRÀN NGẬP NIỀM VUI TẠI BUỔI GẶP MẶT CỦA CÁC THỂ HỆ LÃNH ĐẠO, CÁN BỘ QUA CÁC THỜI KỲ





HỘI BẢO VỆ THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (1988 - 2018):

Tự hào 30 năm xây dựng và trưởng thành

NGUYỄN NGỌC SINH, PHÙNG QUANG CHÍNH, NGUYỄN DANH TRƯỜNG

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Trong suốt 30 năm xây dựng và trưởng thành, Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (VACNE) đã không ngừng lớn mạnh, tập hợp ngày càng đông đảo cộng đồng mong muốn hành động vì môi trường trong lành, phát triển bền vững (PTBV). Không ít các kết quả hoạt động của Hội đã đi vào cuộc sống, được cộng đồng hưởng ứng và các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương đánh giá tích cực. Trong từng thời kỳ, Hội luôn sáng tạo các hình thức hoạt động với các nội dung phong phú và phù hợp, chú trọng hiệu quả công việc nhìn từ góc độ cộng đồng. Bên cạnh đó, Hội luôn cố gắng vươn lên, vượt qua mọi trở ngại để cùng với cộng đồng bảo vệ thiên nhiên, BVMT vì sự PTBV đất nước.

Hội được thành lập vào ngày 26/11/1988 theo Quyết định số 299/CT ngày 23/11/1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, nay là Thủ tướng Chính phủ và cứ 5 năm 1 lần, Hội nghiêm túc tổ chức các kỳ Đại hội. Đến nay, số lượng các Hội thành viên liên tục tăng với 207 hội viên tập thể và hàng vạn hội viên cá nhân. Điều đặc biệt là thành phần các hội viên tập thể không ngừng mở rộng là các hội địa phương, các tổ chức khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, cơ quan báo chí, doanh nghiệp, các tổ chức NGO, các câu lạc bộ học sinh - sinh viên, câu lạc bộ cựu chiến binh, người cao tuổi...

Tư vấn, giám định và phản biện xã hội (PBXH) - Thế mạnh truyền thống của Hội

Hội là địa chỉ tin cậy của cộng đồng, thường xuyên đưa ra các ý kiến tư vấn, phản biện khách quan, khoa học đối với các vấn đề môi trường bức xúc trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở Trung ương và khắp các địa phương. Trong những năm qua, Hội đã tư vấn, phản biện có chất lượng đối với hầu hết các chiến lược, kế hoạch hành động quốc gia, chiến lược hành động ngành và địa phương liên quan đến tài nguyên và môi trường (TN&MT). Hội cũng tích cực đóng góp ý kiến tư vấn cho việc soạn thảo các luật liên quan như Luật BVMT (1993, 2004, 2014), Luật Đa dạng sinh học (ĐDSH) 2008, Luật Thuế BVMT 2010, các luật về Rừng, Thủy sản, Biển và hải đảo...



▲ Hội thảo Góp ý sửa đổi Luật Đa dạng sinh học 2008

Mặc dù còn có những ý kiến chưa đồng thuận, nhưng nhiều ý kiến tư vấn, PBXH quan trọng của Hội đều được thực tế chấp nhận như đề xuất sớm ban hành Luật BVMT (năm 1993); Yêu cầu không cho phép Công ty Vedan thử nghiệm đổ chất thải ra biển (năm 1997); Điều chỉnh phương án đường Hồ Chí Minh đoạn qua VQG Cúc Phương (năm 2000); Kiến nghị dừng triển khai dự án Tam Đảo II (năm 2006); Kiến nghị cần tiến hành thử nghiệm trước khi khai thác bauxit Tây Nguyên; Kiến nghị không nhận chìm chất thải của nhiệt điện Vĩnh Tân xuống biển như dự kiến (năm 2017)...

Mặt khác, Hội chú trọng áp dụng các hình thức tư vấn phản biện phù hợp cùng với việc hoàn thiện phương pháp tư vấn phản biện trong lĩnh vực TN&MT. Hội đã xuất bản tài liệu "Phương pháp tư vấn PBXH trong lĩnh vực bảo vệ thiên nhiên và môi trường" năm 2008. Đến năm 2010, Nhà nước đã đặt hàng tái bản

tài liệu này, có sửa chữa, bổ sung, sau đó được Liên hiệp hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam sử dụng làm tài liệu tập huấn cho các tổ chức của Liên hiệp hội. Các chuyên mục Diễn đàn môi trường và Tản mạn môi trường trên trang web vacne.org.vn của Hội đăng tải nhiều ý kiến phản biện của hội viên.

Đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả tuyên truyền

Các tổ chức Hội, các hội viên liên tục viết bài, trả lời phỏng vấn trên các phương tiện truyền thông đại chúng ở Trung ương và các địa phương nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT. Ở khắp nơi có hội thành viên, Hội thường xuyên chủ trì, phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, các buổi tọa đàm, đối thoại nâng cao năng lực cộng đồng BVMT, xây dựng các mô hình cộng đồng bền vững.

Năm bắt xu thế chung, Hội tổ chức các hội chợ - triển lãm về công nghệ môi trường (từ năm 2006), khuyến khích việc nghiên cứu áp dụng công



nghe và giải pháp thân thiện môi trường. Từ năm 2008, Hội cũng tổ chức vinh danh các doanh nghiệp và doanh nhân thực hiện tốt công tác BVMT. Đặc biệt, trong 11 năm liên tục (từ năm 2003 - 2014), Hội phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức cuộc thi quốc gia Cải thiện việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước dành cho lứa tuổi học sinh.

Hoạt động “Đạp xe truyền thông môi trường” do Hội khởi xướng từ năm 2006, với nhiều phương thức tổ chức phong phú, gắn với những chủ đề khác nhau hàng năm. Bắt đầu từ năm 2013, hoạt động này còn được kết hợp với việc bảo tồn Cây Di sản Việt Nam và trở thành “Hành trình Đạp xe truyền thông môi trường kết nối Cây Di sản”. Đạp xe từ hai đầu đất nước hội tụ về TP. Huế (năm 2014); Đạp xe Truyền thông môi trường kết nối Cây Di sản chào mừng 30 năm thành lập VACNE (năm 2018)...

Tổ chức các hội thảo khoa học quan trọng, cập nhật nhiều nội dung học thuật mới và cấp thiết vào cuộc sống

Trong thời gian qua, các đơn vị trực thuộc, các hội thành viên của Hội thực hiện có kết quả hàng loạt chương trình, đề tài, nhiệm vụ, đề án của các Bộ, ngành, địa phương, đóng góp thiết thực vào hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong cả nước. Các nhà khoa học của Hội luôn có ý thức nghiên cứu đề xuất và đưa các nội hàm học thuật quan trọng vào thực tiễn như: An ninh môi trường; Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích thu được từ nguồn gen; Vai trò cộng đồng trong BVMT... Các tổ chức của Hội cũng đã áp dụng thành công Sáng kiến Tiếp cận môi trường TAI của quốc tế vào thực tiễn Việt Nam.

Từ năm 2008, Hội tổ chức các hội thảo khoa học “Biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu và giải pháp ứng phó của Việt Nam”; “Bảo tồn ĐDSH dãy Trường Sơn”. Bên cạnh đó, Hội tư vấn xây dựng thành công Quy hoạch bảo tồn ĐDSH cho nhiều địa phương như Hà Nội, Cao Bằng, Hà Giang, Điện Biên, Nam Định, Đắk Lắk... Đặc biệt, mỗi năm, Hội phát hành tối thiểu 1 ấn phẩm quan trọng về TN&MT như Tuyển tập các Công trình nghiên cứu “Môi trường”; Việt Nam - Môi trường và Cuộc sống; Các mô hình cộng đồng PTBV; Bảo đảm an ninh môi trường cho PTBV; An ninh môi trường; BVMT và PTBV; Cộng đồng với môi trường (kết quả thực hiện TAI ở Việt Nam); Bảo tồn ĐDSH dãy Trường Sơn; Cây Di sản Việt Nam (tập 1, tập 2); Kinh tế xanh cho PTBV trong bối cảnh BĐKH...



▲ Lễ trao giải Cuộc thi quốc gia cải thiện việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước



▲ Hành trình Đạp xe truyền thông môi trường kết nối Cây Di sản

Chủ động thực hiện có kết quả chức năng đối ngoại nhân dân trong lĩnh vực TN&MT

Hội là đầu mối tiếp xúc với nhiều đối tác, tổ chức, cá nhân nước ngoài nhằm thông tin, trao đổi, thực tập về TN&MT. Hội đã phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp Hàn Quốc thực hiện thành công chủ trương “xã hội hóa” tẩy độc dioxin bằng vốn và công nghệ nước ngoài; Định kỳ tổ chức có kết quả các hội thảo và tập huấn khoa học về đánh giá tác động môi trường và đánh giá môi trường chiến

lược với Hàn Quốc, sau đó mở rộng với Nhật Bản và Trung Quốc.

Lần đầu tiên trong khu vực, Hội phối hợp với Diễn đàn Môi trường và Con người Hàn Quốc (HEF) tổ chức công nhận sản phẩm và công nghệ thân thiện với môi trường, an toàn với sức khỏe cộng đồng vào năm 2017.

Hội đã tổ chức các chuyến đạp xe xuyên quốc gia truyền thông môi trường nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn giữa Việt Nam và Trung Quốc (Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh vào năm 2009), Việt Nam và Lào



▲ Lễ vinh danh Cây Di sản Việt Nam tại Tây Ninh

(Hà Nội - Vinh - Viên Chăn vào năm 2010).

Một số hội thành viên của Hội là thành viên của các tổ chức quốc tế và khu vực như Mạng lưới không khí sạch châu Á (ACE), Diễn đàn các nhà báo môi trường châu Á... tích cực tham gia các đề án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học khu vực, tranh thủ điều kiện tham dự nhiều cuộc họp quốc tế và khu vực như RIO+20, COP...

Phát động phong trào Bảo tồn Cây Di sản Việt Nam - Hoạt động sáng tạo, đặc thù

Sự kiện Bảo tồn Cây Di sản do Hội khởi xướng năm 2010 đã lan tỏa và trở thành phong trào rộng khắp, nhờ sự minh bạch, mục tiêu rõ ràng và đáp ứng được nguyện vọng của người dân. Phong trào không chỉ nhằm bảo vệ ĐDSH, bảo vệ cảnh quan môi trường, mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo sinh kế mới cho cộng đồng và khơi dậy truyền thống văn hóa - lịch sử tốt đẹp của người Việt. Đến nay đã có gần 4.000 cây cổ thụ, thuộc 122 loài thực vật ở 54 tỉnh, thành phố của nước ta được công nhận là Cây Di sản Việt Nam.

Từ vùng địa đầu Tổ quốc (Hà Giang, Cao Bằng), vùng cao Phan Xi Păng (Lào Cai) đến vùng cực Nam

Côn Đảo; từ Tây Nguyên (Đắk Lắk) ra tới quần đảo Trường Sa đều đã có Cây Di sản Việt Nam được công nhận với những quần thể cây như: Pomu ở huyện Tây Giang (Quảng Nam), quần thể pomu ở Quế Phong (Nghệ An); quần thể chè Shan tuyết Suối Giàng (Yên Bái), quần thể cây hồng tùng ở Vườn Quốc gia Yên Tử (Quảng Ninh), quần thể cây lim ở đền Cao (Chí Linh - Hải Dương), đền Và (thị xã Sơn Tây), quần thể cây nghiến ở Thạch An (Cao Bằng) và Vườn Quốc gia Xuân Sơn (Phú Thọ), quần thể cây bàng ở Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu)...

Tuy nhiên, Hội còn phải rút kinh nghiệm để tổ chức tốt hơn Sự kiện, nhất là việc tìm kinh phí cho hoạt động, hướng dẫn chăm sóc cây, kéo dài tuổi thọ của cây, gắn kết Sự kiện với các hoạt động khác ở địa phương, tìm sự đồng thuận cao hơn của các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương trong việc triển khai Sự kiện có ý nghĩa này.

NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI NHIỆM KỲ VII (2018 - 2023)

Để đạt được những kết quả nêu trên, đáp ứng được phần nào mong muốn của hội viên, của cộng đồng và xã hội là do sự nỗ lực rất lớn của các thể hệ hội viên của Hội. Trong thời gian sắp tới, Hội sẽ khắc phục những hạn chế của mình, chú trọng phát huy những bài học kinh nghiệm như luôn hướng tới cộng đồng, chia sẻ với cộng đồng; những người chủ chốt của Hội luôn giữ ngọn lửa nhiệt tình trong mọi hoàn cảnh; chịu khó tìm tòi, sáng tạo các hình thức hoạt động cho hiệu quả và phù hợp; phối kết hợp tốt với chính quyền, các cơ quan quản lý các cấp, các tổ chức NGO trong và ngoài nước; không ngừng củng cố, phát triển và mở rộng tổ chức Hội.

Trước những tác động tiêu cực của các vấn đề bức



xúc về môi trường toàn cầu, những bất cập về hiện trạng môi trường và quản lý môi trường trong nước... đặt ra những thách thức đối với Hội trong thời gian tới. Nhằm tiếp nối chặng đường đáng tự hào của Hội, xin được đề xuất những phương hướng phù hợp, những nhiệm vụ khả thi cho Hội giai đoạn 2018 - 2023:

Phát huy truyền thống tốt đẹp của Hội, chủ động thích nghi với những biến động của tình hình, tiếp tục đóng góp thiết thực cho sự nghiệp quản lý tài nguyên, BVMT, ứng phó BĐKH, phục vụ tăng trưởng xanh, PTBV đất nước, đáp ứng mong mỏi của các tổ chức và hội viên.

Không ngừng củng cố và phát triển tổ chức Hội, giữ vững ngọn lửa nhiệt tình của các vị lãnh đạo và hội viên, tập hợp đông đảo hơn nữa cộng đồng để cùng hành động vì thiên nhiên và môi trường của đất nước. Tiếp tục phát triển tổ chức hội, chú trọng mở rộng tổ chức hội tới 30 địa phương tỉnh, thành phố chưa có tổ chức tương xứng, cũng như các cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng khác. Không ngừng củng cố, nâng cao kết quả và chất lượng hoạt động của các đơn vị trực thuộc, các hội thành viên. Bảo đảm các hoạt động theo quy định đối với Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, các Ban, các Hội đồng chuyên môn cũng như các Văn phòng Hội.

Đáp ứng theo khả năng cao nhất có thể các yêu cầu về tư vấn, giám định và PBXH trong lĩnh vực TN&MT, ứng phó BĐKH phục vụ tăng trưởng xanh và PTBV đất nước trong thời đại công nghiệp 4.0. Thường xuyên đáp ứng các yêu cầu tư vấn, PBXH của cộng đồng thông qua các phương tiện truyền thông đại

chúng và của Hội; Tranh thủ điều kiện tập trung tư vấn, PBXH những vấn đề bức xúc, quan trọng về TN&MT và BĐKH theo nguyện vọng của hội viên và yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương. Trong thời gian tới, Hội sẽ chú trọng những vấn đề liên quan như: hoàn thiện hệ thống luật pháp, chiến lược huy động sức mạnh cộng đồng, giải pháp bảo tồn ĐDSH và ứng phó BĐKH dựa vào cộng đồng, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xanh, nhập khẩu phế liệu, phá dỡ tàu cũ...

Tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về TN&MT phù hợp tình hình, chú trọng tính bền vững của các hoạt động. Chủ trì, bảo trợ, hỗ trợ các hội thành viên tổ chức các sự kiện truyền thông môi trường theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, áp dụng công nghệ thông qua các tổ chức và hội viên của Hội thực hiện các nhiệm vụ, đề tài, đề án, dự án... của các bộ, ngành, địa phương và quốc tế.

Tổ chức định kỳ các hội thảo khoa học truyền thống của Hội: Hội thảo Bảo tồn ĐDSH dãy Trường Sơn, Hội thảo BĐKH toàn cầu và giải pháp ứng phó của Việt Nam, đồng thời tìm kiếm cơ hội tổ chức hội thảo, tọa đàm theo các chủ đề mới, thích hợp. Chú trọng điều tra, đánh giá tổng kết và hiện đại hóa các mô hình tiên tiến của cộng đồng trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường và BĐKH.

Thực hiện tốt chức năng đối ngoại nhân dân trong lĩnh vực TN&MT, phấn đấu là địa chỉ tin cậy của cộng đồng quốc tế yêu thiên nhiên môi trường. Tìm giải pháp thúc đẩy sự kiện "Bình chọn Quốc tế Việt - Hàn các sản phẩm và doanh nghiệp thân thiện môi trường và an toàn sức khỏe". Tiếp tục tổ chức tốt các Hội thảo (2 năm 1 lần) ở Việt Nam về đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược với Hàn Quốc, mở rộng với Nhật Bản và Trung Quốc. Tăng cường hợp tác với WWF, IUCN, SIDA, ADB, GTZ, TAF (Quỹ Châu Á), GEF, TEI (Viện Môi trường Thái Lan), Chương trình TAI (Quyền tiếp cận môi trường), ACAP (Mạng lưới Không khí sạch châu Á)...

Củng cố và phát triển phong trào bảo tồn Cây Di sản Việt Nam. Duy trì và phát triển sự kiện Bảo tồn Cây Di sản Việt Nam. Tổ chức tốt khâu chăm sóc sức khỏe và kéo dài tuổi thọ Cây Di sản, kết hợp sự kiện Cây Di sản với các hoạt động của cộng đồng về sinh kế, phát triển du lịch, văn hóa, lịch sử, hướng tới xây dựng sự kiện như một mô hình văn hóa môi trường tiên tiến■



▲ Thực địa tẩy độc dioxin tại A Lưới



Tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN, NGUYỄN THÀNH LAM, NGUYỄN ĐỨC THỌ

Tổng cục Môi trường

Trong những năm qua, bên cạnh việc tái chế chất thải, tận dụng phế liệu phát sinh trong nước làm nguyên liệu sản xuất, để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của một số ngành sản xuất, Chính phủ đã cho phép nhập khẩu phế liệu với các điều kiện quy định cụ thể tại Luật BVMT và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

Tuy nhiên, việc nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu (PLNK) nếu không được quản lý, kiểm soát chặt chẽ sẽ bị lợi dụng để đưa chất thải vào Việt Nam, gây ô nhiễm môi trường. Trước thực tế một số nước (là thị trường nhập khẩu phế liệu lớn của thế giới) đã hạn chế, cấm nhập khẩu một số loại phế liệu tạo nên sự dịch chuyển lượng lớn PLNK vào các nước trong khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam và việc kiểm soát quy trình nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh hàng hóa là phế liệu chưa chặt chẽ dẫn đến tồn đọng lượng lớn lô hàng PLNK không xác định được chủ hàng tại các cảng biển nước ta, nhất là tại cảng Hải Phòng và Tân Cảng TP. Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, nếu không kiểm soát chặt việc nhập khẩu phế liệu, dây chuyền công nghệ sản xuất, tái chế thì sẽ là kẻ hở để nước ta có nguy cơ trở thành nơi tiếp nhận chất thải và công nghệ sản xuất, tái chế lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường từ các nước khác trên thế giới.

Nhằm tăng cường quản lý hoạt động nhập khẩu, sử dụng PLNK làm nguyên liệu sản xuất, thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại, kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu từ xa, giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, ngày 17/9/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 27/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng PLNK làm nguyên liệu sản xuất.

KHÔNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU VỀ CHỈ ĐỂ SƠ CHẾ

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ TN&MT



▲ Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chủ trì phiên họp Thường trực Chính phủ về tình hình nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam và các giải pháp quản lý, ngày 25/7/2018

chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước về BVMT đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Bộ không cấp mới GXN, không gia hạn Giấy xác nhận (GXN) đối với đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu; chỉ xem xét cấp mới, cấp lại GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với đơn vị nhập khẩu phế liệu để sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất khi chứng minh được nhu cầu và năng lực sử dụng phế liệu. Đồng thời, tiếp tục rà soát, hoàn thiện, bổ sung và xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT trong nhập khẩu phế liệu theo hướng quy định chặt chẽ các điều kiện BVMT đối

với các cơ sở sử dụng PLNK làm nguyên liệu sản xuất, không cấp phép cho các cơ sở sản xuất nhập khẩu phế liệu về chỉ để sơ chế, xử lý và bán lại nguyên liệu; thực hiện ký quỹ bảo đảm PLNK trước khi phế liệu được nhập vào lãnh hải, lãnh thổ Việt Nam; rà soát các điều ước quốc tế về BVMT mà Việt Nam đã tham gia, rà soát các quy định về quản lý nhập khẩu hàng hóa nhóm 2 là PLNK tại Việt Nam để không trái với các cam kết quốc tế; rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với PLNK làm nguyên liệu sản xuất nhằm quản lý chặt chẽ chất lượng PLNK, đồng thời, để thuận lợi cho công tác giám định PLNK, hoàn thành và ban hành trong quý III/2018.

Bên cạnh đó, Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các Bộ,



ngành và địa phương tổ chức thanh tra, kiểm tra đánh giá toàn diện công tác cấp Giấy chứng nhận (GCN)/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; việc chấp hành pháp luật về BVMT trong nhập khẩu và sử dụng PLNK của các tổ chức được cấp GCN/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; việc chấp hành pháp luật về BVMT, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của các tổ chức được chỉ định tham gia chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với PLNK làm nguyên liệu sản xuất và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu phát hiện vi phạm.

PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN HÀNG PLNK KHÔNG ĐÁP ỨNG QUY ĐỊNH

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chỉ đạo cơ quan Hải quan tập trung lực lượng cho thông quan nhanh các lô hàng PLNK của tổ chức, cá nhân đã có GCN/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất còn hiệu lực và hạn ngạch nhập khẩu; chỉ đạo Tổng cục Hải quan áp dụng các biện pháp ngăn chặn từ xa các lô hàng PLNK không đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam; hướng dẫn các hãng tàu/đại lý hãng tàu khi khai thông tin E-manifest trước khi tàu cập cảng phải khai đầy đủ thông tin cụ thể về chủ hàng tại Việt Nam đối với PLNK (tên doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ, số của GCN/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất...), mô tả hàng hóa phải thể hiện đầy đủ để xác định được loại phế liệu thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất...

Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan liên quan thông báo cho các doanh nghiệp kinh doanh cảng biển, chủ tàu, chủ hãng vận tải biển chỉ được đưa xuống tàu để vận chuyển về Việt Nam những đơn hàng có GCN/GXN đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu (còn hiệu lực) nhằm phòng ngừa vận chuyển phế liệu bất hợp pháp từ xa ngoài biên giới; chủ tàu, chủ hãng vận tải biển phải chịu trách nhiệm đối với lô hàng phế liệu đang vận chuyển của tổ chức, cá nhân không có GCN/GXN đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu; doanh nghiệp kinh doanh cảng biển không cho hàng hóa dỡ xuống cảng biển Việt Nam khi chủ tàu và chủ hàng không xuất trình được GCN/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất còn hiệu lực, hạn ngạch nhập khẩu và chưa

thực hiện ký quỹ bảo đảm PLNK theo quy định; chịu trách nhiệm về việc cho phép bốc dỡ các lô hàng PLNK nêu trên.

KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ, BUỘC TÁI XUẤT CÁC LÔ HÀNG LỢI DỤNG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU ĐỂ ĐƯA CHẤT THẢI VÀO VIỆT NAM

Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương rà soát, bổ sung quy định về việc tạm dừng các hoạt động tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển hàng hóa là PLNK vào lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật; kiên quyết buộc tái xuất các lô hàng lợi dụng nhập khẩu phế liệu để đưa chất thải vào Việt Nam, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát, áp dụng, hoặc đề xuất áp dụng biện pháp tạm ngừng hoạt động tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển hàng hóa là phế liệu vào lãnh thổ Việt Nam phù hợp với tình hình thực tế; chủ trì, phối hợp với

các Bộ, ngành, cơ quan liên quan nghiên cứu áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đối với việc nhập khẩu phế liệu; chỉ đạo cơ quan quản lý thị trường theo thẩm quyền tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động buôn bán và sử dụng PLNK; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu, kể từ ngày 1/10/2018, không cho phép PLNK thông qua các cửa khẩu bằng đường bộ và đường sắt vào Việt Nam.

Bộ TN&MT, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ xem xét cấp mới, cấp lại GXN đối với đơn vị nhập khẩu sử dụng trực tiếp phế liệu làm nguyên liệu sản xuất khi chứng minh được nhu cầu và năng lực sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Gửi GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất và các thông báo về lô hàng PLNK theo thẩm quyền trên Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT và Cổng thông tin Một cửa quốc gia.



▲ Kiểm soát chặt chẽ các lô hàng lợi dụng nhập khẩu phế liệu để đưa chất thải vào Việt Nam



KHẨN TRƯỞNG PHỐI HỢP VỚI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI CHỈ THỊ SỐ 27/CT-TTg

Triển khai Chỉ thị số 27/CT-TTg, thời gian qua, Bộ TN&MT đã khẩn trương phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai một số nội dung. Cụ thể, Bộ đã hoàn thành kế hoạch thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với công tác cấp GCN/GXN đủ điều kiện BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất và hoạt động nhập khẩu, sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo Quyết định số 2534/QĐ-BTNMT ngày 10/8/2018. Tổ chức Đoàn thanh tra liên ngành do Bộ TN&MT chủ trì, với sự tham gia của các Bộ: Tài chính, Công Thương, Công an tại Quyết định số 2535/QĐ-BTNMT về thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với công tác cấp GCN/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất và hoạt động nhập khẩu, sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Nội dung thanh tra, bao gồm: Công tác cấp GCN/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; việc chấp hành pháp luật về BVMT của các tổ chức được cấp GCN/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với các tổ chức đã được Bộ TN&MT chỉ định tham gia chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với PLNK làm nguyên liệu sản xuất.

Bộ TN&MT đã thành lập Đoàn công tác đến làm việc với Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố: Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh để thống kê chủng loại và khối lượng hàng hóa tồn đọng tại cảng (theo tờ khai E-manifest), danh sách các tổ chức, cá nhân đã kê khai hàng hóa nhập khẩu là phế liệu trên hệ thống E-manifest. Trên cơ sở thực tế và số liệu cung cấp của các đơn vị nêu trên, Tổng cục Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao về công tác quản lý môi trường đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, đã trình Bộ trưởng ký Công văn số 5087/ BTNMT-TCMT ngày 18/9/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về thực trạng tồn đọng PLNK tại các cảng và đề xuất biện pháp xử lý; trình Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành Quyết định số 2606/QĐ-BTNMT về việc thành lập Tổ biên tập xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và

đã tổ chức họp Tổ biên tập xây dựng Dự thảo Quyết định.

Ngoài ra, Bộ cũng ban hành Thông tư số 08/2018/ TT-BTNMT và Thông tư số 09/2018/TT-BTNMT ngày 14/9/2018 của Bộ TN&MT về việc ban hành 6 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (QCVN 31:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu sắt, thép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 32:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 33:2018/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 65:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu thủy tinh nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 66:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu kim loại màu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 67:2018/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu xi hạt lò cao nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất);

Cập nhật thường xuyên, kịp thời và công bố danh sách 283 tổ chức được cấp GCN/GXN đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trên Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT. Đồng thời, Bộ TN&MT đã cập nhật các văn bản thông báo lô hàng PLNK để kiểm tra, thông quan trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.

Để triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 27/CT-TTg nêu trên, trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ tiếp tục phối hợp với các

đơn vị có liên quan triển khai một số nội dung sau: Phối hợp Văn phòng Chính phủ hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật BVMT 2014, theo hướng quy định dừng cấp GCN cho đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu trong Chỉ thị bảo đảm theo quy định của pháp luật;

Phối hợp với Bộ Công Thương, các hiệp hội ngành, nghề và các cơ quan liên quan đánh giá nhu cầu sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; khả năng đáp ứng nguồn nguyên liệu trong nước và nhu cầu nhập khẩu phế liệu về Việt Nam để phục vụ cho các hoạt động sản xuất, báo cáo Lãnh đạo Bộ TN&MT, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu, theo hướng không cho phép nhập khẩu các loại phế liệu có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, những loại phế liệu trong nước đang sẵn có nguồn nguyên liệu, phế liệu; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy trình rút gọn Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (sửa đổi) trong quý IV năm 2018; Tiếp tục phối hợp với các địa phương cập nhập thường xuyên, kịp thời và công bố danh sách những tổ chức, cá nhân được cấp GCN/GXN đủ điều kiện BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, các tổ chức tham gia chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với PLNK làm nguyên liệu sản xuất, thông báo về lô hàng PLNK trên Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT và Cổng thông tin Một cửa quốc gia■



Hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

NGUYỄN PHẠM HÀ
NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

Vụ Quản lý chất thải, Tổng cục Môi trường

Hiện nay, việc tồn đọng các công ten nơ phế liệu nhập khẩu (PLNK) tại các cảng biển đang là mối quan tâm lớn của dư luận xã hội, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, gây ô nhiễm môi trường... Theo thống kê, có 15.442 công ten nơ PLNK đang lưu tại các cảng, trong đó, số lưu dưới 90 ngày là 10.535 công ten nơ (chiếm 68%) và số tồn đọng quá 90 ngày là 4.907 công ten nơ (chiếm 32%). Các phế liệu chủ yếu là nhựa, sắt thép, giấy, nhôm, kim loại màu...

Trước tình hình trên, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ: TN&MT, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải và UBND các tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu (là các địa phương có cảng biển có số lượng lớn phế liệu tồn đọng) căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc để xảy ra tình trạng này; tăng cường phối hợp kiểm soát chặt chẽ, tốt hơn việc nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam trong thời gian tới, không để Việt Nam trở thành bãi thải, ảnh hưởng tới môi trường sống và uy tín của Việt Nam. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ TN&MT khẩn trương ban hành quy chuẩn kỹ thuật (QCKT) quốc gia về môi trường đối với toàn bộ mặt hàng PLNK.

Ngày 14/9/2018, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2018/TT-BTNMT quy định QCKT quốc gia về môi trường đối với 6 nhóm PLNK được sử dụng phổ biến trong quá trình sản xuất và thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014. 6 quy chuẩn gồm: QCVN 31:2018/BTNMT - QCKT quốc gia về môi trường đối với phế liệu sắt, thép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 32:2018/BTNMT - QCKT quốc gia về



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà chủ trì cuộc họp về công tác quản lý nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, ngày 24/7/2018

môi trường đối với phế liệu nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 33:2018/BTNMT - QCKT quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 65:2018/BTNMT - QCKT quốc gia về môi trường đối với phế liệu thủy tinh nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 66:2018/BTNMT - QCKT quốc gia về môi trường đối với phế liệu kim loại màu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; QCVN 67:2018/BTNMT - QCKT quốc gia về môi trường đối với phế liệu xỉ hạt lò cao (xỉ hạt nhỏ, xỉ cát từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép) nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Có thể nói, các QCKT quốc gia về môi trường đối với PLNK này được ban hành nhằm kiểm soát chặt chẽ chất lượng PLNK vào Việt Nam

thông qua các quy định kỹ thuật, phương pháp kiểm tra, giám định chất lượng phế liệu và quy định quản lý để điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá nhân có liên quan như: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động nhập khẩu, sử dụng phế liệu; tổ chức đánh giá sự phù hợp chất lượng PLNK.

CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT TRONG QCVN

Đối với phế liệu sắt, thép; nhựa; giấy nhập khẩu, các quy định kỹ thuật (QĐKT) về cơ bản không thay đổi nhiều so với các QCVN 31:2010/BTNMT; QCVN 32:2010/BTNMT và QCVN 33:2010/BTNMT. Theo đó, QĐKT đối với các loại PLNK này bao gồm quy định về phân loại, làm sạch phế liệu; mô tả về các



▲ Tổng kiểm tra BVMT trong nhập khẩu phế liệu

loại phế liệu được phép nhập khẩu, không được phép nhập khẩu; tạp chất không mong muốn được phép lẫn trong PLNK và các loại tạp chất không được lẫn trong PLNK. Quy định về tỷ lệ tạp chất được lẫn trong PLNK không thay đổi so với quy định tại các Quy chuẩn năm 2010, như vậy, tỷ lệ tạp chất được phép lẫn trong phế liệu sắt, thép là 1%, phế liệu nhựa và phế liệu giấy là 2%, đối với phế liệu giấy, độ ẩm được quy định là 20%.

Để phù hợp với thực tiễn, QĐKT đối với phế liệu nhựa nhập khẩu, QCVN 32:2018/BTNMT mô tả cụ thể hơn về dạng, loại phế liệu nhựa được phép nhập khẩu. Dạng phế liệu nhựa được phép nhập khẩu không chỉ bao gồm khối, cục, băng, dây, thanh, nẹp mà còn bao gồm các dạng như dải, màng, khay, tấm, lá, pallet, kết nhựa, bao jumbo đã được cắt thành dải, tấm hoặc băng và bao bì nhựa (PET) đựng nước uống có ga nhưng phải loại bỏ hoàn toàn chất lỏng bên trong. Đồng thời, để đảm bảo kiểm soát chất lượng phế liệu nhựa dạng màng, QCVN 32:2018/BTNMT đã quy định bắt buộc phải lấy mẫu, phân tích để xác định thành phần tạp chất, tỷ lệ tạp chất.

Đối với các loại PLNK là nhóm kim loại màu, thủy tinh, xỉ hạt lò cao (xỉ hạt nhỏ, xỉ cát từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép), QĐKT tại QCVN bao gồm: Phân loại, làm sạch phế liệu; mô tả về các loại phế liệu được phép nhập khẩu, không được phép nhập khẩu; tạp chất không mong muốn được phép lẫn trong PLNK và

các loại tạp chất không được lẫn trong PLNK. Tuy nhiên, PLNK là xỉ hạt lò cao có tính đồng nhất tương đối cao nên yêu cầu kỹ thuật chỉ bao gồm quy định về phân loại, làm sạch phế liệu, các tạp chất không được phép lẫn trong phế liệu và được phép nhập khẩu phế liệu xỉ hạt lò cao đáp ứng QCVN 16:2017/BXD. Tỷ lệ khối lượng tạp chất được lẫn trong phế liệu thủy tinh và kim loại màu được quy định không vượt quá 2% so với tổng khối lượng lô hàng nhập khẩu.

QUY TRÌNH KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH TRONG QCVN

Mặc dù, các QCVN 31:2010/BTNMT; QCVN 32:2010/BTNMT và QCVN 33:2010/BTNMT đã quy định cụ thể về quy trình kiểm tra, phương pháp lấy mẫu, phân tích để xác định chất lượng PLNK. Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa các QCVN được ban hành tại Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT và Thông tư

số 09/2018/TT-BTNMT với QCVN được ban hành tại Thông tư số 43/2010/TT-BTNMT là các quy định về phương pháp xác định chất lượng phế liệu, quản lý ràng buộc đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhập khẩu, sử dụng phế liệu. Cụ thể:

Hoạt động kiểm tra, giám định đối với phế liệu được quy định cụ thể về quy trình kiểm tra hiện trường bằng mắt thường và thông qua việc lấy mẫu, phân tích (nếu có) để xác định chất lượng PLNK. Phương pháp lấy mẫu cũng được quy định cụ thể đối với từng loại hình lô hàng PLNK (hàng rời và một hoặc nhiều công ten nơ chứa phế liệu). Theo đó, QCVN đã quy định việc xác định chất lượng phế liệu được thực hiện thông qua việc lấy mẫu đại diện là tập hợp các mẫu ngẫu nhiên được lấy và trộn đều theo phương pháp đã quy định. Khối lượng lấy mẫu ngẫu nhiên và mẫu đại diện cũng được quy định tại QCVN, tùy thuộc vào loại PLNK. Đối với lô hàng nhập khẩu gồm một hoặc nhiều công ten nơ chứa phế liệu, QCVN quy định tỷ lệ lựa chọn số công ten nơ để lấy mẫu: Đối với lô hàng có dưới 5 công ten nơ thì lựa chọn 1 công ten nơ để lấy mẫu; đối với lô hàng có từ 5 đến dưới 20 công ten nơ thì lựa chọn 2 công ten nơ để lấy mẫu và lô hàng phế liệu có từ 20 công ten nơ trở lên thì lựa chọn 10 % số công ten nơ để lấy mẫu.

Nhằm xác định chất lượng PLNK, phương pháp lấy mẫu cũng đã được quy định cụ thể, chi tiết ở các nội dung sau: Chúng loại PLNK tương ứng với mã HS (mã số hàng hóa nhập khẩu) đăng ký trong hồ



sơ hải quan; Xác định tỷ lệ khối lượng, thành phần tạp chất (được phép lẫn và tỷ lệ lẫn trong phế liệu; tạp chất không được phép lẫn (thành phần nguy hại, nồng độ hoạt độ phóng xạ (nếu có)).

Việc xác định hàm lượng, nồng độ các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Mặt khác, việc xác định tỷ lệ khối lượng, thành phần tạp chất và các thông số khác được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

KIỂM TRA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PLNK

Trong nội dung về quy định quản lý, các QCVN đã cụ thể hóa PLNK làm nguyên liệu sản xuất là hàng hóa nhóm 2 và phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP. Ngoài ra, việc kiểm tra PLNK trong quá trình thông quan phải được thực hiện theo quy định của pháp luật hải quan. Do đó, QCVN được ban hành đã quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu trong quá trình kiểm tra nhà nước về chất lượng phế liệu; cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng PLNK; tổ chức giám định phế liệu thuộc danh mục đã được Bộ TN&MT chỉ định trong việc cung cấp chứng thư và các tài liệu có liên quan đến quá trình kiểm tra thực tế PLNK. Chứng thư giám định phải thể hiện đầy đủ kết quả về tỷ lệ khối lượng, thành phần tạp chất và các yêu cầu kỹ thuật được quy định tại QCVN.

Như vậy, QCKT quốc gia về môi trường đối với PLNK được ban hành tại Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2018/TT-BTNMT đã kế thừa các quy định về quản lý chất lượng PLNK áp dụng hiệu quả trong thời gian qua, đồng thời đã xây dựng, bổ sung các yêu cầu kỹ thuật và quy định quản lý phù hợp với thực tế hiện nay. Với những quy định chặt chẽ, rõ ràng, chi tiết tại QCVN, việc quản lý chất lượng PLNK trong thời gian tới sẽ đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, hạn chế rủi ro môi trường trong hoạt động nhập khẩu, sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất■

Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu

TRẦN ÁNH DƯƠNG

Vụ Môi trường, Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 1/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và khoản 3, Điều 8, Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải (TCKH) đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, UBND các tỉnh/thành phố (TP) nghiên cứu, xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình nâng cao mức TCKH đối với xe ô tô tham gia giao thông, xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu (Quyết định).

TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TỚI SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Ô nhiễm môi trường không khí gây ra những tác động trực tiếp tới sức khỏe cộng đồng. Tỷ lệ người dân ở các đô thị lớn mắc các bệnh liên quan đến ô nhiễm không khí chiếm tỷ lệ khá cao, trong đó trẻ em là nhóm đối tượng chịu tác động lớn nhất. Theo báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), ước tính có khoảng 2/3 trường hợp tử vong và giảm tuổi thọ do ô nhiễm không khí tại các nước đang phát triển ở châu Á. Tại Việt Nam, tỷ lệ người mắc bệnh hô hấp ở các đô thị lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh cao hơn các đô thị khác. Ô nhiễm không khí cũng gây ra những thiệt hại về kinh tế do chi phí cho việc chữa trị bệnh tật và chi phí do mất ngày công lao động của người bệnh và người chăm sóc.

Tại các đô thị, khí thải từ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (PTGTCTGB) đóng góp nhiều nhất trong tổng lượng phát thải gây ô nhiễm môi trường không khí. Theo các báo cáo đánh giá chất lượng không khí, tại Hà Nội



và TP. Hồ Chí Minh, các chỉ số NO_x, CO (các hợp chất có trong khí thải của PTGTCTGD) đã vượt mức cho phép từ 1,2 - 1,5 lần, gây tác động xấu đến sức khỏe người dân ở 2 TP trên.

LỘ TRÌNH KIỂM SOÁT KHÍ THẢI XE Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP VÀ NHẬP KHẨU MỚI

Ngày 10/10/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg quy định lộ trình áp dụng TCKT đối với PTGTCTGD (Quyết định số 249). Ngay từ những năm đầu triển khai Quyết định số 249, việc kiểm soát chất lượng khí thải xe ô tô sản xuất lắp ráp và nhập khẩu (SXLR&NK) mới đã mang lại những hiệu quả rõ rệt, nồng độ CO và HC trung bình của xe ô tô lắp động cơ xăng giảm tương ứng 63% và 45,63%; độ khói trung bình của xe ô tô lắp động cơ diesel giảm 15,1%. Công tác kiểm định khí thải xe ô tô tham gia giao thông đã có chuyển biến tích cực. Phát thải chất gây ô nhiễm được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ phương tiện không đạt khi kiểm tra khí thải đang giảm dần theo từng năm, chất lượng môi trường không khí được cải thiện. Tuy nhiên, tính đến tháng 5/2018, số lượng xe ô tô tham gia giao thông đã tăng 3,22 lần so với năm 2008 (3.050.794 xe so với 946.601 xe) và tiếp tục gia tăng khoảng 15%/năm, vì vậy, nếu xét tổng lượng phát thải từ ô tô thì mức độ ô nhiễm không khí, đặc biệt là ô nhiễm môi trường không khí đô thị đã gia tăng đáng kể.

Ngày 1/9/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg quy định lộ trình áp dụng TCKT đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh SXLR&NK mới. Theo đó, ô tô SXLR&NK mới áp dụng TCKT mức Euro 4 từ ngày 1/1/2017 và Euro 5 từ ngày 1/1/2022. Tuy nhiên, ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu vẫn áp dụng các mức TCKT cũ (quy định cách đây 12 năm), đến nay, đã lạc hậu. Do đó, cần phải xây dựng lộ trình nâng cao mức TCKT, nhằm đồng bộ với việc kiểm soát khí thải đối với xe ô tô SXLR&NK mới.

Đồng thời, kiểm soát khí thải cần thực hiện từng bước, có sự phân biệt giữa các TP lớn, nơi có mật độ giao thông cao, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do mức độ phát thải của xe ô tô. Các đô thị lớn tập trung nhiều phương tiện tham gia giao thông, mức độ ô nhiễm môi trường không khí đang vượt các giới hạn cho phép, nên cần áp dụng mức TCKT cao



▲ Nâng cao mức TCKT đối với xe ô tô tham gia giao thông nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí

hơn mức chung của quốc gia. Đặc biệt, vai trò của UBND các tỉnh/TP là rất quan trọng trong việc khoanh vùng kiểm soát, hạn chế các phương tiện có mức phát thải cao vào khu vực trung tâm đô thị.

Mức TCKT mới có tính đến các yếu tố như tuổi đời, công nghệ xử lý khí thải của phương tiện giao thông và việc thực hiện kiểm soát khí thải trước đó, nhằm tạo điều kiện để người sử dụng phương tiện tuân thủ.

Nâng cao mức TCKT phải kế thừa kết quả kiểm soát khí thải của giai đoạn trước, tận dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện có, không phát sinh thêm thủ tục hành chính và phải phù hợp để người dân có thời gian chuẩn bị.

Ngoài ra, cần có sự tham gia của toàn xã hội vào việc nâng cao mức TCKT và đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về TCKT đối với các phương tiện giao thông.

Mục tiêu xây dựng lộ trình nâng cao mức TCKT nhằm kiểm soát hiệu quả hơn tình trạng phát thải chất gây ô nhiễm trong khí thải xe ô tô tham gia giao thông và

xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu, giảm mức độ ô nhiễm không khí, bảo vệ sức khỏe người dân; tăng cường ý thức, trách nhiệm của chủ phương tiện trong việc kiểm tra, bảo dưỡng xe ô tô nhằm đáp ứng mức TCKT cho phép.

Lộ trình áp dụng các mức TCKT đối với xe ô tô nhập khẩu đã qua sử dụng như sau: Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức (động cơ sử dụng nhiên liệu xăng, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí tự nhiên nén (CNG) và các loại tương tự, áp dụng Mức 4 kể từ ngày 1/1/2020. Đối với ô tô lắp động cơ cháy do nén (động cơ sử dụng nhiên liệu diesel và các loại tương tự) áp dụng Mức 3 từ ngày 1/1/2020.

Lộ trình áp dụng các mức TCKT đối với xe ô tô tham gia giao thông: Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén (ô tô) tham gia giao thông sản xuất trước năm 1999 được tiếp tục áp dụng Mức 1; Ô tô tham gia giao thông sản xuất từ năm 1999 đến hết năm 2008 áp dụng Mức 2 từ ngày 1/1/2021; Ô tô tham gia giao thông sản xuất sau năm 2008 áp dụng Mức 2 từ ngày 1/1/2020■



Hiện trạng phát sinh, thu gom và xử lý chất thải rắn ở Việt Nam

LÊ HOÀNG ANH, MẠC THỊ MINH TRÀ, NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN

Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc - Tổng cục Môi trường

Trong thời gian qua, sự gia tăng dân số cùng với phát triển kinh tế - xã hội đã làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng, đồng thời làm gia tăng lượng phát sinh chất thải rắn (CTR), với thành phần ngày càng phức tạp đã và đang gây khó khăn cho công tác quản lý CTR ở Việt Nam.

TÌNH HÌNH PHÁT SINH, THU GOM VÀ XỬ LÝ CTR

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2016, cả nước thu gom được trên 33.167 tấn CTR, trong đó tổng lượng CTR thông thường thu gom được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng đạt khoảng 27.067 tấn (chiếm tỷ lệ 81%). Như vậy, vẫn còn khoảng 5.100 tấn CTR được thu gom nhưng chưa được xử lý theo quy định, chưa kể lượng lớn CTR chưa thu gom, đã và đang gây ô nhiễm môi trường.

CTR sinh hoạt: Trong các nguồn phát sinh CTR, lượng CTR sinh hoạt đô thị tăng nhanh theo quy mô dân số đô thị. Ước tính lượng CTR sinh hoạt ở các đô thị phát sinh trên toàn quốc tăng trung bình 10 ÷ 16 % mỗi năm. Lượng CTR sinh hoạt đô thị tăng mạnh ở các đô thị lớn như

TP. Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, nơi có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa tăng nhanh, chiếm tới 45,24%, tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh từ các đô thị lớn trên cả nước; Tỷ lệ CTR sinh hoạt chiếm khoảng 60 - 70% tổng lượng CTR đô thị (một số đô thị tỷ lệ này lên đến 90%). Tại khu vực nông thôn, lượng CTR sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 0,33 kg/người/ngày. Vùng đồng bằng sông Hồng và Cửu Long là 0,4 kg/người/ngày, thấp nhất là vùng núi phía Bắc (0,2 kg/người/ngày). Đến nay, số lượng CTR sinh hoạt nông thôn hiện chưa được thống kê đầy đủ do công tác quản lý CTR sinh hoạt nông thôn còn hạn chế.

Mặc dù, tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tăng hàng

năm, nhưng do lượng CTR phát sinh lớn, năng lực thu gom còn hạn chế, cùng với ý thức cộng đồng chưa cao nên tỷ lệ thu gom chưa đạt yêu cầu. Tổng khối lượng CTR sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý năm 2016 là 33.100 tấn/ngày (đạt 85,5%). Lượng CTR sinh hoạt được thu gom tại các đô thị đặc biệt và đô thị loại 1 đạt khoảng 90%. Công tác phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn đã được thực hiện thí điểm ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng từ nhiều năm trước, đến nay TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành nhân rộng triển khai tại các quận nội thành.

Công tác thu gom CTR tại nông thôn cũng đã được chú trọng trong những năm gần đây, tuy nhiên, cũng chủ yếu tập trung ở các khu vực nông thôn vùng đồng bằng. Khu vực miền núi, do tập quán sinh hoạt, rác thải sinh hoạt phần lớn vẫn được các hộ dân tự thu gom và xử lý tại nhà (đổ ra vườn). Theo thống kê có khoảng 60% số thôn hoặc xã tổ chức thu dọn định kỳ, trên 40% thôn, xã đã hình thành các tổ thu gom rác thải tự quản. Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt tại khu vực nông thôn mới đạt khoảng 40 - 55%. Theo báo cáo của Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng, tính đến tháng 11/2016, cả nước có khoảng 35 nhà máy xử lý CTR tập trung tại các đô thị được đầu tư xây dựng và đi vào vận hành. Tổng công suất xử lý



▲ Lượng CTR sinh hoạt ở các đô thị tăng nhanh đang là nguồn phát sinh gây ô nhiễm môi trường



theo thiết kế khoảng 7.500 tấn/ngày. Số lượng lò đốt CTR sinh hoạt có khoảng 50 lò đốt, đa số là các lò đốt cỡ nhỏ, công suất xử lý dưới 500 kg/giờ. Ngoài ra, cả nước có khoảng 660 bãi chôn lấp CTR sinh hoạt (chưa thống kê được đầy đủ bãi chôn lấp nhỏ rải rác ở các xã) với tổng diện tích khoảng 4.900 ha. Tuy nhiên, trong đó chỉ có 203 bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Nhiều xã, đặc biệt các xã miền núi, chưa có bãi rác tập trung, thiếu người và phương tiện chuyên chở rác, chủ yếu hình thành bãi rác tự phát, là nguồn gây ô nhiễm môi trường.

CTR nông nghiệp: Ước tính mỗi năm khu vực nông thôn phát sinh khoảng 76 triệu tấn rơm rạ và 47 triệu tấn chất thải chăn nuôi. Các phụ phẩm nông nghiệp như rơm rạ, phần thân thải bỏ của các cây trồng ngắn ngày (ngô, đậu...) hay các loại vỏ, chất thải sau sơ chế (điều, cà phê...) chiếm một lượng khá lớn, tuy nhiên không được tính toán trong thống kê lượng CTR phát sinh của các địa phương cũng như toàn quốc. Bên cạnh đó, CTR chăn nuôi đang là một trong những nguồn thải lớn ở nông thôn. Theo ước tính, có khoảng 40 - 70% (tùy theo từng vùng) CTR chăn nuôi được xử lý, số còn lại thải trực tiếp thẳng ra ao, hồ, kênh, rạch...

CTR công nghiệp: Lượng CTR công nghiệp ở nước ta những năm gần đây phát sinh rất lớn, đặc biệt là ở những vùng có ngành công nghiệp phát triển như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu... Riêng TP. Hồ Chí Minh, trong năm 2016, khối lượng CTR công nghiệp ước tính phát sinh khoảng 1.500 - 2.000 tấn/ngày từ hơn 2.000 nhà máy lớn, 10.000 cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, nằm trong và ngoài các khu chế xuất (KCX) - khu công nghiệp (KCN) và cụm công nghiệp (CCN); tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũng phát sinh lượng lớn CTR thông thường khoảng 1.000 tấn/ngày, chủ yếu là xỉ thép, tạp chất từ phế liệu thép nhập khẩu, xỉ than đá, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải... Theo số liệu của Tổng cục Môi trường, lượng CTR thông thường phát sinh từ các hoạt động sản xuất công nghiệp ước tính khoảng 25 triệu tấn/năm, riêng từ các KCN là khoảng 8,1 triệu tấn/năm. Theo đánh giá, thành phần CTR công nghiệp có thể thay đổi theo hướng gia tăng chất thải nguy hại, đây là kết quả của quá trình gia tăng mức độ công nghiệp hóa và sử dụng hóa chất ngày càng cao.

Với lợi thế là mô hình sản xuất tập trung, các KCN có nhiều thuận lợi hơn trong việc quản lý chất thải, do đó, tỷ lệ thu gom CTR tại khu vực này cao hơn so với các CCN và cơ sở sản xuất

ngoài KCN. Tại các KCN, CTR thường được tận dụng tái chế, tái sử dụng tối đa, phần thải bỏ sẽ ký hợp đồng với đơn vị/doanh nghiệp xử lý chất thải để xử lý tập trung. Phần lớn các CCN vẫn chưa hoàn thiện công trình thu gom, xử lý chất thải tập trung. Đối với các cơ sở sản xuất nằm ngoài KCN, CCN, việc quản lý, kiểm soát ô nhiễm còn gặp nhiều khó khăn.

CTR xây dựng: Cùng với tốc độ đô thị hóa, các công trình xây dựng tăng nhanh ở các đô thị lớn của cả nước, nên lượng chất thải xây dựng cũng tăng rất nhanh, chiếm khoảng 10 ÷ 15% CTR đô thị. Các đô thị đặc biệt như TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, CTR xây dựng chiếm 25% CTR đô thị. Đối với các địa phương khác như Bắc Giang, Hải Phòng, An Giang, CTR xây dựng chiếm 12 - 13% lượng CTR đô thị. Ước tính đến năm 2020, lượng CTR xây dựng phát sinh tại vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ khoảng 3.900 tấn/ngày và tăng lên trên 6.400 tấn/ngày đến năm 2030. Thành phần chủ yếu của CTR xây dựng là đất cát, gạch vỡ, thủy tinh, bê tông và kim loại... thường được chôn lấp cùng với CTR sinh hoạt.

CTR y tế: Lượng CTR y tế phát sinh tại các bệnh viện, cơ sở y tế khoảng 450 tấn/ngày, trong đó có khoảng 47 - 50 tấn/ngày là chất thải y tế nguy hại (Bộ Y tế, 2017). CTR y tế ngày càng gia tăng ở hầu hết các địa phương do số lượng cơ sở y tế, giường bệnh và việc sử dụng các sản phẩm dùng một lần trong y tế tăng cao... Theo Bộ Y tế, năm 2017, 100% bệnh viện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế thuê xử lý CTR y tế thông thường. Chất thải y tế phát sinh từ các cơ sở khám chữa bệnh ngoài sự quản lý của Bộ Y tế, phần lớn được thu gom và vận chuyển đến các khu vực

lưu giữ, sau đó được xử lý tại các lò thiêu đốt nằm ngay trong cơ sở hoặc ký hợp đồng vận chuyển và xử lý với các cơ sở đã được cấp phép.

CÔNG NGHỆ XỬ LÝ, TÁI CHẾ

Công nghệ xử lý, tái chế CTR được xác định dựa trên thành phần, tính chất, khối lượng phát sinh CTR, điều kiện cụ thể của từng địa phương và đảm bảo theo nguyên tắc 3RVE: (giảm thiểu), (sử dụng lại), (tái sinh, tái chế). Đối với CTR sinh hoạt và CTR công nghiệp thông thường, các phương thức xử lý như công nghệ ủ sinh học được áp dụng để chế biến phân compost, thu khí; chôn lấp truyền thống để chế biến khí, sản xuất phân compost; ngoài ra còn áp dụng phương thức đốt (có hoặc không thu hồi năng lượng)... Hiện nay đã có 5 công nghệ xử lý CTR đã được Bộ Xây dựng công nhận, gồm: 2 công nghệ ủ sinh học làm phân hữu cơ (Seraphin và Ansinh-ASC); 1 Công nghệ MBT-CD.08 (tạo viên nhiên liệu RDF); 2 công nghệ đốt (công nghệ ENVIC và BD-ANPHA).

Tuy nhiên, việc xử lý CTR từ hoạt động sản xuất đặc thù còn gặp nhiều khó khăn. Những năm gần đây, tro, xỉ, than từ các nhà máy nhiệt điện, xỉ thải từ các nhà máy luyện thép đã được tái chế để làm gạch không nung, phụ gia bê tông, phụ gia xi măng nhưng trên thực tế, lượng xỉ thải phần lớn vẫn được xử lý bằng biện pháp chôn lấp, phát sinh hàng loạt vấn đề ô nhiễm môi trường.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CTR

Trong những năm qua, công tác quản lý CTR luôn được quan tâm, chú trọng, Nhà



nước đã ban hành nhiều văn bản, pháp luật về quản lý CTR như Luật BVMT năm 2014; Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản dưới luật như Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ phê duyệt về quản lý chất thải và các Thông tư hướng dẫn.

Hệ thống chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về quản lý CTR liên tục được điều chỉnh để phù hợp với tình hình mới. Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR theo Quyết định số 419/QĐ-TTg. Theo đó, quản lý tổng hợp CTR là kết hợp các phương pháp theo tiếp cận tổng thể để quản lý chất thải trong toàn bộ vòng đời chất thải từ khi phát sinh đến xử lý cuối cùng; được thực hiện liên vùng, liên ngành, đảm bảo sự tối ưu về kinh tế, kỹ thuật, an toàn về xã hội và môi trường.

Bên cạnh đó, hệ thống tổ chức trong quản lý CTR đã dần đi vào nề nếp. Đối với lĩnh vực quản lý CTR thông thường về cơ bản đã được phân định khá rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành trong Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Nghị định số 59/2007/NĐ-CP, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Đối với việc phân cấp quản lý CTR ở địa phương, theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Chính phủ giao cho UBND cấp tỉnh phân công, phân cấp trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn (Sở Xây dựng hoặc giao cho Sở TN&MT) chủ trì quản lý.

Về công tác quy hoạch xử lý CTR, đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu xử lý CTR của 4 vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) Bắc bộ, miền Trung, phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long, với 8 khu xử lý CTR liên vùng, liên tỉnh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc xây dựng mô hình xử lý CTR liên vùng, liên tỉnh không phù hợp với công tác quản lý CTR đô thị, mà chỉ phù hợp với công tác quản lý chất thải nguy hại. Tháng 10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch quản lý CTR vùng KTTĐ Bắc bộ đến năm 2030. Theo đó, đối với vùng KTTĐ Bắc bộ, đã có điều chỉnh quy hoạch dựa trên tình hình thực tế, chỉ quy hoạch cấp liên vùng tỉnh đối với CTNH. Đến nay, hầu hết các tỉnh, thành phố đều đã lập và phê duyệt Quy hoạch quản lý CTR trên địa bàn quản lý. Đây là một bước tiến lớn so với giai đoạn trước.

Công tác đầu tư tài chính cũng được tăng cường, một số địa phương đã có những dự án lớn sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn ngân sách hay nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

(FDI) để thực hiện các dự án phân loại rác từ nguồn, thu gom và xử lý CTR với công nghệ hiện đại. Nhà nước cũng khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, xây dựng cơ sở xử lý chất thải, các công trình phụ trợ thông qua các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư. Ngoài ra, nguồn huy động vốn từ Quỹ BVMT Việt Nam cũng được kể đến như một nguồn đầu tư quan trọng hỗ trợ cho các dự án về xử lý chất thải.

Mặc dù, nguồn tài chính đầu tư khá đa dạng, tuy nhiên còn chưa cân đối giữa các lĩnh vực. Cơ cấu phân bổ ngân sách đang dành phần lớn cho hoạt động thu gom và vận chuyển chất thải, chi phí dành cho xử lý, tiêu hủy chất thải rất thấp. Việc huy động nguồn lực theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm trả tiền” chưa thực sự hiệu quả, đặc biệt đối với CTR sinh hoạt hay CTR từ khu vực nông nghiệp, làng nghề.

Bên cạnh việc nâng cao thể chế, chính sách, khoa học công nghệ, tài chính, để quản lý CTR hiệu quả, một số giải pháp cũng được đề ra như:

Đối với CTR sinh hoạt: Xây dựng kế hoạch và từng bước triển khai có hiệu quả phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn; Tiếp tục nghiên cứu các công nghệ xử lý CTR phù hợp với điều kiện Việt Nam nhằm tái sử dụng, tái chế, xử lý thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa lượng CTR phải chôn lấp; Nhân rộng mô hình các khu xử lý CTR có sự tham gia của các doanh nghiệp được cấp phép, cung cấp dịch vụ xử lý CTR cho các địa phương lân cận để nâng cao hiệu quả xử lý chất thải cũng như bảo đảm quản lý vận hành ổn định; Hoàn thành việc xử lý,

đóng cửa các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường theo quy định; Huy động mọi nguồn vốn đầu tư, tăng cường xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý CTR, giảm dần hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước; tiến tới thực hiện cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh CTR sinh hoạt phải trả toàn bộ chi phí cho dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý; hộ gia đình, cá nhân phải trả toàn bộ chi phí thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt và một phần chi phí xử lý.

CTR công nghiệp: Triển khai thực hiện phân loại CTR công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất theo 3 nhóm: Nhóm tái sử dụng tái chế là nguyên liệu sản xuất, nhóm tái sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng và nhóm phải xử lý; Đảm bảo tái sử dụng, tái chế tối đa CTR công nghiệp, tận thu năng lượng trong quá trình xử lý, hạn chế chôn lấp; Đẩy mạnh triển khai sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất, hạn chế phát thải chất thải; Xây dựng quy định, hướng dẫn kỹ thuật và lộ trình kiểm toán chất thải.

CTR y tế: Thực hiện việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định và đảm bảo quy chuẩn môi trường; tăng cường tái chế đối với nhóm chất thải có khả năng tái chế và không chứa yếu tố lây nhiễm, không thải ra từ phòng cách ly; Tăng cường năng lực cho các cơ sở xử lý chất thải để xử lý đa dạng các loại chất thải y tế.

CTR xây dựng: Quản lý và kiểm soát từ nguồn phát thải đến khi xử lý. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tái chế, tái sử dụng CTR xây dựng■



● Tăng thuế bảo vệ môi trường từ ngày 1/1/2019

Ngày 26/9/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 về Biểu thuế BVMT. Theo đó, từ ngày 1/1/2019, thuế BVMT đối với một số mặt hàng xăng dầu và các mặt hàng có ảnh hưởng xấu đến môi trường sẽ được điều chỉnh, cụ thể, mức thuế BVMT đối với mặt hàng xăng (trừ etanol) sẽ tăng lên mức 4.000 đồng/lít; dầu diesel tăng từ 1.500 đồng/lít lên mức trần 2.000 đồng/lít; dầu mazut, dầu nhớt tăng từ 900 đồng/lít lên mức trần 2.000 đồng/lít; dầu hỏa tăng từ 300 đồng/lít lên mức trần 1.000 đồng/lít; Mỡ nhớt tăng từ 900 đồng/lít lên 2.000 đồng/lít...

Ngoài ra, Nghị quyết cũng điều chỉnh mức thuế đối với nhiều mặt hàng có ảnh hưởng xấu đến môi trường như than đá, túi ni lông thuộc diện chịu thuế tăng từ 40.000 đồng/kg lên mức 50.000 đồng/kg; dung dịch HCFC tăng từ 4.000 đồng/kg lên mức 5.000 đồng/kg...; than antraxit tăng từ 20.000 đồng/tấn lên 30.000 đồng/tấn, than nâu, than mỡ, than đá khác, mức thuế tăng từ 10.000 đồng/tấn lên 15.000 đồng/tấn...

● Sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực TN&MT

Ngày 15/10/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 136/2018/NĐ-CP về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực TN&MT. Theo đó, Nghị định sửa đổi, bãi bỏ một số điểm, khoản tại các điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi

tiết thi hành Luật Đất đai); Điều 20 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về định giá đất (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP); Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; Bãi bỏ Điều 9 và Điều 13 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành các quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch BVMT; Bãi bỏ điểm d khoản 5 Điều 22 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT; Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm tại các điều của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu...

Nghị định cũng quy định các tổ chức, cá nhân đăng ký cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý liên quan đến điều kiện cấp phép xử lý CTNH gồm: Các phương tiện, thiết bị lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTNH (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH) phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục V của Nghị định; Phương tiện vận chuyển CTNH phải có hệ thống định vị vệ tinh (GPS) được kết nối mạng thông tin trực tuyến để xác định vị trí và ghi lại hành trình vận chuyển CTNH; Một phương tiện, thiết bị chỉ được đăng ký cho một giấy phép xử lý CTNH, trừ các phương tiện vận chuyển đường biển, đường sắt, đường hàng không; Công trình BVMT tại cơ sở xử lý CTNH và trạm trung chuyển CTNH (nếu có) phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định...

● Tăng cường kiểm soát hoạt động xả nước thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp tại Quảng Ninh

UBND tỉnh Quảng Ninh vừa ban hành Văn bản số 7577/UBND-MT chỉ đạo về công tác tăng cường kiểm soát hoạt động xả nước thải các cơ sở sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

Nhằm khắc phục những tồn tại trong hoạt động xả nước thải vào nguồn nước như: Hoạt động xả nước thải chưa qua xử lý hoặc không đạt tiêu chuẩn vào nguồn nước gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước; gây bồi lắng dòng chảy các lưu vực sông, suối..., UBND tỉnh Quảng Ninh yêu cầu Sở TN&MT chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra đột xuất hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của tất cả các cơ sở sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, kiên quyết đình chỉ hoạt động đối với các đơn vị có hành vi vi phạm nghiêm trọng, tái phạm.

Cùng với đó, UBND các huyện, thị xã, TP chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác nạo vét bồi lắng, đảm bảo lưu thông các dòng chảy trên sông, suối; khẩn trương rà soát các công trình kè đập và các công trình kiến trúc khác trên lưu vực hoặc giáp ranh sông suối, đảm bảo cải tạo, khắc phục, di dời các công trình có yếu tố cản trở dòng chảy. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền về công tác BVMT, nâng cao ý thức chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.



Lồng ghép thông tin khí hậu trong thiết kế, dự toán các công trình cơ sở hạ tầng và lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu

NGUYỄN DIỆU TRINH
NGUYỄN GIANG QUÂN

Vụ Khoa học giáo dục TN&MT, Bộ KH&ĐT

Việt Nam là 1 trong 5 quốc gia trên thế giới chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu (BĐKH). Việt Nam đã triển khai nhiều dự án đầu tư cơ sở hạ tầng (CSHT) và hoạch định các kế hoạch thích ứng với BĐKH. Với tình trạng BĐKH ở Việt Nam, chỉ cần sự thay đổi dù là nhỏ của khí hậu cũng gây ra những tác động tới việc lập kế hoạch và đầu tư CSHT.

DỊCH VỤ KHÍ HẬU (DVKH)

Theo Khuôn khổ toàn cầu dành cho các DVKH (GFCS), các DVKH cung cấp thông tin khí hậu (TTKH) nhằm hỗ trợ quá trình đưa ra quyết định của các cá nhân và tổ chức. Các DVKH đòi hỏi sự tham gia phối hợp chặt chẽ giữa bên cung cấp thông tin (cung cấp dịch vụ) và bên sử dụng thông tin. Những dịch vụ này sử dụng thông tin có chất lượng cao từ cơ sở dữ liệu của các quốc gia và quốc tế về nhiệt độ, lượng mưa, gió, độ ẩm của đất, điều kiện biển và các hình thái thời tiết khác. Do phụ thuộc vào nhu cầu của người sử dụng mà những thông tin dữ liệu này được tổng hợp cùng với các thông tin phi khí tượng như sản lượng nông nghiệp, xu hướng sức khỏe, phân bố dân số tại các khu vực nguy cơ nhiễm bệnh cao, các bản đồ và đường giao thông để vận chuyển hàng hóa và những số liệu kinh tế - xã hội (KT-XH) khác.

Theo Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO), DVKH là sự phổ biến các TTKH tới cộng đồng, hoặc những người dùng cụ thể. Những nhà cung cấp DVKH cần có những mối quan hệ chặt chẽ với nhau để đưa ra những phân tích, diễn giải đầy đủ và chính xác, áp dụng các TTKH vào quá trình ra quyết định, phát triển bền vững, thúc đẩy các sản phẩm TTKH và dự đoán.

Hiện nay, Việt Nam đang triển khai nhiều dự án đầu tư vào CSHT và hoạch định kế hoạch thích ứng với BĐKH. Với tình trạng BĐKH ở Việt Nam, chỉ cần những sự thay đổi dù là nhỏ nhất của khí hậu cũng gây ra những tác động không nhỏ tới việc lập kế hoạch và đầu tư CSHT. Do đó, việc đánh giá và sử dụng TTKH một cách hợp lý là một điều cực kỳ quan trọng trong việc lập kế hoạch ứng phó với BĐKH tại Việt Nam.

CÁC KINH NGHIỆM SỬ DỤNG DVKH TRÊN THẾ GIỚI

Tại Canada, các hiện tượng BĐKH gây ra nhiều thiệt hại đến hệ thống đường giao thông, hiện tượng tan băng vĩnh cửu đe dọa hệ thống CSHT, thời tiết cực đoan gây ngập lụt khắp các thành phố dọc đường bờ biển và làm gián đoạn các dịch vụ thiết yếu. Điển hình là trận lốc xoáy quét qua Tôrontô đã phá hủy nghiêm trọng đến hệ thống CSHT của TP, thiệt hại lên tới 500 triệu USD. Vì vậy, Chính phủ Canada đã quyết định phải có các hành động cụ thể để giảm bớt sự gia tăng của khí nhà kính gây ra và có các hành động thích ứng cụ thể. Một trong các hoạt động đầu tiên được Chính phủ Canada nhanh chóng thực hiện đó là chỉ ra mối quan hệ giữa khí hậu và CSHT, những tác động của khí hậu lên các công trình CSHT trọng yếu tại tất cả các vùng và các loại hình và tính chống chịu của các hạ tầng này đối với các hiện tượng thời tiết cực đoan. Dựa vào các nghiên cứu này, Chính phủ đã đưa ra những kết luận cụ thể, sử dụng các phân tích, đánh giá

TTKH để thiết kế, thay đổi các CSHT dựa trên đặc điểm, tính chất và khả năng chống chịu của hạ tầng, kết hợp với các TTKH nhằm đầu tư, xây dựng và bảo trì hạ tầng (nhà ở, đường, hệ thống đê điều) với chi phí thấp nhất nhưng có sức chống chịu cao hơn, thích ứng với BĐKH.

Tháng 9/2017, Diễn đàn toàn cầu CSI đã được tổ chức lần đầu tiên tại Hamburg (Đức). Tại đây, các quốc gia đã chia sẻ những thách thức và cơ hội trong việc quy hoạch CSHT liên quan đến khí hậu. Tại khu vực Nam Mỹ, châu Phi và Đông Nam Á, những thiệt hại do BĐKH đòi hỏi các quốc gia trong khu vực phải áp dụng hệ thống TTKH vào quá trình thích ứng và đầu tư cho các dự án giảm nhẹ tác động của BĐKH. Việc sử dụng DVKH trong đầu tư CSHT đã được chứng minh tại Hamburg (Đức), cụ thể là sự kết hợp quản lý rủi ro do lụt bão vào các dự án xây dựng nhà dân chống lũ tại khu vực cảng thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão lũ. Nhờ việc kết hợp của khâu thiết kế có tính đến các chỉ số chống chịu có thể giảm thiểu các thiệt hại và mất mát do bão lũ gây ra.



SỬ DỤNG DVKH TẠI VIỆT NAM

Cơ quan Dịch vụ khí tượng thủy văn quốc gia (NHMS) của Bộ TN&MT được thành lập với mục tiêu quản lý, khai thác mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và giám sát BĐKH, phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên phạm vi cả nước. Thời gian qua, đơn vị này đã đưa ra các giải pháp để xử lý các TTKH một cách hợp lý, lồng ghép vào việc lập kế hoạch cho ứng phó với BĐKH.

Tháng 12/2017, Vụ Khoa học Giáo dục TN&MT (Bộ KH&ĐT) đã phê duyệt Dự án Tăng cường sử dụng DVKH trong đầu tư CSHT (CSI). Dự án CSI sẽ phối hợp, hỗ trợ cơ quan cung cấp DVKH là NHMS phát triển các sản phẩm khí hậu thân thiện và có tính ứng dụng cao đối với các dự án đầu tư CSHT ngành Nông nghiệp, hỗ trợ cơ quan lập kế hoạch đầu tư CSHT lĩnh vực nông nghiệp triển khai mô hình trình diễn đánh giá rủi ro khí hậu trong hoạt động đầu tư và hỗ trợ MPI trong việc lồng ghép các quy định về thích ứng với BĐKH trong quá trình xây dựng các chương trình, chính sách đầu tư hạ tầng. Mục tiêu của Dự án là xem xét các kịch bản khí hậu trong quá trình lập kế hoạch và phê duyệt các dự án CSHT để góp phần vào việc giảm độ nhạy cảm của CSHT trong tương lai. Từ đó, sẽ giảm được tổn thất của CSHT khi phải hứng chịu những sự kiện khí hậu cực đoan và giảm thiểu chi phí nâng cấp, bảo trì. Đồng thời, khả năng chống chịu của cộng đồng dân cư và nền kinh tế trước những biến động về khí hậu sẽ được nâng cao■

QUẢNG BÌNH:

Một số kết quả bước đầu trong triển khai Kế hoạch truyền thông về quản lý chất thải y tế

Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng và cán bộ nhân viên y tế trong quản lý chất thải y tế (QLCTYT) đóng vai trò quan trọng. Đây được coi là giải pháp cơ bản, có ý nghĩa chiến lược trong BVMT y tế với mục tiêu đạt được là phải làm cho từng người dân, nhất là các nhân viên y tế có nhận thức đúng về trách nhiệm trong QLCTYT, BVMT trong cơ sở y tế (CSYT). Để tìm hiểu về vấn đề này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Đức Cường - Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Bình về việc triển khai Kế hoạch truyền thông về QLCTYT giai đoạn 2017-2021 của Bộ Y tế sau hơn 1 năm thực hiện tại tỉnh Quảng Bình.



▲ Ông Nguyễn Đức Cường - Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Bình

***Xin ông cho biết đôi nét về thực trạng và công tác QLCTYT trên địa bàn địa phương trong thời gian qua?**

Nguyễn Đức Cường: Trong năm qua, Sở Y tế đã phối hợp với Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình thường xuyên đôn đốc, theo dõi việc thực hiện công tác BVMT tại các CSYT trên địa bàn tỉnh. Qua theo dõi cho thấy, công tác BVMT tại các CSYT đã từng bước được quan tâm và dần đi vào nề nếp. Hầu hết, các bệnh viện đều thực hiện đầy đủ việc lập hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, chế độ giám sát môi trường định kỳ. Công tác quản lý chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường tại CSYT được thực hiện khá tốt và báo cáo định kỳ về Sở TN&MT tỉnh theo đúng quy định. Tỉnh đã đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, lò đốt chất thải y tế (CTYT), tuy nhiên do nguồn kinh phí đầu tư còn hạn chế nên việc đầu tư các công trình, hạng

mục xử lý rác thải y tế, nước thải tại một số CSYT đến nay vẫn chưa được hoàn thiện.

Bên cạnh đó, Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Quảng Bình và các đơn vị liên quan đều tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác BVMT tại các CSYT trên địa bàn. Qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, đồng thời hướng dẫn thực hiện công tác BVMT theo đúng quy định của pháp luật. Trong thời gian tới, Sở Y tế Quảng Bình sẽ tiếp tục phối hợp với Sở TN&MT đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về QLCTYT và BVMT trong các CSYT; thực hiện nghiêm các quy định về QLCTYT từ khâu phân loại thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý; tăng cường công tác quản lý và giám sát nhằm ngăn ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT.



Được sự hỗ trợ của Dự án hỗ trợ chất thải bệnh viện (Bộ Y tế), Bệnh viện Đa khoa Bắc Quảng Bình và các bệnh viện tuyến huyện đã lắp đặt thiết bị hấp uớt để xử lý CTYT lây nhiễm. Sau khi hoàn thiện đồng bộ các công trình xử lý môi trường, các bệnh viện sẽ được xem xét chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường. Sở Y tế sẽ tiếp tục theo dõi, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xử lý triệt để các CSYT gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác, được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ TN&MT đã hỗ trợ tỉnh Quảng Bình trong công tác xử lý CTYT, đặc biệt là xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn. Đến nay, đã có 1/7 bệnh viện (Bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hóa) được chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, 6/7 bệnh viện còn lại đang trong giai đoạn nâng cấp, cải tạo, hoàn thiện công trình xử lý nước thải y tế, lò đốt chất thải rắn y tế và làm các thủ tục xin xác nhận hoàn thành. Tất cả các bệnh viện đã được kiểm định đầu ra đảm bảo xả thải môi trường theo quy định.

★Để công tác QLCTYT đạt hiệu quả thì công tác truyền thông nâng cao nhận thức đóng vai trò quan trọng. Vậy xin ông cho biết, một số kết quả đạt được của địa phương sau hơn 1 năm triển khai Kế hoạch truyền thông về QLCTYT của Bộ Y tế?

Ông Nguyễn Đức Cường: Sau khi Bộ Y tế ban hành Kế hoạch truyền thông về QLCTYT tại Quyết định số 1119/QĐ-BYT, ngày 13/7/2017, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Kế hoạch truyền thông về QLCTYT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2021. Ngay sau khi Kế hoạch được ban hành, Sở Y tế đã cung cấp thông tin tham luận tại các hội nghị về thực trạng và kiến nghị giải pháp tăng cường QLCTYT; Xây dựng bộ tài liệu truyền thông vận động các cấp lãnh đạo nhằm tăng cường sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư hợp lý và đảm bảo nguồn lực cho các CSYT thực hiện QLCTYT. Đến nay, 100% CSYT có xây dựng kế hoạch truyền thông QLCTYT tại đơn vị dựa theo kế hoạch truyền thông về QLCTYT tỉnh Quảng Bình.

Bên cạnh đó, Sở Y tế cũng triển khai và đánh giá thực hiện tiêu chí chuẩn “Bệnh viện kiểu mẫu xanh - sạch - đẹp”. Năm 2017, Sở Y tế đã tổ chức đánh giá các bệnh viện theo

Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 15/7/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch triển khai CSYT “xanh - sạch - đẹp”. Theo đó, hầu hết các bệnh viện đều đạt mức từ 80 điểm trở lên. Đồng thời, Sở Y tế cũng tổ chức các hội thảo chuyên đề và tập huấn cho các đối tượng quản lý và chuyên trách QLCTYT của các bệnh viện; tổ chức tập huấn thường xuyên cho các đối tượng nhân viên y tế nhằm nâng cao kiến thức và hướng dẫn thực hành phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTYT. Từ tháng 7/2017 đến nay, Sở Y tế đã tập huấn cho hơn 1.000 nhân viên y tế và 160 nhân viên thu gom vận chuyển CTYT. Đến nay, 100% cán bộ y tế thực hiện công tác khám bệnh, chữa bệnh có phát sinh CTYT đã được tập huấn nâng cao nhận thức về trách nhiệm và cải thiện thực hành phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTYT.

Mặt khác, Sở Y tế cũng tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và tăng cường thực hành giữ gìn vệ sinh môi trường của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và các đối tượng đến sử dụng dịch vụ tại CSYT và cộng đồng xung quanh CSYT. Sở Y tế đã xây dựng 7 cụm pano truyền thông tại 7 bệnh viện, tổ chức dán hơn 600 áp phích truyền thông tại các nơi dễ nhìn, dễ thấy, đồng người qua lại tại các CSYT và phát hơn 12.000 tờ rơi cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân về nội dung hướng dẫn phân loại, thu gom rác thải y tế. Sở Y tế đã chỉ đạo Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng (Báo Quảng Bình, Đài Truyền hình Quảng Bình)

đưa tin bài, phóng sự để tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng. Đặc biệt, tăng cường sự tham gia giám sát thực hiện QLCTYT của cộng đồng đối với CSYT nhằm đẩy mạnh công tác BVMT y tế.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch truyền thông về QLCTYT, Sở có gặp một số khó khăn như: Lãnh đạo tại một số địa phương - nơi có các bệnh viện đóng trên địa bàn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác QLCTYT đến sức khỏe của người bệnh, người nhà người bệnh, nhân viên y tế trong bệnh viện và người dân, cộng đồng sống xung quanh bệnh viện; Một số cán bộ lãnh đạo của các bệnh viện chưa quan tâm đúng mức đến công tác QLCTYT, chưa coi việc QLCTYT là công việc thường xuyên, cần theo dõi và cấp kinh phí thường xuyên để bảo trì và nâng cấp; Người bệnh và người nhà người bệnh vẫn coi việc QLCTYT là việc của cán bộ y tế, chưa phối hợp với nhân viên y tế trong việc giữ gìn môi trường trong bệnh viện; cộng đồng dân cư xung quanh bệnh viện chưa phối hợp với bệnh viện trong công tác giữ gìn môi trường xung quanh, quang cảnh của bệnh viện.

★Xin ông cho biết, một số giải pháp và kế hoạch của địa phương trong thời gian tới?

Ông Nguyễn Đức Cường: Để đạt được mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch truyền thông về QLCTYT giai đoạn 2017-2021, Sở Y tế tỉnh Quảng Bình sẽ tập trung vào một số giải pháp trọng tâm:

Tiếp tục tăng cường tập huấn, nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo CSYT, nhân



viên y tế về công tác QLCTYT, BVMT trong bệnh viện, CSYT; phát động các phong trào thi đua BVMT y tế, thực hiện CSYT xanh - sạch - đẹp tại các bệnh viện, CSYT trên địa bàn.

Huy động các nguồn kinh phí thực hiện truyền thông về QLCTYT, BVMT y tế tại các bệnh viện, CSYT cho người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng dân cư xung quanh; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa bệnh viện, CSYT với cộng đồng dân cư xung quanh trong công tác giữ gìn môi trường xung quanh, quang cảnh của bệnh viện.

Tổ chức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại các CSYT, đặc biệt là trên các mạng xã hội (Facebook, YouTube...) để cộng đồng có nhận thức và định hướng thông tin tích cực về công tác QLCTYT tại các CSYT.

***Xin cảm ơn ông về cuộc trao đổi!**

NGUYỄN HẰNG (Thực hiện)

HƯỞNG ỨNG NGÀY THẾ GIỚI RỬA TAY VỚI XÀ PHÒNG 2018

Ngày 15/10/2018, tại Trường Tiểu học Ngô Gia Tự (Quận Long Biên, Hà Nội), Bộ Y tế phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quỹ Unilever Việt Nam tổ chức Lễ mít tinh hưởng ứng Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng với chủ đề “Giảm nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm - Vì một Việt Nam khỏe mạnh hơn”.

Phát biểu tại Lễ mít tinh, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế Nguyễn Thị Liên Hương cho biết: Tại Việt Nam, các bệnh truyền nhiễm gây dịch có tỷ lệ mắc trên 100.000 người dân, cao nhất là cúm, tiêu chảy, sốt xuất huyết, tay chân miệng, lỵ, quai bị, thủy đậu. Như vậy, có khoảng gần một nửa các bệnh truyền nhiễm có tỷ lệ mắc cao nhất là những bệnh liên quan tới nước sạch, vệ sinh môi trường và đặc biệt là các hành vi vệ sinh cá nhân. Rửa tay với xà phòng ở các thời điểm quan trọng như trước bữa ăn hoặc sau khi đi vệ sinh có



▲ Học sinh Trường Tiểu học Ngô Gia Tự thực hành các bước rửa tay tại Lễ mít tinh

thể ngăn chặn sự lan truyền mầm bệnh.

Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng là một trong những sự kiện tiêu biểu cho những nỗ lực của Việt Nam trong việc cải thiện hành vi vệ sinh cá nhân và sức khỏe cộng đồng, góp phần chung tay với toàn nhân loại trên hành trình tiến đến Mục tiêu phát triển bền vững về sức khỏe (SDG 3), đặc biệt là mục tiêu giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em.

NGUYỄN HẰNG

KHÁNH THÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI BỆNH VIỆN DỆT MAY

Ngày 9/10/2018, nhân kỷ niệm 64 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2018) và 22 năm Ngày thành lập Công đoàn Dệt may Việt Nam (14/9/1996 - 14/9/2018), Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội phối hợp với Bệnh viện Dệt may (Tập đoàn Dệt may Việt Nam) tổ chức khánh thành và gắn biển công trình xây dựng trạm xử lý nước thải Bệnh viện Dệt may.

Trạm xử lý nước thải có công suất 40 m³/ngày, do Bệnh viện Dệt may làm chủ đầu tư, với tổng kinh phí gần 1 tỷ đồng. Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội được lựa chọn là đơn vị nhà thầu, thiết kế, thi công toàn bộ công trình. Sau hơn 2 tháng xây dựng (từ 7/7-3/9) công trình được hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng đúng



▲ Khánh thành trạm xử lý nước thải bệnh viện bằng công nghệ sinh học

tiến độ vào ngày 20/9/2018. Trạm xử lý được áp dụng công nghệ AAO (Anarobic-Anoxic-Oxic) với đệm vệ sinh lưu động, sử dụng công nghệ xử lý sinh học và được tự động hóa, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nước thải y tế hiện hành.

Công nghệ này có ưu điểm là nước thải có nồng độ ô nhiễm cao sẽ đạt quy chuẩn quốc gia về nước thải y tế vì có thể tận dụng tối đa hiệu suất xử lý cao của hệ vi sinh vật kỵ khí, thiếu khí và hiếu khí có

trong hệ thống, giảm chi phí xử lý và đặc biệt không phải bổ sung hóa chất. Đặc biệt, lượng bùn dư trong quá trình xử lý rất ít, do bùn được tuần hoàn tối đa.

Việc công trình Trạm xử lý nước thải được đầu tư xây dựng tại phường Vĩnh Tuy đã khắc phục được tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải y tế phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh tại Bệnh viện Dệt may. Qua đó, góp phần quan trọng BVMT sống của cộng đồng dân cư xung quanh bệnh viện, khu vực quận Hai Bà Trưng nói riêng và Thủ đô Hà Nội nói chung. Đây là công trình được xây dựng nhằm cụ thể hóa kế hoạch của Thành ủy, UBND TP về “Tăng cường công tác BVMT trên địa bàn TP. Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo”.

NAM VIỆT



Tăng cường xử lý các “điểm nóng” gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong những vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ về kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế thì vấn đề ô nhiễm môi trường (ÔNMT), đặc biệt trong những năm gần đây, hầu hết các điểm nuôi trồng thủy, hải sản trên sông, ao, hồ trên địa bàn tỉnh đều bị ô nhiễm do nước, rác thải, làm giảm năng suất thu hoạch, chất lượng thủy, hải sản, gây thiệt hại lớn đến nền kinh tế và đời sống người dân địa phương.

Theo Sở TN&MT tỉnh, hiện mỗi ngày, toàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát sinh khoảng 761 tấn rác thải sinh hoạt, trong đó tỷ lệ thu gom đạt khoảng 90%. Tuy nhiên, tình trạng rác thải vớt bừa bãi, tồn đọng vẫn xảy ra ở một số khu vực, đã tạo thành những “điểm nóng” gây ÔNMT. Từ đầu năm 2017 đến nay, Sở đã xác định hàng chục “điểm nóng” về ÔNMT nghiêm trọng. Trong đó, kênh Bến Đình (TP. Vũng Tàu); khu vực Cửa Lấp, ao Hải Hà (huyện Long Điền)... xếp vào nhóm ô nhiễm chất thải cấp bách cần được ưu tiên khắc phục trong giai đoạn 2018 - 2020.

Kênh Bến Đình (TP. Vũng Tàu) dài khoảng 2,6 km, nằm trên địa bàn các phường 5, 9, Thắng Nhì. Theo UBND TP. Vũng Tàu, khu vực kênh Bến Đình vẫn chưa được đầu tư hạ tầng hệ thống thoát nước mưa, nước thải đô thị. Trong khi đó, mỗi ngày, kênh gánh một lượng rác khổng lồ và nước thải sinh hoạt từ hơn 500 hộ dân ven kênh. Trên kênh còn có hơn 1.000 ghe, tàu đánh cá neo đậu; 62 cơ sở kinh doanh, hoạt động đóng tàu, cảng cá, chế biến hải sản... có nguồn thải ra kênh. Để khắc phục ô nhiễm kênh Bến Đình, từ năm 2010, UBND TP đã giao cho Công ty CP Dịch vụ môi trường và Công trình đô thị TP. Vũng Tàu (VESCO) thực hiện việc thu gom rác trên kênh, sau đó tập kết trên bờ và đưa lên xe về xử lý tại Công ty TNHH Kbec Vina (huyện Tân Thành). Tuy nhiên, do ý thức kém nên lượng rác thải sinh hoạt của người dân 2 bên bờ kênh và trên ghe, tàu xả thẳng xuống kênh quá lớn

nên 20 công nhân của Công ty VESCO vớt rác liên tục nhưng vẫn không hết.

Khu vực Cửa Lấp, nơi giáp ranh giữa TP. Vũng Tàu và huyện Long Điền (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), là một nhánh của sông Dinh, chảy qua TP. Vũng Tàu, huyện Long Điền rồi đổ ra biển. Đây là khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với sinh hoạt cũng như hoạt động sản xuất của tỉnh và là khu vực tiếp giáp với bãi biển của các khu du lịch TP. Vũng Tàu nhưng đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi tình trạng ô nhiễm do nguồn nước thải chưa qua xử lý của cơ sở chế biến hải sản trong khu dân cư thải ra sông.

Bãi biển khu phố Hải Hà (thị trấn Long Hải, huyện Long Điền), hơn 20 năm qua là nơi tích tụ rác thải và nước thải từ hoạt động chế biến thủy sản của khoảng 50 trại cá xung quanh nên mọi người gọi là “ao Hải Hà”. Mặc dù, huyện Long Điền đã nhiều lần ra quân dọn dẹp nhưng hiện

nay, tình trạng ô nhiễm tại đây vẫn chưa được khắc phục.

Trước tình trạng trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 23/3/2018 về công tác quản lý, BVMT. Theo đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu xử lý dứt điểm các “điểm nóng” về ÔNMT. Hiện UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án xử lý ÔNMT trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2017- 2020 nhằm khắc phục chất lượng môi trường tại một số khu vực đang bị ô nhiễm. Trong đó, có 19 dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn, gồm: Đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt tại huyện Côn Đảo với công suất xử lý 20 tấn/ngày; cải tạo kênh Bến Đình; đầu tư hạ tầng 2 khu chế biến hải sản tập trung tại huyện Long Điền và TP. Vũng Tàu... Tổng kinh phí thực hiện Đề án khoảng 8.255,28 tỷ đồng.

Cùng với đó, tỉnh đã có phương án xử lý các điểm



▲ Nước thải của các cơ sở chế biến thủy, hải sản thải trực tiếp ra sông Cửa Lấp, khiến nguồn nước mặt bị ô nhiễm



ÔNMT trọng điểm; sắp xếp lại các cơ sở sản xuất có nguy cơ ô nhiễm cao để quản lý. Theo đó, một trong những chủ trương lớn của tỉnh là di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư. Tỉnh đã quy hoạch Cụm công nghiệp (CCN) Hòa Long, với quy mô 50 ha, (tổng mức đầu tư 151 tỷ đồng, phục vụ việc di dời 141 cơ sở sản xuất gây ÔNMT trên địa bàn TP. Bà Rịa) và CCN Phước Thắng, với quy mô 40 ha (tổng mức đầu tư 746 tỷ đồng, phục vụ việc di dời 351 cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trên địa bàn TP. Vũng Tàu). Trong lĩnh vực chế biến hải sản, tỉnh đã quy hoạch 2 khu chế biến hải sản tập trung 38 ha tại xã Lộc An (huyện Đất Đỏ) và 22,5 ha tại xã Bình Châu (huyện Xuyên Mộc). Bên cạnh đó, tỉnh cũng đang khảo sát địa điểm đầu tư xây dựng khu chế biến hải sản tập trung 75 ha ở khu vực Phước Cơ (phường 12, TP. Vũng Tàu) và ấp An Thạnh (xã An Ngãi), diện tích khoảng 20 ha.

Ngoài ra, tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và nhân dân về công tác BVMT; nâng cao hiệu quả thu hút các dự án đầu tư bảo đảm yêu cầu về BVMT; ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; kiên quyết không thu hút các dự án đầu tư có công nghệ lạc hậu, tiêu tốn năng lượng, phát thải lớn, có nguy cơ gây ÔNMT cao.

Trong thời gian tới, để công tác BVMT đạt hiệu quả, các Sở, ngành, địa phương cần tập trung bảo vệ nghiêm ngặt nguồn cấp nước sinh hoạt; chú trọng tăng cường công tác phòng ngừa, cải thiện, khắc phục ô nhiễm đối với hoạt động nông nghiệp; đẩy mạnh quản lý, thu gom, xử lý chất thải rắn; tăng cường công tác BVMT trong khu dân cư, đô thị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường... Về tình trạng ÔNMT do hoạt động chăn nuôi gây ra, tỉnh sẽ điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành chăn nuôi và vùng chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh, nhằm bảo đảm việc chăn nuôi thành vùng tập trung, không gây ảnh hưởng đến thượng nguồn các hồ cấp nước; đồng thời thực hiện một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở chăn nuôi... di dời hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất để chủ động phòng chống dịch bệnh và BVMT■

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu gom, xử lý vỏ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Nam Định

Trong những năm qua, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) đã góp phần quan trọng để hạn chế thiệt hại do sâu bệnh, gia tăng sản lượng nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, tình trạng người dân vứt vỏ bao bì thuốc BVTV bừa bãi trên đồng ruộng và sử dụng thuốc không đúng liều lượng, chủng loại vẫn diễn ra tại một số địa phương, gây tác động lớn đến môi trường.

Nam Định là tỉnh có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn, với cây trồng chủ lực như lúa, lạc, ngô, khoai, đậu tương và các loại rau màu. Những năm gần đây, do tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường cộng với yêu cầu thâm canh, tăng vụ đã làm cho tình hình dịch bệnh gây hại trên cây trồng phức tạp, kéo theo nhu cầu sử dụng thuốc BVTV ngày càng tăng cả về số lượng và chủng loại thuốc. Thống kê của Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Nam Định cho thấy, lượng thuốc BVTV sử dụng trên địa bàn tỉnh đã tăng từ 382.468, 93 kg (năm 2016) lên 511.521,16 kg (năm 2017). Trong đó, năm 2017, toàn tỉnh đã thu gom được

100 tấn bao bì thuốc BVTV (chai nhựa, thủy tinh, túi nilông) đã qua sử dụng.

Tại một số địa phương, mặc dù, các cơ quan chức năng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho nông dân sử dụng và thu gom thuốc BVTV đúng cách nhưng tình trạng lạm dụng thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp vẫn tăng cao. Ở nhiều vùng trồng rau màu, vỏ bao bì thuốc BVTV vứt bừa bãi trên bờ ruộng chưa được thu gom. Bên cạnh đó, sau khi phun thuốc xong, người dân vẫn có thói quen rửa bình phun rồi đổ ra sông, kênh mương gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Đặc biệt, việc lạm dụng thuốc BVTV, nhất là thuốc trừ cỏ, làm cho đất bị ô nhiễm, độ chua cao dẫn đến cây trồng khó hấp thu dinh dưỡng khiến năng suất cây trồng giảm; tiêu diệt sinh vật có ích, tạo điều kiện cho sinh vật có hại phát triển làm cây trồng dễ nhiễm sâu bệnh, sinh trưởng kém. Mặt khác, các đại lý kinh doanh thuốc BVTV vì lợi nhuận đã tự ý phối trộn nhiều loại thuốc, không theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn làm ảnh hưởng đến kết quả sản



xuất và gây ô nhiễm môi trường. Qua đợt kiểm tra năm 2017, Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Nam Định cùng các đơn vị liên quan đã thực hiện 18 cuộc thanh tra đối với 622 cơ sở kinh doanh thuốc BVTV, phát hiện 94 trường hợp vi phạm, phạt cảnh cáo 28 trường hợp, phạt tiền 33 trường hợp; Kiểm tra tình hình sử dụng thuốc BVTV tại 1.176 hộ nông dân và phát hiện được 200 hộ sử dụng thuốc BVTV không đúng hướng dẫn ghi trên nhãn và không đảm bảo thời gian cách ly.

Để khắc phục tình trạng trên, tỉnh Nam Định đã hỗ trợ kinh phí cho một số địa phương xây dựng mô hình bể chứa bao bì thuốc BVTV sau sử dụng. Hiện toàn tỉnh đã xây dựng được 10.380 bể chứa bao bì thuốc BVTV. Đồng thời, tuyên truyền, vận động bà con nông dân thu gom các loại chất thải, bao bì thuốc BVTV vào các bể chứa theo quy định. Mô hình này đang nhận được sự hưởng ứng tích cực của các địa phương và người dân. Huyện Mỹ Lộc là một trong những địa phương tích cực đầu tư xây dựng các bể chứa bao bì thuốc BVTV, với 660 bể. Các bể chứa được đặt lối đi đầu bờ ruộng, cách xa mương dẫn nước để bà con thuận tiện trong việc thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng, hạn chế tình trạng vứt bừa bãi trên các kênh, mương. Sau mỗi vụ canh tác, vỏ bao bì thuốc BVTV được thu gom từ bể chứa ngoài cánh đồng, tập kết vào kho chứa (kho chứa có mái che, có biển báo đảm bảo quy định) của 11 xã, thị trấn. Sau đó, Công ty Cổ phần môi trường ETC sẽ về thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Có thể nói, sự đồng thuận, hưởng ứng nhiệt tình của người dân khi tham gia mô hình thu gom, xử lý bao bì, vỏ thuốc BVTV trên đồng ruộng có vai trò quan trọng trong việc tạo nên những cánh đồng sạch, an toàn. Đây cũng là thành công lớn của mô hình.

Tuy nhiên, quá trình triển khai, thực hiện, tỉnh vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc. Một số địa phương vào cuộc chưa quyết liệt; ý thức và nhận thức của một bộ phận nông dân về vệ sinh môi trường, an toàn sức khỏe lao động còn hạn chế, chủ quan nên chưa chủ động, tự giác thu gom bao bì, chai lọ thuốc BVTV. Qua khảo sát thực tế cho thấy, phần lớn các mẫu thiết kế bể thu gom bao bì thuốc BVTV chưa theo quy chuẩn về kích thước, chất liệu, cấu tạo, vì vậy, phần lớn các bể chứa được xây bằng xi măng không có nắp đậy nên chưa đáp ứng yêu cầu thu gom an toàn (do hóa chất tồn dư trong bao gói, chai lọ vẫn có thể khuếch tán vào không khí). Ở một số nơi, do thiếu khu vực lưu chứa, phương án xử lý nên sau khi thu gom lại tập kết chung với rác thải sinh hoạt tại bãi chôn lấp của xã, hoặc xử lý bằng cách đốt tại các bể chứa làm phát sinh khí thải độc hại, hình thành các điểm ô nhiễm cục bộ. Ngoài ra, ngân sách địa phương hạn hẹp nên kinh phí hỗ trợ xây dựng bể chứa, khu vực lưu chứa và thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng còn hạn chế.

Trong thời gian tới, để tăng cường công tác quản lý, sử dụng, thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV, tỉnh Nam Định cần tiến hành

điều tra cơ bản đặc điểm các vùng canh tác nông nghiệp tập trung, sử dụng nhiều thuốc BVTV, qua đó, xác định, lựa chọn địa điểm xây dựng các bể chứa, khu vực lưu chứa bao bì thuốc BVTV sau sử dụng phù hợp. Đồng thời, giao nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa ở từng địa phương và hướng dẫn các đơn vị này lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định. Hàng năm, lập kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân sử dụng, phát sinh nhiều bao bì thuốc BVTV; các địa phương tổng hợp, báo cáo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn quản lý.

Bên cạnh đó, các cơ quan, ban, ngành chức năng của tỉnh cần tiếp tục tuyên truyền phổ biến, tổ chức các buổi tập huấn về thu gom, sử dụng thuốc BVTV, các văn bản liên quan đến quản lý thuốc BVTV; Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thu gom bao bì thuốc BVTV sau sử dụng, trước mắt tập trung kiểm tra việc chấp hành thu gom xử lý theo quy định tại những nơi sử dụng nhiều thuốc BVTV như: Vùng trồng hoa, cây cảnh, chuyên canh rau màu; thực hiện vận chuyển, xử lý, tiêu hủy bao bì thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định về xử lý chất thải nguy hại. Mặt khác, hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc “4 đúng” nhằm đạt hiệu quả phòng trừ sâu bệnh cao, an toàn đối với người, vật nuôi và môi trường; kịp thời phát hiện thuốc BVTV không đảm bảo chất lượng để xử lý theo quy định; tiếp tục vận động các địa phương xây dựng bể chứa bao bì thuốc BVTV đáp ứng yêu cầu thực tế, đảm bảo thuận lợi cho người nông dân khi làm việc trên đồng ruộng.

TRẦN NGỌC NGOẠN



▲ Người dân thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV vào bể chứa



VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TRUNG ƯƠNG:

Phát động phong trào thi đua thực hiện tốt công tác quản lý chất thải y tế và xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp

Trong những năm qua, Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương không ngừng cải tiến quy trình khám, chữa bệnh; quan tâm, nâng cao điều kiện sinh hoạt của người bệnh, người nhà bệnh nhân; tổ chức tốt các phong trào thi đua sáng tạo nhằm nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh, góp phần vào sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, trong đó có việc triển khai thành công phong trào thực hiện công tác quản lý chất thải y tế, xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp.

PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ XANH - SẠCH - ĐẸP HƯỚNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH

Bên cạnh công tác khám chữa bệnh, Viện xác định xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, thân thiện với môi trường là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và sức khỏe cộng đồng, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Mặc dù khuôn viên của Viện không rộng nhưng Viện luôn quan tâm tới việc tạo cảnh quan môi trường xung quanh như trồng nhiều cây xanh, bố trí hợp lý các chậu hoa, cây cảnh tại các phòng khám, khoa điều trị và khu vực dành cho người hiến máu. Mặt khác, Viện thường xuyên kiểm tra bổ sung, thay mới các thùng đựng rác đảm bảo thuận lợi cho người bệnh, người nhà người bệnh và người hiến máu.

Công tác vệ sinh môi trường cũng được Viện đặc biệt quan tâm. Đây là một trong những công việc thường ngày, nhưng lại vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo cho sức khỏe cộng đồng. Viện thường xuyên hướng dẫn các khoa về các biện pháp khử khuẩn, diệt khuẩn, phân loại chất thải sinh hoạt và chất thải y tế ngay tại nguồn, nhắc nhở nhân viên y tế có ý thức BVMT, an toàn vệ sinh lao động. Đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền



▲ Lễ phát động Chiến dịch vệ sinh tay nhân viên y tế tại Bệnh viện Huyết học

cho người bệnh và người nhà người bệnh giữ vệ sinh chung, không hút thuốc lá, hợp tác với nhân viên y tế thực hiện tốt quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, tập trung xây dựng môi trường cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

Bên cạnh đó, Viện tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ nhân viên y tế về việc xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp. Đặc biệt, Viện định kỳ tổ chức các buổi họp hội đồng người bệnh do Phó Viện trưởng chủ trì cùng với các phòng ban liên quan để lắng nghe ý kiến người bệnh, tuyên truyền giáo dục để người bệnh, người nhà người bệnh cùng chung tay BVMT, chia sẻ những khó khăn mà Viện đang gặp và đưa ra các giải pháp đáp ứng yêu cầu của người bệnh.

Để có được những kết quả nêu trên, ngoài việc thường xuyên quán triệt các khoa phòng tăng cường tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế và xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, Viện cũng đã triển khai lồng ghép việc thực hiện cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp thông qua các phong trào thi đua, xây dựng nếp sống văn minh, bệnh viện không khói thuốc lá, nâng cao ý thức và chất lượng điều trị. Từ nhiều năm nay, Viện đã xây dựng phong trào “Mỗi tháng rèn một việc”. Đây là sáng kiến đã được áp dụng thành nề nếp, trong đó có phong trào “Ăn không thừa, ngồi không bừa”; “Nói lời xin chào và cảm ơn” (đồng nghiệp, người bệnh và người hiến máu); Sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp đồ dùng,



dụng cụ tại các khoa phòng, khu vực công cộng; Mặc trang phục và đeo thẻ đúng quy định trong giờ làm việc; Đổi mới trang phục, chăn ga, gối phục vụ người bệnh cho phù hợp với từng đối tượng; Cải tiến trang phục nhân viên y tế đảm bảo yêu cầu chuyên môn nhưng vẫn thân thiện. Các phong trào thi đua đã thu hút sự tham gia của các nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh, góp phần làm cho bệnh viện ngày càng xanh - sạch - đẹp.

QUẢN LÝ CHẶT CHẼ CHẤT THẢI Y TẾ

Nhận thức được mức độ lây nhiễm, cũng như hệ lụy của chất thải gây ra, Ban Lãnh đạo Viện đã chỉ đạo, phân công cụ thể cho từng khoa phòng, cá nhân cụ thể chịu trách nhiệm trong công tác quản lý chất thải y tế. Trong đó, nhân viên y tế là những người trực tiếp làm phát sinh chất thải, nên có trách nhiệm phân loại, thu gom, cô lập chất thải ngay từ ban đầu. Tại các khoa đang điều trị bệnh nhân, Viện đã bố trí mỗi khoa khu chứa chất thải tạm thời và trang bị đầy đủ Bảng hướng dẫn phân loại chất thải, thùng có nắp kín, túi đựng chất thải. Tất cả thùng, túi đựng rác thải đều đúng với các mã màu đã được quy định tại Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT do liên Bộ Y tế, Bộ TN&MT quy định quản lý chất thải y tế. Theo đó, thùng, túi màu vàng chứa chất thải lây nhiễm; Thùng, túi màu đen chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm; Thùng, túi màu xanh chứa chất thải sinh hoạt; Thùng túi màu trắng chứa chất thải tái chế.

Để công tác quản lý chất thải y tế được đảm bảo, Viện cũng đã đầu tư xây mới hệ thống chứa rác thải y tế đạt chuẩn theo quy định. Chất thải y tế từ các khoa xuống nơi tập trung được vận chuyển theo lối đi riêng và đúng giờ quy định. Tại khu lưu trữ chất thải tập trung, Viện đã bố trí một khu riêng biệt, xây dựng kiên cố và chia theo từng ô cho từng loại chất thải. Đối với chất thải y tế nguy hại, Viện đã ký kết với Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Môi trường xanh có chức năng xử lý chất thải nguy hại với thời gian vận chuyển 2 ngày/lần. Khi bàn giao chất thải nguy hại, Viện có ghi sổ nhật ký giao nhận chất thải theo Phụ lục 8 của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, định kỳ hàng tháng xuất 1 bộ chứng từ chất thải nguy hại đã được chuyển giao trong tháng. Đối với chất thải tái chế, Viện ký hợp đồng với Công ty TNHH SXTM - Dịch vụ nhựa Phúc Hậu là đơn vị có tư cách pháp nhân trong việc tái chế chất thải với thời gian bàn giao là 2 lần/tháng. Đối với chất

thải y tế thông thường, Viện ký hợp đồng với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Cầu Giấy vận chuyển và xử lý hàng ngày.

Đối với hệ thống xử lý nước thải y tế, từ khi đi vào hoạt động, Viện chỉ có một trạm xử lý nước thải y tế. Tuy nhiên, hiện nay do nhu cầu khám chữa bệnh và điều trị tăng cao, Viện đã đầu tư xây thêm một trạm xử lý nước thải y tế mới với công nghệ hiện đại bằng nguồn kinh phí của Viện với tổng công suất 410 m³/ngày đêm (thực tế hiện nay sử dụng công suất trung bình 320 m³/ngày đêm), bảo đảm xử lý 100% lượng nước thải trước khi xả ra môi trường chung của thành phố. Hiện nay, Viện đang ký hợp đồng với Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường tiến hành quan trắc định kỳ 3 tháng/lần. Hàng năm, Viện có báo kết quả về Cục Quản lý môi trường y tế và Sở TN&MT trước ngày 31/1 của năm tiếp theo.

Với những nỗ lực và thành tích đạt được, Viện đã vinh dự được trao tặng nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước như Danh hiệu Anh hùng lao động 2015; Giải thưởng Hồ Chí Minh về cụm công trình nghiên cứu khoa học công nghệ nhằm đảm bảo an toàn truyền máu, phục vụ cấp cứu, và đảm bảo đủ máu dự trữ cho điều trị; Giải thưởng Nhân tài đất Việt cho cụm công trình nghiên cứu ứng dụng Tế bào gốc trong điều trị bệnh máu... Năm 2017, Viện là một trong 10 cơ sở y tế được Bộ Y tế khen thưởng trong việc triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”■

VƯƠNG TUẤN



▲ Không gian xanh - sạch - đẹp của bệnh viện



NGÔI NHÀ XANH LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM:

Thiết kế sinh thái thông minh

Nằm trên con đường Kim Mã của Hà Nội, Ngôi nhà Xanh Liên hợp quốc (GOUNH) đã được nhận Giải thưởng Lãnh đạo trong Thiết kế và Vận hành Bền vững, do Hội đồng Công trình Xanh Thế giới (WorldGBC) trao tặng tại Lễ trao Giải thưởng Công trình Xanh khu vực châu Á - Thái Bình Dương, diễn ra ở Singapo, ngày 6/9/2018.

GOUNH khởi công xây dựng từ năm 2013 và được cựu Tổng Thư ký Liên hợp quốc (LHQ) Ban Ki-moon, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh cắt băng khánh thành vào tháng 5/2015. Đây là công trình được cải tạo, tái sử dụng từ một tòa nhà cũ, với thiết kế sinh thái thông minh và hệ thống quản lý vận hành xanh. Việc 16 cơ quan LHQ cùng làm việc chung trong GOUNH được xem là bước tiến quan trọng trong sáng kiến “Thống nhất hành động” của LHQ tại Việt Nam. Qua đó, góp phần cung cấp các tiện ích cũng như nâng cao hiệu quả toàn hệ thống LHQ ở cấp quốc gia, đồng thời làm giảm chi phí hoạt động.

Tòa nhà 6 tầng có quy mô 7.500 m², được thiết kế nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống điều hòa sưởi ấm, làm mát. Bên trong tòa nhà có nhiều giếng trời để lấy ánh sáng tự nhiên và giảm thiểu việc sử dụng đèn điện. Nhờ đó, giúp GOUNH tiết kiệm được 25 - 36% lượng điện tiêu thụ cho việc chiếu sáng so với các mô hình xây dựng truyền thống hiện nay.



▲ GOUNH được cựu Tổng Thư ký LHQ Ban Ki-moon và Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh cắt băng khánh thành vào tháng 5/2015

Nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, BVMT, GOUNH được xây dựng bằng các vật liệu thân thiện với môi trường như sơn không chì và đồ gỗ có hàm lượng các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi thấp. Hiệu suất của hệ thống sưởi ấm, làm mát và năng lượng được tối đa hóa thông qua các tấm pin quang điện khai thác năng lượng mặt trời và tạo ra ít nhất 10% điện năng tiêu thụ hàng năm của tòa

nhà. Cùng với đó, hệ thống chắn tia tử ngoại được thiết kế gần cửa sổ, mặt trước và mặt sau ngôi nhà, góp phần hạn chế bức xạ mặt trời chiếu trực tiếp vào ngôi nhà, giúp điều hòa không khí tốt hơn. Hệ thống thu hồi nhiệt của tòa nhà sẽ làm nhiệm vụ thu hồi lượng khí lạnh đã sử dụng thải ra, sau đó tiếp tục làm lạnh và cấp khí lạnh tươi trở lại. Dòng điện 1 chiều từ hệ thống điện năng lượng mặt



▲ GOUNH được xây dựng trên cơ sở cải tạo một tòa nhà cũ theo tiêu chuẩn xanh



▲ GOUNH sử dụng 408 tấm pin năng lượng mặt trời



trời được những bộ chuyển đổi này đưa sang dòng điện xoay chiều phục vụ cho tòa nhà. Đặc biệt, hệ thống đèn gắn cửa sổ có thể tự điều chỉnh tăng hoặc giảm cường độ, phù hợp với ánh sáng tự nhiên bên ngoài. Bên cạnh đó, tòa nhà sử dụng 408 tấm pin năng lượng mặt trời, tạo ra ít nhất 110.000 kWh/năm, cung cấp khoảng 10% năng lượng tiêu thụ hàng năm. Đây là tòa nhà đầu tiên tại Việt Nam đưa lượng điện dư thừa vào lưới điện quốc gia, góp một phần thay thế cho nguồn điện hiện vẫn được sản xuất bởi những nguồn ít thân thiện hơn với môi trường.

Về vận hành, tòa nhà sử dụng một hệ thống phần mềm thông minh và tập trung để kiểm soát các thiết bị cơ điện, nhiệt và thiết bị cơ khí. Tại phòng điều khiển năng lượng trung tâm, cán bộ quản lý có thể xác định mức độ tiêu thụ năng lượng tại từng vị trí, từ đó kịp thời điều chỉnh để sử dụng năng lượng một cách hiệu quả nhất.

Những số liệu từ quá trình vận hành GOUNH cho thấy, tòa nhà giảm 28,8% năng lượng sử dụng so với thông thường; giảm 42% sử dụng nước thông qua các thiết bị; khoảng 94% cấu trúc của tòa nhà là vật liệu có thể tái sử dụng; khoảng 35% mái nhà là xanh; 77% diện tích mái và vỉa hè được thiết kế hạn chế hiệu ứng nhiệt hòn đảo... Nhờ vậy, năm 2014, mặc dù đang trong giai đoạn hoàn thiện, GOUNH đã trở thành dự án xây dựng đầu tiên tại Việt Nam đạt được nhận Chứng chỉ Lotus hạng Vàng, hạng Bạch Kim (năm 2017) của Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam (VGBC) và mới đây là giải thưởng Lãnh đạo trong Thiết kế và Vận hành Bền vững, hạng mục dành cho trụ sở của tổ chức, do WorldGBC trao tặng.

Có thể nói, GOUNH không chỉ đáp ứng đầy đủ tiêu chí về công trình xây dựng xanh, mà còn chia sẻ những kinh nghiệm quý báu về việc xây dựng các công trình xanh tại Việt Nam. Với cam kết hỗ trợ Việt Nam trong việc thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển bền vững, GOUNH đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện Mục tiêu thứ 7 của các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs), thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang năng lượng phù hợp, đáng tin cậy, bền vững và hiện đại. ■

NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

“Xanh hóa” bãi rác nhờ ứng dụng giải pháp nông nghiệp công nghệ cao

LÊ XUÂN THÁI

Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Bãi chôn lấp rác (CLR) Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh từng là bãi rác gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) nghiêm trọng, nhưng giờ đây, sau nhiều năm cải tạo, bãi rác đã phủ một màu xanh ngút ngàn, trở thành một khuôn viên xanh, với vườn cây ăn trái công nghệ cao mang lại giá trị kinh tế.

Trước năm 2002, bãi CLR Đông Thạnh có công suất chôn lấp hơn 10 triệu tấn rác/năm, được Công ty xử lý chất thải TP. Hồ Chí Minh quản lý và vận hành. Do tình trạng ô nhiễm kéo dài và ngày càng nghiêm trọng, cuối năm 2002, UBND TP. Hồ Chí Minh quyết định đóng cửa bãi CLR Đông Thạnh. Đầu năm 2003, UBND TP giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP. Hồ Chí Minh quản lý và thực hiện các

giải pháp khắc phục ÔNMT. Triển khai quá trình khắc phục, Công ty đã áp dụng mô hình nông nghiệp công nghệ cao của Israel, với mục tiêu “xanh hóa” bãi rác thành khu vực sinh thái điển hình của TP. Hồ Chí Minh. Để tạo thành khuôn viên sinh thái, công tác cải tạo đất tại bãi rác được Công ty thực hiện, sau đó tiến hành trồng cây, hình thành nên các vườn cây ăn quả, hoa, cây cảnh... Vì đây không phải là đất tự nhiên (bãi rác được đổ đất sét dày 4 m) nên việc trồng cây gặp nhiều khó khăn, ban đầu phải trồng nhiều loại cây khác nhau, sau đó chọn lọc dần các loại cây thích nghi với môi trường đất.

Sau 5 năm cải tạo, bãi CLR Đông Thạnh đã phủ một màu xanh với các bãi cỏ, dừa cảnh, cây cá vàng cùng nhiều loại cây lấy lá. Phân bố khắp khu vực



▲ Nhà màng trồng dưa lưới và dưa lê giống Nhật Bản cho thu hoạch, đạt giá trị kinh tế cao



là vườn ổi sạch, giống Đồng Nai, Tiền Giang với hơn 1.000 gốc, có năng suất 150 kg/ngày. Ổi được trồng trên các luống đất, thực hiện bao trái đảm bảo chất lượng và chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm; vườn mai 2.500 cây, giống Thủ Đức, được trồng trong chậu có trấu, mùn cưa trộn với phân bón, cung cấp cho các đơn vị của Công ty, bán hoặc cho thuê trong dịp lễ, tết hằng năm; vườn lan, hoa kiểng, với 2.000 gốc đang khoe sắc rực rỡ thu hút nhiều khách tham quan. Đặc biệt, ấn tượng là 6 nhà màng trồng dưa lưới và dưa lê giống Nhật Bản có diện tích 12.000 m². Trong mỗi nhà màng đều có quạt đối lưu, điều hòa nhiệt độ. Các nhà màng trồng dưa theo công nghệ tưới nhỏ giọt Israel. Theo đó, việc tưới nước và bón phân đều thực hiện tự động theo quy trình đã cài đặt sẵn, chỉ cần nhân công cắt tia lá, quả để mỗi cây một quả và treo theo dây lên cao cho quả phát triển đều về kích thước. Nhà màng giúp cho cây trồng tránh được mưa, gió, các loại côn trùng và bức xạ ánh sáng. Mỗi vụ dưa lưới trồng trong 60 - 75 ngày, trọng lượng mỗi quả 1,6 - 1,8 kg. Dưa trồng được kiểm tra an toàn chất lượng theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp, siêu thị nên có đầu ra và giá cả ổn định. Các vườn cây trong khu vực đã góp phần cải tạo môi trường, cảnh quan nơi đây và mang lại nguồn lợi kinh tế, với nguồn thu mỗi năm khoảng 300 triệu đồng.

Bên cạnh việc trồng cây phủ xanh toàn khu vực, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Hồ Chí Minh còn xây dựng trên nền bãi rác cũ Nhà máy xử lý chất thải y tế, công nghiệp nguy hại, với tổng vốn đầu tư 95,2 tỷ đồng. Đây là Dự án ODA giữa Chính phủ Việt Nam và Vương quốc Bỉ hợp tác đầu tư và giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. Hồ Chí Minh vận hành.

Để giám sát công tác khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở bãi CLR Đông Thạnh, Công ty đã phối hợp với UBND huyện Hóc Môn và xã Đông Thạnh thành lập Tổ giám sát nhân dân. Tổ giám sát có quyền và nhiệm vụ giám sát hoạt động xử lý rác thải y tế và rác thải công nghiệp nguy hại của nhà máy nằm trong khuôn viên công trường, vấn đề xử lý nước thải, mùi hôi của bãi rác cũ cũng như việc trồng cây phủ xanh. Nếu có vấn đề phát sinh về môi trường, Tổ giám sát nhân dân sẽ báo cáo với xã, huyện và Công ty để xử lý kịp thời.

Có thể nói, việc “xanh hóa” bãi rác ở TP. Hồ Chí Minh mang lại hiệu quả thiết thực, giúp xử lý triệt để rác thải, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư, vừa nâng cao nhận thức BVMT cho người dân và tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp■

KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI DEVENS:

Thành công nhờ chính sách hỗ trợ phát triển bền vững

NGUYỄN THANH HẰNG

Viện Sinh thái học miền Nam

Khu công nghiệp sinh thái (KCNST) là mô hình được triển khai tại nhiều nước phát triển và mang lại các lợi ích về kinh tế, xã hội, môi trường. Từ những năm 1990, Mỹ là quốc gia đi đầu trong việc xây dựng và phát triển KCNST của thế giới, trong đó điển hình là KCN Devens (Tiểu bang Massachusetts, TP. Boston).

Devens là một căn cứ quân sự cũ của Mỹ (từ 1917 - 1996), với diện tích khoảng 1.780 ha. Năm 1993, GS. Herman Field - người sáng lập Trường Đại học Chính sách môi trường, đô thị Tufts làm việc với Hội Kiến trúc sư Boston và đề xuất ý tưởng xây dựng lại khu căn cứ quân sự cũ này thành một khu liên hợp công nghệ sinh thái, khép kín, quy mô lớn. Ý tưởng đó đã được Bộ Quốc phòng Mỹ chấp thuận và đưa vào Chương trình Đóng cửa và nâng cấp các cơ sở quân sự cũ của quốc gia. Sau đó, việc tái kiến thiết Devens đã được giao cho Cơ quan Phát triển kinh tế và tài chính quốc gia (MassDevelopment). Năm 1994, MassDevelopment đã xây dựng Kế hoạch Tái kiến thiết Devens (Kế hoạch), trong đó đưa ra các mục tiêu và tầm nhìn để phát triển bền vững Devens, đồng thời, duy trì và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của địa phương. Kế hoạch đề ra 3 nội dung quan trọng: Tính bền vững là một phần không thể thiếu trong quá trình tái phát triển; Tập trung vào công nghiệp sinh

thái, không phát thải, chất thải; Bảo vệ tầng nước ngầm, phát triển nông nghiệp bền vững và có chiến lược tái chế chất thải toàn diện. Ngoài ra, Kế hoạch cũng đề cập đến việc thành lập Ủy ban Doanh nghiệp Devens (DEC), với mục đích xây dựng các chính sách, quy định và giấy phép liên quan đến doanh nghiệp (DN).

Năm 2000, Mass Development và DEC đã triển khai Chương trình chỉ số bền vững và xem đây là công cụ để đánh giá sự bền vững tại địa phương. Thông qua Chương trình, DEC đã xác định 2 vấn đề tồn tại chính của Devens, đó là: Thiếu phương tiện giao thông công cộng và các công trình xanh. Để giải quyết 2 vấn đề trên, cần phải thúc đẩy phát triển KCNST tại Devens, chỉ có như vậy mới hài hòa được 2 vấn đề BVMT và phát triển kinh tế. KCNST là các DN hợp tác với nhau và giúp cộng đồng địa phương giảm lãng phí, chia sẻ hiệu quả tài nguyên (nước, năng lượng, vật liệu, cơ sở hạ tầng...), nhằm mục đích tăng lợi ích kinh tế và cải thiện chất lượng môi trường.



▲ KCNST Devens (Tiểu bang Massachusetts, TP. Boston, Mỹ)

Đến năm 2002, DEC đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình hành động về KCNST (BCĐ), bao gồm các công dân, đại diện DN và cơ quan Chính phủ..., trong đó, các DN và cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các giải pháp BVMT. Ngay sau khi thành lập, BCĐ đã có sáng kiến thành lập Chương trình xây dựng thương hiệu và thành công về môi trường (EcoStar), nhằm hỗ trợ các DN, tổ chức tại Devens đạt được hiệu quả sinh thái thông qua việc xây dựng chiến lược cải thiện kinh tế và môi trường. Chương trình cung cấp các diễn đàn giáo dục, hỗ trợ kỹ thuật, cũng như cơ hội hợp tác giữa các bên nhằm đưa ra những sáng kiến BVMT như giảm chất thải và hóa chất, sử dụng nước, năng lượng hiệu quả, tái chế chất thải, thương mại hóa sản phẩm thân thiện với môi trường. Đặc biệt, EcoStar cũng chia sẻ thông tin về lợi ích và tính khả thi của việc cộng sinh công nghiệp, hoặc phát triển KCNST. Tham gia Chương trình EcoStar, các DN, tổ chức phải cam kết cải thiện môi trường và thúc đẩy quan hệ đối tác để làm giải quyết được 3 vấn đề môi trường, kinh tế, xã hội. Trong các năm 2003 - 2004, BCĐ tiếp tục phát triển EcoStar, theo các khái niệm về sinh thái công nghiệp và EcoStar sẽ thúc đẩy sự hợp tác giữa các DN nhằm cải thiện hiệu quả tài nguyên, BVMT. Qua đó, các DN trong KCNST sẽ cùng làm việc để chia sẻ thông tin, kiến thức và nguồn lực để tối ưu hóa hiệu quả tài nguyên, cũng như giảm thiểu tác động tới môi trường.

Từ khi ra mắt EcoStar, DEC đã tổ chức nhiều hội thảo để nâng cao nhận thức cho các DN và tổ chức, cộng đồng, giúp họ thực hiện các giải pháp hiệu quả về môi trường; đồng thời, hình thành quan hệ đối tác, cùng hành động vì sự phát triển bền vững. Với thành công của Chương trình EcoStar, năm 2007, DEC tiếp tục thành lập Trung tâm Hiệu quả sinh thái Devens, với nhiệm vụ hỗ trợ DN xanh hóa sản xuất; làm cầu nối để gắn kết các DN vì mục tiêu chung là phát triển bền vững. Trung tâm đã triển khai nhiều hoạt động như tổ chức hội thảo, diễn đàn về sức khỏe nghề nghiệp, năng lượng xanh cho các DN; tạo điều kiện để các DN thực hiện trao đổi chất thải trong quá trình sản xuất; tiến hành đánh giá Luật Môi trường đối với các ngành công nghiệp; hỗ trợ DN thực hiện Chương trình hiệu quả năng lượng, tái sử dụng và tái chế chất thải...

Mặt khác, để thu hút các DN tham gia vào KCNST, DEC đã đưa ra các quy định

chặt chẽ về BVMT, tái chế chất thải trong hoạt động xây dựng; Luật và chính sách phân loại thực phẩm; Quy trình chuyển đổi vật liệu... Đồng thời, có chính sách ưu đãi về thuế, chi phí thuê bất động sản hợp lý. Các quy định của DEC buộc các DN phải xanh hóa sản xuất, tham gia vào EcoStar và có chiến lược phát triển bền vững nếu muốn hoạt động tại Devens. Các DN phải xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với nhau để bảo tồn tài nguyên, loại bỏ chất thải và giảm thiểu ô nhiễm và cam kết cải tiến liên tục các quy trình, công nghệ, đặc biệt là phải bảo vệ tính toàn vẹn sinh thái và đa dạng sinh học của khu vực.

Trong những năm qua, Devens đã tập trung vào việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đường giao thông; cải thiện hệ thống xử lý nước thải; phát triển năng lượng tái tạo; thu hút các DN đầu tư vào KCN; tăng số lượng các công ty hợp tác mua bán, trao đổi thiết bị, hoặc sản phẩm; xây dựng các công trình xanh có chứng nhận LEED; cung cấp nhà ở cho dân cư và gia tăng việc làm có thu nhập cao để thu hút nhân công. Đến nay, Devens đã phát triển thành một KCNST có hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ và bền vững, tập trung các công ty đa lĩnh vực, cải thiện hiệu quả năng lượng, tiết kiệm chi phí và đem lại lợi nhuận cho DN. Mô hình KCNST Devens thành công được là nhờ sự nỗ lực của chính quyền địa phương, cơ sở hạ tầng hiện đại, các chính sách và chương trình hỗ trợ DN phát triển bền vững, phù hợp với nhu cầu kinh doanh của DN và cuộc sống của cộng đồng dân cư ■



Siemens cung cấp các giải pháp hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng tại Việt Nam

Tập đoàn Siemens Đức vừa được Tập đoàn Trung Nam ký hợp đồng cung cấp hệ thống thiết bị điện cho Dự án Nhà máy điện mặt trời lớn nhất tại Việt Nam. Đây là Dự án điện mặt trời đầu tiên của Siemens ở khu vực Đông Nam Á, với tổng công suất 204 MW. Khi đưa vào vận hành, Nhà máy có thể đạt tổng sản lượng điện năng sản xuất khoảng 425 triệu kWh một năm, đủ để cung cấp điện cho khoảng 200.000 hộ dân và giảm phát thải khoảng 250.000 tấn khí CO₂.

Theo đó, các sản phẩm được phân phối bao gồm inverter, máy biến áp 220 kV và máy biến áp phân phối, tủ trung thế cách điện khí, các thiết bị đóng cắt cao thế, hệ thống giám sát và điều khiển. Tất cả các máy biến áp được Siemens cung cấp là biến áp thông minh (Sensformer) với giao diện số hóa, toàn dự án tạo thành một giải pháp "Cân bằng điện Nhà máy" (eBoP) bao gồm tất cả các thiết bị kỹ thuật điện cần thiết để trang bị cho một Nhà máy quang điện.

Ông Stephan May, Tổng Giám đốc điều hành Bộ phận hệ thống điện trung thế của Siemens chia sẻ: "Chúng tôi tự hào có thể cung cấp giải pháp tốt nhất, góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng tại Việt Nam".

Nằm ở phía Nam của tỉnh Ninh Thuận, Dự án dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động vào giữa năm 2019. Các tấm pin mặt trời sẽ sản sinh điện áp một chiều 1.500 Vôn (V); inverter sẽ chuyển đổi dòng điện một chiều thành dòng điện xoay chiều 660V sau đó các máy biến áp sẽ đẩy điện áp thành 33 kV và lên đến 220 kV. Dòng điện này sau đó sẽ được hòa vào lưới điện cao thế và được phân phối trên toàn quốc. Thiết bị đến cấp điện áp 33 kV được thiết kế như một trạm inverter "cắm và chạy", bởi vậy có thể được lắp đặt như một thiết bị độc lập mà không cần chi phí xây dựng cao.

Hai máy biến áp được sử dụng trong Dự án Trung Nam là máy Sensformers. Khi máy biến áp được đặt ở các nút quan trọng của lưới điện, sẽ là cảm biến hoàn hảo thể hiện tình trạng của lưới, đồng thời chứa đầy đủ thông tin về dòng điện. Hệ thống máy biến áp mới này kết hợp vật lý và thông tin, đồng thời có giao diện kỹ thuật số. Điều này cho phép người vận hành có thể xem các dữ liệu trong thời gian thực - biến các



▲ Lễ khởi công Dự án điện mặt trời Trung Nam

Theo quy hoạch của UBND tỉnh Ninh Thuận, đến năm 2020 sẽ phát triển 2.000 MW điện mặt trời. Hiện đã có 27 Dự án với tổng công suất 1.600 MW, trong đó 11 dự án đã triển khai có tổng công suất khoảng 800 MW.

Ninh Thuận với tỷ lệ bức xạ mặt trời trực tiếp trung bình luôn cao hơn 4,5 kWh trên mỗi m²; có đến 2.800 giờ nắng trong năm - cao hơn các tỉnh lân cận. Ngoài ra, với 8000 ha vùng nắng của Ninh Thuận không bị ảnh hưởng từ bão (do được bao bọc bởi các cao nguyên và dãy núi) là những yếu tố quan trọng giúp địa phương trở thành khu vực có tiềm năng lớn nhất để xây dựng các dự án điện mặt trời bên cạnh các nguồn năng lượng tái tạo khác.

máy biến áp thành trung tâm thông tin.

Ông Nguyễn Tâm Tiến - Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam cho biết: "Nhu cầu về điện của Việt Nam đang tăng nhanh chóng. Để đáp ứng nhu cầu này, chúng ta cần phải gia tăng tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo. Chính phủ đặt mục tiêu tăng công suất điện lên 18 gigawatt (GW) vào năm 2030. Siemens đang hỗ trợ Công ty triển khai Dự án điện mặt trời quan trọng này để đạt được các mục tiêu

phát triển năng lượng tái tạo của Chính phủ".

Siemens là một trong những nhà sản xuất hàng đầu thế giới về cung cấp các thiết bị để cân bằng quang điện Nhà máy (eBoP) - một giải pháp mới cho phép điện mặt trời được hòa với lưới một cách thông minh. Việc hợp tác cùng với Tập đoàn Trung Nam trong Dự án Nhà máy điện mặt trời trọng điểm, góp phần tạo ra nguồn năng lượng sạch và thân thiện với môi trường cho người dân Việt Nam. ■

DƯƠNG HƯƠNG LY



Gặp gỡ anh hùng môi trường Việt Nam đầu tiên được nhận Giải thưởng Môi trường Goldman

Giải thưởng Môi trường Goldman công nhận những nhà hoạt động cơ sở có những thành tựu quan trọng trong công tác BVMT. Giải thưởng được trao tặng hàng năm cho các anh hùng môi trường từ 6 khu vực lục địa (châu Phi; châu Á; châu Âu; các đảo và đảo quốc; Bắc Mỹ; Nam và Trung Mỹ) trên thế giới. Mới đây, Quỹ môi trường Goldman đã công bố 7 người nhận Giải thưởng Môi trường Goldman năm 2018, trong đó bà Nguyễn Thị Khanh - Giám đốc Trung tâm Phát triển Sáng tạo Xanh (GreenID) vinh dự là người Việt Nam đầu tiên được nhận Giải thưởng cao quý này. Để tìm hiểu rõ hơn về những đóng góp của bà trong lĩnh vực môi trường tại Việt Nam, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với Giám đốc GreenID Nguyễn Thị Khanh.

★Được biết, bà từng có dự định trở thành một nhà ngoại giao, vậy cơ duyên nào mà bà lại chọn lĩnh vực môi trường?

Bà Nguyễn Thị Khanh: Lĩnh vực môi trường hay năng lượng có duyên với tôi từ nhỏ. Đến thời đại học, tôi tiếp tục hứng thú với nó. Học chuyên ngành chính trị và ngoại giao (Học viện Ngoại giao), từng ước mơ trở thành nhà ngoại giao, nhưng sau khi tốt nghiệp, tôi quyết định làm về phát triển cộng đồng, bảo tồn tài nguyên nước và năng lượng bền vững, bước chân rong ruổi trên nhiều nẻo đường đất nước. Khi học về Nghị định thư Kyoto về môi trường, tôi được thầy truyền cảm hứng, càng học càng thích, càng đọc càng ngấm. Sự thích thú này đã dẫn tôi đến con đường phát triển hoạt động BVMT.

Quá trình làm về bảo vệ nguồn nước từ tác động của thủy điện ở Quảng Nam, hình ảnh bà con sống trong căn nhà dột nát, đời sống chông chênh, nước không có để dùng trong sinh hoạt khiến tôi day dứt và tự hỏi: “Liệu có cách nào để giúp người dân thoát khỏi cảnh tượng đó, phát triển năng lượng liệu có con đường nào khác ít gây ra tác động môi trường?”. Tuy nhiên, đến nay thủy điện gần như đã được quy hoạch và khai thác tối đa trên các dòng sông. Khi nghiên cứu về Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện 7), tôi thấy kế hoạch mở rộng phát triển nhiệt điện mới bắt đầu. Nhận thấy, nếu

làm ngay từ đầu thì sẽ giảm tổn hại cho xã hội, vì vậy, tôi cùng các chuyên gia, đồng nghiệp nghiên cứu để tìm kiếm các giải pháp nhằm hạn chế và thay thế dần cho nhiệt than, hướng tới một tương lai năng lượng xanh hơn.

★Bà có thể cho biết những tổn thất và tác động môi trường của nhiệt điện than tại Việt Nam?

Bà Nguyễn Thị Khanh: Nhiệt điện than được thế giới nhìn nhận là một nguồn năng lượng hóa thạch cần phải giảm bớt vì những hệ lụy lớn đối với khí hậu, môi trường sinh thái và sức khỏe của cộng đồng. Nhiệt điện than được ví như một cỗ máy sử dụng nước khổng lồ và nguồn nước trả lại môi trường có nhiệt độ cao hơn nước đầu vào từ 7-11°C. Điều này có tác động tiêu cực



▲ Bà Nguyễn Thị Khanh - Giám đốc GreenID

tới các loài thủy sinh. Để sản xuất ra 1Mwh điện năng thì cần 4.163 lít nước, ví dụ như Nhà máy nhiệt điện Long An 1, nếu được xây dựng thì mức tiêu thụ nước trong 1 ngày gấp 3 lần hệ thống cấp nước sạch của cả TP. Hà Nội. Tro xỉ thải ra của các nhà máy nhiệt điện cũng là một vấn đề nan giải hiện nay, đe dọa ô nhiễm nguồn nước và đất nếu không có giải pháp căn cơ. Năm 2015, các nhà máy nhiệt điện thải ra môi trường khoảng 15,5 triệu tấn tro xỉ và sẽ là 30 triệu tấn vào năm 2020, đến năm 2030 con số này sẽ là 423 triệu tấn và sẽ cần một diện tích chứa xỉ thải của các nhà máy nhiệt điện khoảng 20.000 ha (bằng 28% diện tích của Singapo) và gần bằng diện tích đất để phát triển 20.000 MW điện mặt trời.



Than đá là một loại nhiên liệu phát điện gây ô nhiễm nhất, thải ra 40% lượng khí nhà kính toàn cầu và là một nguồn chủ yếu gây ô nhiễm không khí, nước. Đốt than để phát điện sẽ gây phát thải khí các bon và các chất gây ô nhiễm không khí như SO_2 , NO_x , bụi mịn $\text{PM}_{2.5}$. Đây là một nguồn gây ô nhiễm không khí trầm trọng và ảnh hưởng lớn tới sức khỏe cộng đồng. Theo kết quả nghiên cứu mô hình khuếch tán ô nhiễm không khí do nhiệt điện than ở châu Á năm 2015 của Đại học Harvard (Mỹ), ô nhiễm không khí do nhiệt điện than ở Việt Nam tính vào năm 2011 có liên quan tới khoảng 4.000 ca tử vong sớm và con số này sẽ tăng lên xấp xỉ 4 lần vào năm 2030 nếu tất cả các nhà máy nhiệt điện than (theo quy hoạch) được xây dựng ở Việt Nam. Theo quy hoạch này, một lượng lớn than sử dụng ở Việt Nam là than nhập khẩu, làm gia tăng sự lệ thuộc của đất nước vào các nguồn nhập khẩu đắt đỏ.

★Trước những hiểm họa của nhiệt điện than, bà có đề xuất, kiến nghị gì nhằm thúc đẩy kế hoạch phát triển năng lượng bền vững ở Việt Nam?

Bà Nguyễn Thị Khanh: Từ năm 2013 - 2015, tôi đã cùng nhiều chuyên gia và đồng nghiệp tiến hành các nghiên cứu, tổ chức nhiều tọa đàm về những bất cập của Quy hoạch điện 7; những tác động tiêu cực của nhiệt điện than đối với môi trường, an ninh năng lượng quốc gia, sinh kế và phát triển bền vững của địa phương; tiềm năng của sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả và đánh giá nhu cầu sử dụng điện theo kịch bản phát triển kinh tế tăng trưởng hàng năm ở mức 7%. Tổng hợp các kết quả nghiên cứu trên, năm 2015, chúng tôi đưa ra kiến nghị Quy hoạch điện 7 điều chỉnh nên giảm 33% nhu cầu điện vào năm 2030 so với Quy hoạch điện 7, trong đó giảm nhiệt điện than và không cần thiết phải phát triển điện hạt nhân mà vẫn đảm bảo an ninh năng lượng. Tháng 3/2016, Chính phủ đã ban hành Quy hoạch điện 7 điều chỉnh, trong đó, cắt khoảng 20.000 MW nhiệt điện than ra khỏi Quy hoạch điện quốc gia, đồng thời tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và điện sinh khối lên 21% trong kế hoạch nguồn điện tổng thể đến năm 2030.

Tiếp nối nỗ lực trên, tháng 6/2018, GreenID đã đưa ra đề xuất kịch bản cho tương lai năng lượng sạch của Việt Nam đáp ứng mục tiêu của Thỏa thuận Pari về biến đổi khí hậu. Theo đó, Bản Thiết kế tương lai cho năng lượng sạch Việt



▲ Bà Khanh và đồng nghiệp tham quan mô hình đèn LED tại Trường mầm non xã Hải Hà, Hải Hậu, Nam Định

Năm 2011, Bà Nguyễn Thị Khanh thành lập Trung tâm Phát triển Sáng tạo Xanh (GreenID). GreenID hoạt động để góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững cho Việt Nam, khu vực Mê Công và hiện đang nỗ lực để trở thành một tổ chức phi chính phủ Việt Nam có uy tín và đi tiên phong trong thúc đẩy ngành năng lượng bền vững... Bà đồng thời là thành viên sáng lập Liên minh năng lượng bền vững Việt Nam, một mạng lưới gồm 12 thành viên là các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực môi trường cùng hợp tác về các vấn đề năng lượng tại Việt Nam và khu vực.

Nam đề xuất đến năm 2030 tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo từ khoảng 21% lên 30%; tăng tỷ trọng nhiệt điện khí từ 14,7% lên 22,8%; và giảm tỷ trọng của nhiệt điện than từ 42,6% xuống còn 24,4% trong tổng cơ cấu nguồn điện. Chúng tôi cũng đưa ra đề xuất thực hiện phát triển điện mặt trời áp mái, với sáng kiến “Triệu ngôi nhà Xanh vì Việt Nam thịnh vượng” tại Tuần lễ năng lượng tái tạo Việt Nam 2018.

★Bà có suy nghĩ gì khi là người Việt Nam đầu tiên được nhận Giải thưởng Môi trường Goldman?

Bà Nguyễn Thị Khanh: Giải thưởng Môi trường Goldman được thành lập năm 1989 bởi các nhà lãnh đạo công dân San Francisco (Mỹ), nhà từ thiện Richard và Rhoda Goldman. Những người đạt giải được

lựa chọn bởi một Ban giám khảo quốc tế, từ những đề cử bí mật do một mạng lưới các tổ chức và cá nhân môi trường trên toàn thế giới đệ trình. Giải thưởng được công bố vào tháng 4 hàng năm, trùng với thời điểm Ngày Trái đất. Tiêu chí trao giải theo thứ tự ưu tiên gồm: Những thành tựu mới đem lại sự cải thiện cho môi trường và truyền cảm hứng cho người khác; những sáng kiến tại cộng đồng...

Tôi vô cùng vinh dự và cũng bất ngờ khi được nhận Giải thưởng danh giá này. Đó là sự ghi nhận quan trọng của cộng đồng quốc tế đối với những nỗ lực BVMT, phát triển năng lượng sạch, giảm sự phụ thuộc vào nhiệt điện than ở Việt Nam trong thời gian qua.

★Xin trân trọng cảm ơn bà!
VŨ NHUNG (Thực hiện)



Người cao tuổi góp sức xây dựng quê hương sạch, đẹp

Những năm qua, Hội Người cao tuổi (NCT) tỉnh Long An luôn tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước và có nhiều đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, chủ động tuyên truyền, kêu gọi hội viên vận động người thân, gia đình chung tay xây dựng, bảo vệ cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp, từ đó khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của NCT trong các hoạt động cộng đồng.

TUỔI CAO, CHÍ CÀNG CAO

Toàn tỉnh Long An hiện có 138.193 hội viên NCT, trong đó có 4.272 hội viên là đảng viên, 515 hội viên tham gia cấp ủy (chủ yếu ở ấp, khu phố), 390 cụ là đại biểu HĐND cấp xã, 6 cụ là đại biểu HĐND cấp huyện, 8.947 cụ tham gia công tác chính quyền, đoàn thể, khuyến học, hòa giải, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở... Mặc dù tuổi cao, nhưng phần đông NCT luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ trên các cương vị công tác được Đảng, Nhà nước, nhân dân giao phó với sự nhiệt tình và tinh thần, trách nhiệm cao.

Phát huy tinh thần “Tuổi cao, chí càng cao, nêu gương sáng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, nhiều cụ đã tích cực tham gia phong trào thi đua phát triển kinh tế, vươn lên giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Theo Trưởng ban Đại diện Hội NCT tỉnh Long An Nguyễn Văn Nhung, hiện có trên 62.000 hội viên NCT trực tiếp tham gia lao động, sản xuất, trong đó có 22.018 NCT đạt Danh hiệu Nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi; 1.146 NCT là chủ các trang trại, doanh nghiệp. Ngày càng xuất hiện nhiều tấm gương điển hình về NCT ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao, là tấm gương sáng cho con cháu, người dân học tập, noi theo.

Ông Lê Văn Nỷ (74 tuổi) - Hội viên Hội NCT ấp 2, xã Tân Thành, huyện Tân Thành là một trong những tấm gương điển hình nỗ lực vươn lên làm giàu và có nhiều đóng góp cho quê hương. 20 năm trước, ông cải tạo 300 m² đất vườn để chuyển sang trồng mít, đây là mô hình hoàn toàn mới tại địa phương. Tuy nhiên, với bản tính cần cù, chịu khó, ông tự tìm hiểu kỹ thuật trồng cây mít cho năng suất cao qua sách,



▲ Đường giao thông nông thôn tại Long An được mở rộng, bê tông hóa với sự góp sức của người cao tuổi

báo, tham khảo kinh nghiệm ở các địa phương khác, nhờ đó, việc trồng mít ngày càng thuận lợi và mô hình của ông đã gặt hái được nhiều thành công. Không chỉ làm giàu cho gia đình, ông Lê Văn Nỷ còn chia sẻ kinh nghiệm cho những hội viên khác, giúp nhau thoát nghèo bền vững, ổn định cuộc sống. Trong gia đình, ông là người chồng, cha, ông mẫu mực, luôn nhắc nhở con cháu chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sống có nghĩa, có tình. Ông được hàng xóm quý mến, kính trọng vì sự nhiệt tình, tích cực tham gia các hoạt động, phong trào của địa phương, Hội như đóng góp xây dựng đường giao thông nông thôn, ủng hộ Quỹ Khuyến học, Quỹ Vì người nghèo...

Để khuyến khích hội viên NCT tích cực hưởng ứng, tham gia phong trào, hoạt động tập thể, các cấp Hội NCT trên địa bàn tỉnh luôn quan tâm đến công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần

cho hội viên. Các cấp Hội còn phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, tổ chức, đoàn thể quyền góp hơn 8,5 tỷ đồng xây dựng 108 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương cho hội viên NCT có hoàn cảnh khó khăn; 8,7 tỷ đồng để tặng quà cho 15.662 hội viên NCT cô đơn, không nơi nương tựa.

CHUNG SỨC XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG XANH - SẠCH - ĐẸP

Hưởng ứng phong trào thi đua “Tuổi cao - Gương sáng” do Trung ương Hội NCT Việt Nam phát động, Ban Đại diện Hội NCT tỉnh Long An đã tuyên truyền sâu rộng đến các cấp Hội bằng những việc làm thiết thực gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, góp phần xây dựng quê hương giàu, đẹp. Đặc biệt, thực hiện Chương trình NCT tham gia BVMT, xây dựng NTM và đô thị văn minh, 9 tháng đầu năm 2018, Hội NCT tỉnh đã vận động, đóng góp hơn 2,7 tỷ đồng để xây dựng, sửa chữa 26 cầu



nông thôn; 60,7 km đường giao thông liên ấp với số tiền hơn 7,5 tỷ đồng; hiến 24.027 m² đất để xây dựng các công trình phúc lợi... Không chỉ gương mẫu thực hiện các phong trào thi đua, hoạt động tại địa phương, hội viên NCT còn vận động người dân đóng góp kinh phí làm đường giao thông nông thôn; lắp đặt đèn đường, camera an ninh, đảm bảo an toàn cho người dân; trồng cây xanh trên các tuyến đường để tạo cảnh quan môi trường...

Một trong những địa phương đi đầu trong phong trào thi đua “Tuổi cao - Gió sáng” tại Long An là xã Tân Lâm, huyện Cần Đức. Đảng bộ, chính quyền, nhân dân nơi đây đang nỗ lực phấn đấu để được công nhận xã NTM kiểu mẫu vào năm 2020. Người dân ấp Xóm Chùa rất phấn khởi vì vừa mở rộng, bê tông hóa thêm 2 tuyến đường vào chùa Phật Sơn và chùa Phước Lâm, tổng chiều dài gần 1,7 km. Đây là 2 tuyến đường được thực hiện với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, trong đó người dân đóng góp hơn 400 triệu đồng. Hướng đến xây dựng xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020, với mục tiêu tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM, xây dựng các ấp đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu, có nền kinh tế phát triển, hạ tầng hiện đại, phù hợp với tiềm lực thực tế, đảm bảo môi trường sinh thái trong lành, năm 2018, xã Tân Lâm ưu tiên nâng chất 4 tiêu chí: Nhà ở dân cư, môi trường, hình thức tổ chức sản xuất, quốc phòng - an ninh. Trong đó, tiêu chí môi trường được đặc biệt quan tâm, 2 năm qua, xã bố trí đặt hơn 100 thùng chứa rác, hướng dẫn các hộ dân ở xa tuyến đường chính đào hố xử lý rác theo quy định; trồng 2.100 cây xanh ven đường để tạo cảnh quan môi trường... Có được kết quả trên là nhờ sự nhiệt tình, trách nhiệm của các hội viên NCT trong công tác tuyên truyền, vận động con cháu, người thân, hàng xóm chung tay xây dựng NTM.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM đã và đang thay đổi toàn diện bộ mặt đời sống nông thôn tại Long An. Sự thay đổi đó có phần công sức không nhỏ của NCT bằng những việc làm cụ thể, được cộng đồng, xã hội ghi nhận. Các bậc cao niên đã khẳng định được vị thế trong khối đại đoàn kết dân tộc, là những “cây cao, bóng cả” trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị tại địa phương. **PHẠM THỊ THU HƯƠNG**

ĐÀ NẴNG:

Hành trình trở thành Thành phố Xanh quốc gia 2018



▲ Giám đốc Quốc gia WWF - Việt Nam Văn Ngọc Thịnh (trái) trao Chứng nhận và biểu tượng TP Xanh quốc gia cho Phó Chủ tịch UBND TP. Đà Nẵng Nguyễn Ngọc Tuấn (phải) tại Lễ công bố Danh hiệu TP Xanh quốc gia 2018 ngày 31/8/2018

Ngày 10/7/2018, Đà Nẵng vinh dự được Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên thế giới (WWF) công nhận là TP Xanh quốc gia của Việt Nam năm 2018. Đây là sự ghi nhận xứng đáng cho Đà Nẵng - một TP luôn quyết tâm và nỗ lực để xây dựng hình ảnh TP Môi trường, “TP đáng sống” của đất nước.

DẤU ẤN TỪ VIỆC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG - TP MÔI TRƯỜNG...

Từ năm 2008 đến nay, chủ trương xây dựng TP Môi trường đã được các cấp chính quyền và người dân Đà Nẵng nỗ lực thực hiện thông qua nhiều sáng kiến quan trọng, đem đến một hình ảnh TP xanh của Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế. Thực hiện Đề án Xây dựng Đà Nẵng - TP môi trường đến năm 2020 của UBND TP, các cấp chính quyền TP và người dân Đà

Nẵng đã đồng lòng tham gia vào công tác BVMT, từng bước giải quyết những điểm “nóng” về môi trường trên địa bàn TP. Nhiều dự án, nhiệm vụ, công trình trọng điểm về BVMT đã và đang được triển khai thông qua các nguồn lực đầu tư từ nguồn ngân sách TP, ODA và xã hội hóa. Để đạt được các mục tiêu TP đã chủ động lồng ghép các chỉ tiêu môi trường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và người dân



▲ Đà Nẵng cam kết giảm 25% lượng phát thải các bon vào năm 2030, so với mức phát thải 2016



▲ Ô tô điện và trạm sạc nhanh với hệ thống năng lượng mặt trời của Tổng Công ty Điện lực miền Trung

toàn TP chung tay thực hiện Đề án; nhiều mô hình BVMT được hình thành và nhân rộng như: Câu lạc bộ môi trường Cựu chiến binh tham gia xây dựng Đà Nẵng; Mô hình xanh nhà, sạch phố và sống xanh; Tổ dân phố không rác, phường thân thiện môi trường; trường học xanh...

Nhờ đó, việc triển khai thực hiện Đề án Xây dựng Đà Nẵng - TP Môi trường trong 10 năm qua đã đạt được những kết quả tích cực: Chỉ số ô nhiễm không khí (API) trong khu vực đô thị luôn đảm bảo nhỏ hơn 100 (năm 2016: API = 59; năm 2017: API = 58); tỷ lệ hộ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 96,5% năm 2016, 100% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị đạt 95%; diện tích bình quân cây xanh đô thị đạt 7,3 m³/người... Đồng thời, TP đã tập trung giải quyết ô nhiễm môi trường nước tại các khu dân cư, xử lý nước thải bảo đảm đạt tiêu chuẩn. Đến nay, TP có 5 trạm xử lý nước thải đô thị với tổng công suất thiết kế 133.500 m³/ngày, trong đó có 3 trạm xử lý đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường.

Ngoài ra, Đà Nẵng cũng tích cực và chủ động xây dựng các kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), bao gồm: Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Pari về BĐKH giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT trên địa bàn TP; Kế hoạch ứng phó với BĐKH và nước biển dâng TP. Đà Nẵng đến năm 2020. Bên cạnh các kế hoạch trên, Đà Nẵng cũng tăng cường triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, nhằm thực hiện mục tiêu đến năm 2020, trở thành TP có đủ năng lực và chủ động ứng phó với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Theo đó, TP đã xây dựng cơ chế, chính sách về quản

lý cây xanh đô thị, thực hiện xã hội hóa đầu tư phát triển, bảo vệ và chăm sóc cây xanh; kiểm soát ô nhiễm không khí; chuyển dịch các hoạt động sản xuất công nghiệp sang sản xuất sạch hơn; Quy hoạch đầu tư phát triển hạ tầng giao thông và thúc đẩy chuyển đổi nhiên liệu sạch...

Với những nỗ lực trong công tác BVMT, xây dựng thương hiệu TP Môi trường, nhiều năm liền, Đà Nẵng đã trở thành một điểm sáng ở Việt Nam, được quốc tế công nhận với hàng chục giải thưởng, danh hiệu như: Giải thưởng TP bền vững về môi trường ASEAN; TP phát thải các bon thấp; Giải thưởng Phong cảnh TP châu Á; 1 trong 20 TP Xanh - Sạch - Đẹp...

DANH HIỆU “TP XANH QUỐC GIA”

Những thành công của việc triển khai Đề án Xây dựng Đà Nẵng - TP Môi trường đến năm 2020 là nền tảng để Ban Tổ chức Chương trình TP Xanh quốc tế (EHCC) giai đoạn 2017 - 2018 lựa chọn Đà Nẵng để vinh danh là TP Xanh quốc gia. EHCC là sáng kiến của WWF, nhằm kêu gọi các TP trên thế giới cùng hành động, xây dựng và thực hiện các kế

hoạch để tăng trưởng xanh, giảm thiểu, thích ứng với BĐKH.

Tham gia Chương trình EHCC, Đà Nẵng đã gây ấn tượng với Ban Tổ chức bởi các giải pháp toàn diện về thích ứng, giảm thiểu BĐKH và phát triển xanh, với cam kết giảm 25% lượng phát thải các bon vào năm 2030, so với mức phát thải 2016. Để thực hiện được mục tiêu trên, Đà Nẵng đã triển khai nhiều hoạt động, tập trung vào các lĩnh vực: Vận tải xanh và bền vững; năng lượng tái tạo; quản lý rác thải; ứng phó với BĐKH. Cụ thể, TP xây dựng Nhà máy điện mặt trời tại bãi rác Khánh Sơn; lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên mái che, bãi đỗ xe của Sân bay quốc tế Đà Nẵng và 5 tòa nhà công cộng trong khuôn khổ Dự án Phát triển năng lượng mặt trời do Liên minh châu Âu tài trợ; lập Dự án xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn, công suất 1.000 tấn/ngày và triển khai các dự án cải thiện môi trường nước trên địa bàn TP. Đối với lĩnh vực giao thông, TP đã triển khai Dự án xe buýt nhanh BRT sử dụng công nghệ ELFA Hybrid và áp dụng xăng sinh học E5 RON92 trên toàn TP (với 100% xe taxi). Đến nay, một số doanh nghiệp đã sử



dụng năng lượng tái tạo và phương tiện giao thông xanh như: Tổng Công ty Điện lực miền Trung đã thí điểm Trạm sạc nhanh cho xe ô tô chạy bằng điện, kết hợp hệ thống năng lượng mặt trời áp mái nổi lưới tòa nhà, với tổng công suất 50 kWp; Sở TN&MT lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, nổi lưới cục bộ tại trụ sở cơ quan Chi cục BVMT... Bên cạnh đó, Đà Nẵng cũng đưa thông điệp về TP xanh vào các hoạt động truyền thông, nhằm lan tỏa thông điệp đó đến với cộng đồng DN và người dân trên toàn TP.

Có thể thấy, việc triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình EHCC của TP. Đà Nẵng cũng phù hợp với quan điểm, mục tiêu và tiêu chí về TP Môi trường mà TP đang thực hiện, đây là lợi thế lớn của TP. Đặc biệt, Đà Nẵng còn có lợi thế quan trọng là ý chí quyết tâm của Lãnh đạo TP, sự ủng hộ, đồng thuận của mọi tầng lớp nhân dân và sự nỗ lực thực hiện của các cấp, ngành và doanh nghiệp để xây dựng TP xanh. Đánh giá cao những lợi thế đó, Giám đốc Quốc gia WWF - Việt Nam Văn Ngọc Thịnh cho rằng: “Đà Nẵng đang hành động với vị thế “dẫn đầu” trong sáng kiến xây dựng TP xanh, các hoạt động được triển khai toàn diện và lồng ghép trong nhiều ngành, lĩnh vực. Đà Nẵng đang truyền cảm hứng cho các TP khác trong cả nước về phát triển xanh và bền vững. Đó cũng là điểm tạo nên sự khác biệt ấn tượng của Đà Nẵng”.

Danh hiệu TP Xanh quốc gia là niềm tự hào, cơ hội và cũng là trách nhiệm của Đà Nẵng trong việc kiến tạo một cuộc sống xanh, bền vững, thân thiện với môi trường. Với định hướng xuyên suốt từ nhiều năm nay là tăng trưởng kinh tế phải song hành vấn đề BVMT, Đà Nẵng đã và đang dẫn đầu “thương hiệu” TP Môi trường vươn tầm ra khu vực và thế giới, góp phần khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện Thỏa thuận Pari về BĐKH■

VÕ THỊ HỒNG

Hạ Long giữ vững Danh hiệu “Thành phố bền vững về môi trường”

ThS. PHẠM VĂN CƯỜNG - Phó Giám đốc

Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh

TP. Hạ Long là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của tỉnh Quảng Ninh, có tổng diện tích tự nhiên là 27.195,03 ha, có 20 đơn vị hành chính cấp phường. TP có lợi thế về phát triển công nghiệp và du lịch, nông - lâm - ngư nghiệp với nguồn tài nguyên phong phú, bao gồm: Khoáng sản, đất, rừng và đa dạng sinh học. Năm 2008, TP. Hạ Long vinh dự cùng 10 TP khác trong khu vực ASEAN được nhận Danh hiệu “TP bền vững về môi trường”. Đến nay, sau 10 năm nhận danh hiệu, TP đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp xây dựng, bảo vệ danh hiệu và đạt được một số kết quả quan trọng.

Hiện nay, kinh tế của TP phát triển ổn định và tăng trưởng ở mức bình quân 19,4%/năm. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ từ 44,2% năm 2010 lên 53,98% năm 2017. Tổng thu ngân sách trên địa bàn chiếm tỷ trọng lớn (trên 60%) trong tổng thu ngân sách của toàn tỉnh. Song song với phát triển kinh tế, công tác BVMT được TP quan tâm, chú trọng. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình, kế hoạch về BVMT, Quy hoạch môi trường tỉnh, môi trường vịnh, bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh... để các địa phương triển khai. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, TP đã xây dựng Quy hoạch BVMT TP. Hạ Long, Kế hoạch triển khai Quy hoạch BVMT vịnh Hạ Long do UBND tỉnh phê

duyet... Bên cạnh đó, công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BVMT đã từng bước được kiện toàn (Phòng TN&MT, Quản lý đô thị, Ban Quản lý các dịch vụ công ích). Đến nay, UBND 20 phường đã có cán bộ chuyên trách về môi trường. Đặc biệt, năm 2012, Đội Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường trực thuộc Công an TP cũng đã được thành lập, qua đó năng lực giám sát, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT được tăng cường.

Cùng với đó, TP thường xuyên theo dõi diễn biến chất lượng các điểm, khu vực có dấu hiệu ô nhiễm môi trường, đánh giá hiệu quả các công trình xử lý nước thải (XLNT) của tổ chức/doanh nghiệp, thông qua việc lấy mẫu thường xuyên và đột xuất; Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn; Triển khai, áp dụng các mô hình và dự án nông nghiệp sạch, sản xuất an toàn theo hướng Việt GAP...

Để công tác BVMT đạt hiệu quả, TP đã tổ chức xây dựng và triển khai các đề án về BVMT, phát triển bền vững như: Di dời nhà bè trên vịnh Hạ Long, các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giết mổ gia súc, gia cầm, thu mua phế liệu nằm xen kẽ trong khu dân cư, trung tâm đô thị vào khu công nghiệp (KCN) tập trung; chấm dứt hoạt động của các cơ sở sản xuất vôi bằng lò thủ công; di dân khỏi vùng sạt lở, di chuyển chợ đêm Bãi Cháy; kiến nghị và điều



▲ Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh

chính không quy hoạch phát triển thêm các dự án sản xuất xi măng, nhiệt điện ven vịnh Hạ Long. Cùng với việc quy hoạch phát triển, TP. Hạ Long tăng cường đầu tư các hạng mục công trình xử lý môi trường; Xanh hóa đô thị, nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch; Phát triển các nhà máy, trạm XLNT sinh hoạt (như Dự án Thoát nước và XLNT TP. Hạ Long, sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi (ODA) của Chính phủ Nhật Bản, dự kiến hoàn thành vào năm 2020); Cải tạo các bãi rác xử lý rác thải sinh hoạt của TP; Xây dựng các trạm quan trắc môi trường không khí và môi trường nước tự động... Qua đó, đã chủ động dự báo, phòng ngừa, khắc phục và giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và sinh thái do các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt của con người gây ra.

Với những nỗ lực trên, đến năm 2017, TP giữ vững tỷ lệ che phủ rừng đạt 24,58%; 100% hộ dân được sử dụng điện chiếu sáng, nước sạch; 60% cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường (năm 2016); 55% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn lao động và phủ kín cây xanh trong khuôn viên thuộc khu vực sản xuất (năm 2016); Các dự án trong KCN thực hiện thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), xác nhận hoàn thành công trình BVMT, đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đạt 100%; 100% dự án thực hiện thu gom, XLNT theo quy định... Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt trên 98%; thu gom và XLNT sinh hoạt đạt 35% tổng lượng phát sinh; 100% chất thải ngành y tế được thu gom, xử lý... Đến hết quý I/2016, 100% các tàu lưu trú, vận chuyển khách

tham quan trên vịnh Hạ Long đã có thiết bị XLNT nhằm đảm bảo quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Mỗi năm, TP phân bổ từ 8 - 10% tổng chi ngân sách đối với các nhiệm vụ sự nghiệp môi trường và đô thị. Hiện trên địa bàn TP. Hạ Long có tổng số 15 trạm quan trắc môi trường tự động. Các đơn vị quản lý trạm đang thực hiện kết nối dữ liệu từ trạm về trung tâm điều hành của Sở TN&MT để giám sát quản lý theo quy định. Đặc biệt, hoạt động kiểm tra, kiểm soát, thẩm định chủ trương đầu tư, thủ tục về môi trường được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, theo quy định. Vì vậy, từ năm 2008 đến nay, trên địa bàn TP không phát sinh mới các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Bên cạnh các kết quả đạt được, TP còn một số tồn tại như: Hạ tầng đô thị của TP chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển hiện tại, đặc biệt là vấn đề XLNT, nghĩa trang; Môi trường TP bị ảnh hưởng bởi các nguồn thải từ các địa phương giáp ranh, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, trong khi công tác phối hợp quản lý BVMT giữa các địa phương giáp ranh, lân cận còn hạn chế, đặc biệt là

trao đổi thông tin, phối hợp giám sát, kiểm tra; Ô nhiễm môi trường tại các khu vực khai thác than tuy đã được cải thiện hơn trước, song vẫn còn có những điểm ô nhiễm cục bộ; các nguy cơ, sự cố về sạt lở đất còn diễn ra....

Để giải quyết các vấn đề trên và giữ vững Danh hiệu “TP bền vững về môi trường, thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh nói chung, TP. Hạ Long nói riêng sẽ tiếp tục xây dựng và thực hiện các Quy hoạch, Kế hoạch, Đề án và các văn bản chỉ đạo về BVMT; Tập trung đầu tư các dự án về hạ tầng xử lý chất thải, thực hiện các giải pháp cấp bách về BVMT đô thị, ứng phó, giảm thiểu, khắc phục sự cố...; Đẩy mạnh phối hợp giữa các đơn vị trong TP, trong tỉnh và giữa các tỉnh, các địa phương lân cận trong các vấn đề quản lý chất thải đô thị, chất thải liên vùng, BVMT và các giá trị của vịnh Hạ Long. Đồng thời, thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiến tiến trong xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn; tuyên truyền, tăng cường hợp tác, xúc tiến đầu tư, đa dạng hóa nguồn vốn, phương thức đầu tư về lĩnh vực BVMT tại TP. Hạ Long, vịnh Hạ Long.

Sau 25 năm xây dựng và phát triển, với những nỗ lực và cố gắng không ngừng, TP. Hạ Long đã trở thành đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, nâng tầm và mở ra cho TP nhiều cơ hội thuận lợi, góp phần thực hiện thắng lợi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phấn đấu đưa Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại vào năm 2020■



TRÙNG KHÁNH - CAO BẰNG:

Phát huy những tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch bền vững



▲ Ông Nguyễn Mạnh Hùng
- Phó Chủ tịch UBND huyện
Trùng Khánh (Cao Bằng)

Vừa qua, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tổ chức thành công Lễ hội Du lịch Thác Bản Giốc lần thứ II năm 2018, đây là một trong những điểm nhấn quan trọng nhằm quảng bá hình ảnh tiềm năng phát triển của khu du lịch (KDL), đồng thời tăng cường hợp tác phát triển du lịch với huyện Đại Tân - Quảng Tây (Trung Quốc); phát huy những tiềm năng, lợi thế của các khu, điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và giá trị văn hóa phi vật thể của huyện; định hướng phát triển du lịch bền vững, quyết tâm đạt mục tiêu đưa Trùng Khánh trở thành huyện đứng đầu của tỉnh Cao Bằng về phát triển kinh tế du lịch. Nhân dịp này, phóng viên Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Chủ tịch UBND huyện Trùng Khánh, Trưởng ban quản lý KDL Thác Bản Giốc.

★Xin ông cho biết tiềm năng năng lợi thế của huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng?

Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Huyện Trùng Khánh được thiên nhiên ban tặng nhiều phong cảnh đẹp như Thác Bản Giốc, Động Ngườm Ngao và các địa danh nổi tiếng khác gắn với môi trường sinh thái và giá trị về văn hóa ẩm thực, văn hóa phi vật thể như các làn điệu dân ca Zá Hai, Si Zang, Hà Lều, Phong Sư, Hát Then, Hát Lượn...

Bên cạnh đó, Trùng Khánh là huyện có đường biên giới dài 66 km, tiếp giáp với 2 huyện Tịnh Tây và Đại Tân - Quảng Tây (Trung Quốc), là thị trường du lịch quốc tế đầy tiềm năng có thể khai thác và đem lại hiệu quả cao. Trong thời gian qua, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn và Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đầu tư hai công trình Resort Bản Giốc và Chùa Phật tích Trúc Lâm Bản Giốc, khánh thành đưa vào khai thác trong năm 2014 đã tạo thêm điểm nhấn trong KDL Thác Bản Giốc, góp phần thu hút nhiều du khách đến với huyện Trùng Khánh.

Với tiềm năng và lợi thế vốn có, Huyện ủy Trùng Khánh đã ban hành Chương trình số 06 ngày 16/5/2016 thực hiện Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ 19 về phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020. UBND huyện đã cụ thể hóa thành Kế hoạch để triển khai thực hiện. Đồng thời, huyện đã chủ động đề xuất một số danh mục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo ra các sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm sớm đưa KDL Thác Bản Giốc trở thành KDL trọng điểm cấp quốc gia.

★Xin ông cho biết yếu tố tạo nên thành công Lễ hội Du lịch Thác Bản Giốc lần thứ II năm 2018?

Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Thực hiện chủ trương của của UBND tỉnh và Kế hoạch của UBND huyện Trùng Khánh về tổ chức Lễ hội du lịch Thác Bản Giốc

lần thứ II, năm 2018, đến nay Lễ hội đã thành công tốt đẹp. Trong hai ngày 13 - 14/10 diễn ra Lễ hội đã có rất nhiều hoạt động văn hóa sôi nổi, để lại ấn tượng tốt đẹp đối với các đại biểu, du khách và hai huyện của Trung Quốc, thể hiện tình đoàn kết giữa các dân tộc.

Để có thành công này, UBND huyện và Ban Tổ chức Lễ hội đã ban hành gần 100 văn bản các loại để chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ. Đặc biệt, công tác chỉnh trang cơ sở hạ tầng, vệ sinh môi trường KDL. Theo đó, UBND huyện đã chỉ đạo việc tôn tạo mặt bằng, bù đất sạt lở tại khu vực bờ sông Quây Sơn về phía hạ lưu Thác Bản Giốc khoảng 200 m, với khối lượng đất đá trên 200 m³, diện tích mặt bằng được tái tạo khoảng 500 m², đảm bảo cho việc xây dựng sân khấu



▲ Phong cảnh Thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh (Cao Bằng)

chính phục vụ các hoạt động lễ hội. Chỉ đạo nâng cấp cải tạo đường vào khu chân thác với phương án dải tẩm bê tông đúc sẵn và đổ sỏi chèn khe, có bó vỉa tạo thành đoạn đường sạch, đẹp kịp thời phục vụ Lễ hội.

Đồng thời, tiến hành sửa chữa cầu đi bộ vào khu vực chân thác, có gắn đèn led tạo cảnh quan; sửa chữa đường từ Trạm Biên phòng xuống đến khu gian hàng; lắp hệ thống điện chiếu sáng đường đi vào thác; lắp điện chiếu sáng cột mốc 836, thiết kế các chậu hoa trang trí khu vực chân mốc, tạo tiểu cảnh “BẢN GIỐC 2018” phục vụ du khách chụp ảnh lưu niệm; tăng cường hệ thống nhà vệ sinh.

Huy động hàng trăm Đoàn viên thanh niên tình nguyện tổ chức tổng vệ sinh toàn bộ khu vực trước khi diễn ra Lễ hội; trong và sau Lễ hội luôn duy trì lực lượng thường xuyên vệ sinh, thu gom rác; tổ chức lắp hệ thống điện, sửa đường, làm biển chỉ dẫn, sắp xếp xe ô tô vào các bãi xe tập trung; hỗ trợ công tác trọng tài, các hoạt động văn nghệ, thể thao trong Chương trình Lễ hội.

★Để giữ gìn, phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa địa phương, kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái, huyện cần triển khai kế hoạch gì, thưa ông?

Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Với tiềm năng và lợi thế cả về cảnh quan và văn hóa đặc sắc,

cấp ủy, chính quyền huyện Trùng Khánh đã xác định mục tiêu phát triển du lịch bền vững kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái vừa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của vùng miền, biến các giá trị văn hóa bản địa thành “món ăn” tinh thần. Qua đó, trở thành các sản phẩm du lịch trong chuỗi giá trị sản phẩm để tạo sự hấp dẫn, thu hút du khách đến thăm quan du lịch và thưởng thức những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của quê hương Trùng Khánh ngày càng nhiều.

Trong thời gian tới, huyện Trùng Khánh sẽ xây dựng Đề án phát triển du lịch của toàn huyện, trong đó tập trung vào nhiệm vụ trước mắt là phát triển du lịch cộng đồng, để thực hiện Đề án hàng năm huyện sẽ dành ra một số kinh phí để tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng, nâng cao nhận thức

về du lịch, xây dựng các mô hình, hỗ trợ vay vốn, đào tạo nghề và phát triển cơ sở hạ tầng... gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới để tạo ra những chuỗi giá trị sản phẩm thu hút du khách, tạo công ăn việc làm cho người dân, chuyển dịch cơ cấu kinh tế để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của địa phương, lấy phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

★Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch của huyện có gặp những khó khăn, thách thức gì, thưa ông?

Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Việc triển khai quy hoạch xây dựng KDL thác Bản Giốc trên phạm vi 1.000 ha, trong đó Khu trung tâm du lịch thác Bản Giốc (vùng lõi) quy mô 156,7 ha nằm trong Khu hợp tác chung với phía Trung Quốc còn gặp nhiều khó khăn, do chưa



được cắm mốc quy hoạch ngoài thực địa, dẫn đến khó quản lý hoạt động xây dựng tự phát của người dân. Bên cạnh đó, sản phẩm dịch vụ du lịch chưa đa dạng, chất lượng chưa cao; hạ tầng cơ sở, kỹ thuật thiếu đồng bộ, một số hạng mục đầu tư mới trong giai đoạn lập dự án. Ngoài ra, hệ thống thu gom rác, xử lý môi trường chưa được đầu tư; công tác quảng bá, xúc tiến, khai thác thị trường du lịch còn hạn chế, thiếu sự kết nối tour tuyến giữa các doanh nghiệp du lịch, lữ hành; đồng thời, nhận thức của một số hộ dân về chấp hành quy định của Nhà nước trong hoạt động du lịch chưa đầy đủ, hoạt động kinh doanh còn mang tính tự phát, thiếu tính bền vững... Đây là những vấn đề mà cấp ủy, chính quyền huyện Trùng Khánh đang nhìn nhận và sẽ có hướng điều chỉnh, đưa ra giải pháp phù hợp để chỉ đạo thực hiện quyết liệt trong thời gian tới.

***Theo ông, trong thời gian tới, huyện Trùng Khánh cần triển khai, thực hiện những giải pháp trọng tâm nào nhằm phát triển du lịch bền vững?**

Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Để thực hiện mục tiêu phát triển du lịch bền vững, đạt chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 thu hút 15 nghìn lượt khách quốc tế, trên 500 nghìn

lượt khách nội địa đến tham quan, Lãnh đạo huyện Trùng Khánh ngoài việc quan tâm thực hiện công tác quy hoạch phát triển du lịch, đẩy mạnh đầu tư xây dựng hạ tầng như nâng cấp hạ tầng cơ sở, kêu gọi các Doanh nghiệp địa phương mạnh dạn đầu tư xây dựng mới một số nhà hàng, khách sạn; chỉnh trang cảnh quan KDL, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các điểm lưu trú, các nhà hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường quản lý và giám sát công tác BVMT sinh thái...

UBND huyện tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đảng bộ huyện Trùng Khánh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015 - 2020, lấy phát triển du lịch làm nhiệm vụ đột phá để thúc đẩy phát triển KT-XH của huyện từ nay đến hết nhiệm kỳ của cấp ủy; chỉ đạo

rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và ban hành các văn bản mới tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, tăng cường công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ cảnh quan môi trường tại các khu, điểm du lịch... xây dựng hình ảnh Khu du lịch văn minh thân thiện, hiếu khách, đảm bảo tính bền vững.

Đồng thời, tập trung các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch của địa phương; tạo cơ chế thu hút đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ du lịch. phát triển các sản phẩm đặc sản, văn hóa ẩm thực của địa phương; xây dựng kế hoạch, tổ chức định kỳ các sự kiện văn hóa du lịch đặc sắc nhằm giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc và thu hút du khách đến thăm quan du lịch.

***Trân trọng cảm ơn ông!**

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)

HẢI PHÒNG: ĐẦU TƯ TẬP TRUNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ

UBND TP Hải Phòng vừa đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải y tế cho các Bệnh viện, Trung tâm Y tế chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế trên địa bàn.

Cụ thể, UBND TP Hải Phòng quyết định giai đoạn 2019-2020, TP sẽ đầu tư Hệ thống xử lý nước thải y tế cho 5 đơn vị y tế, gồm Bệnh viện Đa khoa quận Lê Chân, Bệnh viện Đa khoa quận Hồng Bàng, Bệnh viện Đa khoa quận Hải An, Bệnh viện Đa khoa quận Đồ Sơn, Trung tâm Y tế quận Kiến An.

Giai đoạn sau năm 2020, TP sẽ tiếp tục đầu tư Hệ thống xử lý nước thải y tế cho 5 đơn vị y tế còn lại bao gồm Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Đa khoa Đôn Lương (huyện Cát Hải), Trung tâm Y tế quận Dương Kinh, Trung tâm Y tế quân dân y Bạch Long Vĩ.

Để triển khai thực hiện, UBND TP giao Sở Y tế lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với 5 đơn vị y tế thuộc giai đoạn 2019-



▲ Bệnh viện Đa khoa quận Hải An là một trong 5 bệnh viện được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế giai đoạn 2019 - 2020

2020 và trình duyệt theo quy định. Đồng thời giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả

năng cân đối vốn đầu tư theo đề nghị của Sở Y tế, đề xuất báo cáo UBND TP.

VŨ HỒNG



Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang - Lực lượng nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới

Những năm qua, các cấp Hội Nông dân (HND) tỉnh Bắc Giang không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, nhằm phát huy tối đa vai trò nòng cốt của tổ chức Hội trong phát triển kinh tế - xã hội và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Hưởng ứng phong trào “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới (NTM)”, HND tỉnh đã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lựa chọn một số nội dung trong 49 nội dung của 4/19 tiêu chí để chỉ đạo các cấp Hội triển khai thực hiện, cụ thể: Vệ sinh môi trường; dạy nghề, chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn; giảm tỷ lệ hộ nghèo; xây dựng gia đình văn hóa, làng bản văn hóa. Đồng thời, phát động phong trào “Nông dân Bắc Giang chung sức xây dựng NTM” gắn với đẩy mạnh 3 phong trào thi đua của Hội là “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; “Nông dân thi đua xây dựng NTM”; “Nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng, an ninh”. Bên cạnh đó, xác định muốn xây dựng NTM, người nông dân phải có tư duy mới, các cấp Hội đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người nông dân về cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước, địa phương về xây dựng NTM, thông qua các buổi họp, tọa đàm, hội nghị; trên hệ thống loa truyền thanh thôn, xóm; các hội thi nông dân. Qua đó, giúp cán bộ, hội viên, nông dân nhận thức rõ về mục đích, yêu cầu, nội dung và cách thức xây dựng NTM; cổ vũ nông dân vươn lên xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng; chủ động tham gia xây dựng NTM với nhiều việc làm, hành động thiết thực.



▲ Người dân xã Hương Lạc (Lạng Giang, Bắc Giang) hiến đất, góp công để mở rộng đường làng, ngõ xóm

Đặc biệt, các cấp Hội đã tổ chức thực hiện hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, nhằm huy động nguồn lực giúp hội viên nông dân phát triển kinh tế, tiêu biểu như: Quỹ hoạt động do Hội vận động đạt hơn 20 tỷ đồng; nguồn Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp đạt hơn 31 tỷ đồng, triển khai 50 dự án phát triển theo nhóm, hộ ngành nghề, giúp 1.000 hộ nông dân có vốn sản xuất; phối hợp với Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng Chính sách xã hội tín chấp trên 2.000 tỷ đồng cho hơn 100.000 lượt hộ nông dân vay vốn sản xuất. Mặc khác, Hội cũng tích cực vận động nông dân đồn điền đổi thửa, tham gia xây dựng hơn 100 cánh đồng mẫu lớn; duy trì và phát huy hiệu quả hàng trăm mô hình kinh tế tập thể, gần 2.000 mô hình điểm về sản xuất, kinh doanh giỏi; dạy nghề cho hơn 5.000 lượt hội viên, nông dân..., góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

Phong trào “Nông dân thi đua xây dựng NTM” cũng thu hút đông đảo hội viên, nông dân tham gia. Kết quả, hội viên, nông dân toàn tỉnh đã ủng hộ hàng trăm tỷ đồng, hàng triệu ngày công, hiến tặng trên 400.000 m² đất làm đường giao thông; làm mới, sửa chữa, nâng cấp hơn 7.000 km đường giao thông nông thôn; cứng hóa, nạo vét, nâng cấp gần 4.000 km kênh mương nội đồng; xây dựng hơn 270 mô hình nông dân tham gia BVMT nông thôn, hơn 50 mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học Biowish trong chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản... Những kết

quả này đã góp phần tích cực, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM của Bắc Giang lên 68 xã, tính đến cuối năm 2017. Đặc biệt, số xã hoàn thành các tiêu chí ngày càng tăng cao, trong đó có 87 xã đạt tiêu chí về giao thông; 116 xã đạt tiêu chí về thủy lợi; 158 xã đạt tiêu chí trường học; 69 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất... Hiện Bắc Giang đang đặt ra mục tiêu, đến cuối năm 2018, có thêm 21 xã đạt chuẩn NTM, nâng tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM lên 44%.

Để tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của HND trong xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, thời gian tới, các cấp HND trong tỉnh sẽ bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thường xuyên đổi mới nội dung, cập nhật thông tin, đa dạng hóa hình thức hoạt động; huy động mọi nguồn lực, giúp nông dân phát triển kinh tế theo hướng từ thoát nghèo chuyển sang no đủ và làm giàu. Cùng với đó, khắc phục tình trạng manh mún trong sản xuất nông nghiệp, vận động nông dân tích cực đồn điền đổi thửa, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh có khối lượng, chất lượng sản phẩm cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp cho người nông dân; tổ chức và nâng cao chất lượng các phong trào nông dân thi đua yêu nước, nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững■

LÊ HUYỀN TRANG



Môi trường là tiêu chí mẫu chốt đánh giá chất lượng nông thôn mới

Sau 7 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), bộ mặt nông thôn đã đổi thay, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nhiều khu vực nông thôn được nâng cao rõ rệt. Chương trình đã trở thành phong trào rộng lớn, tạo sự thay đổi tích cực về nhận thức trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Theo báo cáo của Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, tại nhiều địa phương, tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM đã dẫn được quan tâm và có nhiều chuyển biến, số xã đạt chuẩn NTM tăng đáng kể. Thống kê cho thấy, tính đến hết 30/9/2018, cả nước có 3.542 xã (39,7%) được công nhận đạt chuẩn NTM, tăng 473 xã (5,3%) so với cuối năm 2017.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔ HÌNH

Trước đây, việc thực hiện và công nhận đạt chuẩn được dựa vào Bộ tiêu chí quốc gia về NTM theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện Bộ tiêu chí này đã được điều chỉnh theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí huyện NTM và Quy định thị xã, TP trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Bộ tiêu chí mới này có nhiều điều chỉnh so với giai đoạn trước, trong đó tiêu chí môi trường từ 5 chỉ tiêu tăng lên là 8 chỉ tiêu, với nhiều nội dung mới (liên quan đến an toàn thực phẩm, nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước, BVMT trong chăn nuôi...). Một số quy định cũng khắt khe hơn (tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định).

Theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ NN&PTNT nghiên cứu, chỉ đạo thí điểm các mô hình NTM kiểu mẫu; đề xuất các tiêu chí nâng cao chất lượng đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, tiêu chí xây dựng mô hình xã NTM kiểu mẫu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Để thực hiện nhiệm vụ này, một trong những vấn đề trọng tâm của giai đoạn 2016 - 2020 là đẩy mạnh thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM đối với các huyện, xã đã được công nhận đạt chuẩn trong khi đây là một trong những tiêu chí có kết quả thực



▲ UBND tỉnh Đồng Nai trao Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Thống Nhất đạt chuẩn NTM

hiện khiêm tốn nhất trong giai đoạn 2010 - 2016. Xác định nhiệm vụ NTM là quá trình liên tục, lâu dài, trong thời gian qua, nhiều địa phương đã chủ động, tích cực ban hành tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể xây dựng NTM kiểu mẫu, làm căn cứ để chỉ đạo, thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn và phát huy tối đa lợi thế của địa phương. Tại Hà Tĩnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 quy định Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu của tỉnh Hà Tĩnh, trong đó tiêu chí môi trường đã được định lượng hơn (4 chỉ tiêu). Tuy vậy, so với bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg, tiêu chí về tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước đạt chuẩn QCVN 02:2009/BYT lại thấp hơn (trên 55% so với chuẩn quốc gia là trên 60%). UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao theo Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 7/10/2016, trong đó các chỉ tiêu cũng đã được định lượng cụ thể hơn so với

bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM (6 chỉ tiêu). Một số địa phương khác như Quảng Ninh, Nam Định cũng đã chủ động nghiên cứu và xây dựng bộ tiêu chí phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trong đó đề ra chuẩn thực hiện cao hơn so với chuẩn quốc gia đã ban hành.

Để có cơ sở lý luận phục vụ nghiên cứu và áp dụng vào thực tiễn, Bộ NN&PTNT cũng đã triển khai kế hoạch khảo sát thí điểm mô hình xã, huyện NTM kiểu mẫu để có cơ sở lý luận, thực tiễn phục vụ nghiên cứu. Mặc dù, có nhiều tên gọi của mô hình xã, huyện NTM đã đạt chuẩn tiếp tục phấn đấu và phát triển là "kiểu mẫu", "nâng cao", "bền vững và phát triển" hay "văn minh", "đáng sống" song việc nghiên cứu và xây dựng mô hình cùng các tiêu chí đánh giá cụ thể là cần thiết để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

Qua thực tế khảo sát tại một số huyện, xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM



của Bộ NN&PTNT, thời gian qua cho thấy, tình hình thực hiện tiêu chí môi trường đạt nhiều kết quả, không những sạch đường làng, ngõ xóm mà còn tiến tới đẹp, gọn gàng; công tác kiểm soát ô nhiễm đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh đã có những chuyển biến; việc thu gom và xử lý chất thải đã dần đi vào quy củ. Tuy vậy, các địa phương vẫn còn lúng túng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí môi trường, việc đề ra tiêu chí đánh giá còn chưa rõ ràng, ảnh hưởng tới việc đề ra mục tiêu phấn đấu của cả tỉnh và từng huyện, xã. Việc thực hiện tiêu chí môi trường tại thời điểm khảo sát ở nhiều xã đã được công nhận đạt chuẩn trong giai đoạn 2010 - 2015 vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg.

ĐƯA CÁC QUY ĐỊNH THÀNH ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

Để nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí môi trường đối với các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn NTM, Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đã đề xuất một số nội dung cần tập trung thực hiện trong thời gian tới. Trước hết, cần rà soát lại tổng thể việc thực hiện tiêu chí môi trường đối với các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn trước ngày 1/12/2016. Đối với một số chỉ tiêu chưa đạt được hoặc chưa được đánh giá trong giai đoạn trước, các địa phương cần có lộ trình thực hiện và đánh giá lại nhằm đáp ứng với yêu cầu của giai đoạn mới. Việc đánh giá cần được thực hiện khách quan, không du di và chần chừ, không vì mục tiêu giữ vững số lượng xã đã công nhận đạt chuẩn mà bỏ qua các chỉ tiêu của tiêu chí môi trường.

Trên cơ sở của Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 5/6/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 691/QĐ-TTg về tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020, làm căn cứ để áp dụng thống nhất trong cả nước. Quyết định nêu rõ các tiêu chí về môi trường như: Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên; Có mô hình BVMT (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về BVMT)... Theo đó, các tỉnh, TP cần chủ động nghiên cứu tiêu chí của Quyết định, đề xuất tiêu chí có thể áp dụng cho địa phương theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết

được những vấn đề có tính bức xúc như chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, ô nhiễm môi trường làng nghề...

Đối với các địa phương đã ban hành Bộ tiêu chí kiểu mẫu, đặc biệt là những địa phương ban hành trước khi Quyết định số 691/QĐ-TTg có hiệu lực như Hà Tĩnh, Quảng Ninh, cần rà soát lại để đảm bảo các tiêu chí kiểu mẫu không thấp hơn so với yêu cầu của Quyết định. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu và tổ chức mô hình thí điểm về xã, huyện NTM kiểu mẫu, trong đó việc thực hiện tiêu chí môi trường đối với các xã, huyện NTM kiểu mẫu chú trọng nâng cao nhận thức của cộng đồng về BVMT; củng cố và phát triển các tổ tự quản về môi trường. Ngoài ra, cần có các mô hình điểm trong việc thực hiện tốt chỉ tiêu về cảnh quan môi trường tại địa phương, từ đó nhân rộng ra các xã khác trong tỉnh, TP. Trong đó, chú trọng công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, ngoài việc xử lý hiệu quả, đạt quy chuẩn các hệ thống xử lý chất thải rắn của địa phương, cần nâng cao chất lượng thực

hiện thông qua việc đẩy mạnh công tác phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, nhằm giảm lượng rác thải phát sinh và lượng rác thải phải xử lý - giải quyết khâu đầu vào của quy trình quản lý chất thải. Từng bước cải tiến công nghệ xử lý hiện đại, tiết kiệm chi phí và giảm tối đa tỷ lệ chôn lấp, thậm chí sản xuất năng lượng, phân bón hữu cơ từ xử lý chất thải - giải quyết khâu đầu ra của quy trình quản lý chất thải...

Bên cạnh việc thực hiện tốt, bền vững chỉ tiêu của tiêu chí môi trường, các địa phương cần nghiên cứu để xuất nội dung tiêu chí môi trường của xã, huyện NTM kiểu mẫu theo hướng có cả các chỉ tiêu “cứng” bắt buộc áp dụng (tỷ lệ chất thải được thu gom và xử lý, tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh...), chỉ tiêu “mềm” để các địa phương linh hoạt điều chỉnh (tỷ lệ nguồn lực xã hội hóa cho BVMT), với mục tiêu chung là nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội gắn với BVMT■

TRẦN THẮNG TRUNG



▲ Khu dân cư kiểu mẫu xã Hương Trà (Hương Khê, Hà Tĩnh) tích cực thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM



THÀNH PHỐ MÓNG CÁI:

Đẩy mạnh thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới

PHẠM BẮC

Hội Nông dân Việt Nam

Là thành phố (TP) địa đầu Đông Bắc của đất nước, Móng Cái (Quảng Ninh) có diện tích tự nhiên 518,27 km², gồm 17 đơn vị hành chính (8 phường và 9 xã). Xác định công tác BVMT là nhiệm vụ quan trọng, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM), thời gian qua, TP. Móng Cái đã tăng cường công tác BVMT gắn với xây dựng NTM bằng nhiều mô hình hiệu quả.

Để công tác BVMT đi vào nền nếp, trở thành thói quen hàng ngày của mỗi người dân, năm 2017, Móng Cái đã phát động 7 cuộc ra quân thực hiện phong trào “Ngày xanh trong tuần”. Kết quả, 17/17 xã, phường tổ chức 733 cuộc ra quân làm vệ sinh môi trường, thu hút 64.799 lượt người tham gia phát quang bụi rậm, khơi thông nạo vét cống, rãnh thoát nước, kênh mương, nội đồng, vận động di dời chuồng trâu, bò ra xa khu vực nhà ở và xử lý một số “điểm nóng” tập kết rác. Cùng với đó, bằng nguồn vốn ngân sách kết hợp với xã hội hóa, TP đã xây dựng được 417 nhà tiêu hợp vệ sinh. Các xã đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực và xã Hải Sơn đã triển khai xây dựng hạ tầng xử lý chất thải sinh hoạt bằng phương pháp đốt, với tổng kinh phí hơn 8 tỷ đồng. TP cũng đã thí điểm triển khai thực hiện mô hình lò đốt rác mini tại 2 xã Bắc Sơn, Quảng Nghĩa; mô hình huy động nhà trường và học sinh tham gia công tác vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa tại xã Vạn Ninh bước đầu đem lại hiệu quả. Sau gần 2 tháng triển khai, 4/4 thôn đã đảm bảo vệ sinh môi trường, khuôn viên 2 trường học Xanh - Sạch - Đẹp, trên địa bàn không còn các điểm tập kết rác tự phát, góp phần quan trọng thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM tại xã Vạn Ninh.

Bên cạnh đó, để phát huy hiệu quả các mô hình tự quản trong cộng đồng dân cư về bảo vệ, giữ gìn môi trường, Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) TP đã thành lập 11 chi hội kiểu mẫu thực hiện “5 không, 3 sạch” gắn với thôn/khu dân cư kiểu mẫu, với 610 thành viên tham gia; 33 nhóm “Liên gia tự quản 3 sạch”, với 267 thành



▲ Mô hình vệ sinh môi trường cảnh quan gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại xóm Hộ Đặng (thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, TP. Móng Cái)

viên tại 14 xã/phường; 1 tổ phụ nữ thực hiện “Quầy hàng văn minh thương mại” tại chợ Trung tâm TP. Đồng thời, duy trì hiệu quả 176 công trình măng non, 30 “Đoạn đường em chăm”; nâng cao chất lượng mỹ quan của 46 đoạn đường Xanh - Sạch - Đẹp do phụ nữ tham gia quản lý; 4 mô hình “Đoạn đường Hội Cựu chiến binh tham gia quản lý an toàn giao thông - văn minh đô thị”; 7 tuyến đường “Văn minh đô thị”; 7 mô hình “Tự quản về an ninh trật tự, môi trường thân thiện khu dân cư”; tiếp tục vận động hội viên và nhân dân thực hiện phong trào “Thắp sáng đường quê” 1.550 m đường, với 42 bóng đèn thuộc 9 tuyến đường; đổ bê tông 3 tuyến đường với chiều dài 450 m, kinh phí khoảng 472 triệu đồng.

Ngoài ra, TP cũng thường xuyên triển khai các hoạt động BVMT, xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp thông qua các chương trình phát động

“Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, vận động người dân tích cực trồng cây xanh dọc các tuyến đường giao thông.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp, ngành, sự tham gia nhiệt tình của Hội LHPN, Hội Cựu chiến binh, đoàn thể và đông đảo nhân dân, đến nay, toàn TP đã đạt 16,2/20 tiêu chí; 45,6/53 chỉ tiêu theo Bộ tiêu chí NTM của UBND tỉnh Quảng Ninh. TP có 9/9 xã đạt chỉ tiêu về nước hợp vệ sinh; 5/9 xã đạt chỉ tiêu nước sạch; 8/9 xã đạt chỉ tiêu tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT; 7/9 xã đạt chỉ tiêu về xây dựng cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp, an toàn; 9/9 xã đạt chỉ tiêu về mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch; 6/9 xã đạt chỉ tiêu về chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất, kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; 8/9 xã đạt chỉ tiêu về tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu,



nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch; 8/9 xã đạt chỉ tiêu về tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường. Năm 2018, TP phần đầu đưa 3 xã (Hải Sơn, Bắc Sơn, Vĩnh Thực) đạt chuẩn NTM; hoàn thiện bổ sung, nâng cấp tiêu chí cho 3 xã (Quảng Nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Hải Xuân) đã đạt chuẩn NTM năm 2016; ít nhất 2 thôn/xã đạt chuẩn khu dân cư (thôn) NTM kiểu mẫu và 100 hộ đạt tiêu chuẩn hộ NTM kiểu mẫu. Để đáp ứng yêu cầu thực tế, TP đã huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng NTM, với tổng số vốn NTM năm 2018 là 37.760 triệu đồng (trong đó, nguồn vốn tỉnh hỗ trợ 7.020 tỷ đồng; nguồn vốn TP đối ứng 30.740 tỷ đồng).

Để nâng cao hiệu quả công tác BVMT, hoàn thành tiêu chí về môi trường trong xây dựng NTM, hiện TP đang tập trung thực hiện chủ đề công tác năm 2018 của tỉnh là “Bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường tự nhiên”. Trong thời gian tới, TP sẽ đẩy mạnh tuyên truyền, lấy địa bàn thôn, khu dân cư là đầu mối để thực hiện với mục tiêu tại các thôn, rác được thu dọn sạch; bắt đầu từ các thôn/khu kiểu mẫu để từng bước nhân rộng. Trong đó, các hộ gia đình được chỉnh trang, nâng cấp theo 7 tiêu chí hộ gia đình NTM kiểu mẫu..., góp phần xây dựng TP. Móng Cái Xanh - Sạch - Đẹp và thân thiện với môi trường■

Hiệu quả từ mô hình Chi hội phụ nữ xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch ở Quần Phương

Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” (không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không sinh con thứ 3 trở lên, không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) Việt Nam phát động từ năm 2010. Đến năm 2016, Cuộc vận động được đưa vào Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2016 - 2020. Để tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động trong giai đoạn 2017 - 2022, Trung ương Hội LHPN Việt Nam thực hiện mô hình Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch tham gia xây dựng NTM tại 4 tỉnh, trong đó có Nam Định. Hội LHPN tỉnh Nam Định đã chọn thôn Quần Phương, xã Nghĩa Bình (huyện Nghĩa Hưng) để triển khai xây dựng mô hình.



▲ Lễ ra mắt mô hình Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch tại thôn Quần Phương (Nghĩa Bình, Nghĩa Hưng, Nam Định)

Nhận thức được vai trò quan trọng của phụ nữ trong việc thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, góp phần tham gia xây dựng NTM, Hội Phụ nữ (HPN) xã Nghĩa Bình đã chỉ đạo các chi hội, đặc biệt là chi hội thôn Quần Phương đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động gắn với các tiêu chí xây dựng NTM. Tháng 8/2017, HPN xã đã tiến hành khảo sát thực tế tại 250 hộ gia đình ở thôn Quần Phương, nắm bắt thực trạng việc thực hiện các tiêu chí “5 không, 3 sạch”, cũng như nhu cầu,

nguyện vọng của hội viên phụ nữ và nhân dân trong xây dựng NTM. Đến đầu tháng 9/2017, mô hình Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch tham gia xây dựng NTM tại thôn Quần Phương chính thức được thành lập, thu hút 236 hội viên tham gia, trong đó có 26 hội viên là thành viên Tổ phụ nữ liên kết nuôi trồng thủy, hải sản làm nông cốt.

Mô hình góp phần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho hội viên phụ nữ về 8 tiêu chí để vận động các thành viên trong gia đình chung tay xây dựng thôn, xóm sạch đẹp. Sau 3 tháng hoạt động,



mô hình đã thu được nhiều kết quả thiết thực, tạo niềm tin đối với cấp ủy, chính quyền và sự phấn khởi cho hội viên phụ nữ. Thực hiện Nghị quyết Đại hội phụ nữ các cấp nhiệm kỳ 2017 - 2022, với chỉ tiêu: “Hàng năm, mỗi cơ sở hội giúp ít nhất 2 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí của Cuộc vận động”, Hội LHPN huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn Hội LHPN xã Nghĩa Bình, Chi hội phụ nữ thôn Quần Phương chọn mẫu 2 hộ gia đình hội viên chưa đạt tiêu chí 3 sạch và mời đại diện 10 nhóm trưởng đến gia đình chọn mẫu để Chủ tịch Hội LHPN huyện hướng dẫn cách thu dọn nhà cửa, sân, ngõ, bếp ăn, nhà vệ sinh... đảm bảo theo tiêu chí. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền về Cuộc vận động và kiến thức về phòng chống bạo lực gia đình, thay đổi hành vi trong vệ sinh môi trường, thực hiện tốt tiêu chí “sạch bếp”, giữ gìn an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng cuộc sống. Cùng với đó, vận động hội viên phụ nữ mua thẻ bảo hiểm y tế, tham gia xây dựng tuyến đường hoa do phụ nữ tự quản, tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp...

Từ thành công của mô hình điểm tại thôn Quần Phương, năm 2018, các cấp HPN tỉnh Nam Định tiếp tục nhân rộng mô hình trên địa bàn toàn tỉnh. Hiện nay, 10/10 huyện, thị xã đã có kế hoạch triển khai thực hiện, đăng ký giúp đỡ 550 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí của Cuộc vận động; hướng dẫn hội viên thực hiện 19 tiêu chí xây dựng NTM; duy

trì sinh hoạt các mô hình câu lạc bộ Xây dựng gia đình hạnh phúc, phụ nữ không sinh con thứ 3 trở lên; đẩy mạnh tuyên truyền Luật BVMT... Riêng 6 tháng đầu năm 2018, các cấp HPN đã trồng cây xanh và hoa ven đường với chiều dài 241 km; hỗ trợ 21.072 gia đình xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, 24.033 hộ gia đình được sử dụng nước sạch; xây mới và sửa chữa 10 mái ấm tình thương cho phụ nữ nghèo, phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trị giá 163 tỷ đồng; tổ chức dạy nghề cho 1.273 lao động nữ và tạo việc làm cho 1.030 phụ nữ; tích cực nhận ủy thác các nguồn vốn vay, giúp 17.851 hộ nghèo vay hơn 28 tỷ đồng để phát triển kinh tế gia đình; tập huấn kiến thức, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 21.730 lượt hội viên phụ nữ... Điển hình như mô hình điểm Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng NTM tại thôn Cấp Tiến

1 của HPN xã Mỹ Phúc (huyện Mỹ Lộc) đã triển khai tuyến đường ánh sáng, đảm bảo vệ sinh môi trường, tổ thu gom rác thải do phụ nữ đảm nhiệm. Tại huyện Nam Trực, 14/20 xã, thị trấn thành lập 75 mô hình Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch tham gia xây dựng NTM. Tại huyện Nghĩa Hưng, gần 40% chi hội đã xây dựng được mô hình. Đến nay, toàn tỉnh thành lập được 230 mô hình tại 229/229 xã, phường, thị trấn.

Để tiếp tục phát huy phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thời gian tới, các cấp HPN tỉnh Nam Định sẽ tích cực tham gia xây dựng NTM; vận động các nguồn lực, quyết tâm thực hiện tốt tiêu chí “5 không, 3 sạch”, xây dựng tổ chức Hội phát triển toàn diện, chung tay cùng các cấp, các ngành xây dựng NTM, đô thị văn minh ■ **BÍCH PHƯƠNG**

CHÚ TRỌNG THỰC HIỆN TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI THÁI BÌNH

Nhằm đánh giá kết quả xây dựng huyện nông thôn mới (NTM) và kế hoạch triển khai giai đoạn 2018 - 2020, ngày 4/10/2018, UBND tỉnh Thái Bình đã tổ chức cuộc họp về tiến độ thực hiện xây dựng NTM đối với 63 xã chưa về đích; kết quả xây dựng theo quy hoạch phường, thị trấn và so sánh với Bộ tiêu chí xây dựng NTM của 4 xã.

Năm 2018, toàn tỉnh có 32 xã đăng ký về đích và 2 xã phấn đấu về đích NTM. Trong đó, 18 xã có khối lượng hoàn thành các công trình còn lớn và cần nhiều thời gian thực hiện như xây dựng nhà văn hóa, trường học, khu xử lý rác thải, trạm y tế, đường trục xã, hầu hết đều đang trong giai đoạn thiết kế lập dự toán, hoặc vừa mới triển khai thi công; 20 xã phải thực hiện xây dựng đường giao thông nội đồng và kênh cấp 1 loại 3, tuy nhiên, hiện nay, diện tích lúa chưa gặt nên chưa thể thi công các công trình. Ngoài ra, quy định của tỉnh là các xã còn nợ xây dựng cơ bản thì không được khởi công các công trình

mới nên rất khó khăn trong việc hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng. Nguồn lực cần thực hiện hoàn thành tiêu chí xây dựng các công trình xây dựng nông thôn còn rất lớn và chủ yếu từ kinh phí đầu giá quyền sử dụng đất, trong khi đó, phải mất nhiều thời gian cho việc thực hiện các thủ tục về quy hoạch, đầu giá quyền sử dụng đất.

Kết luận cuộc họp, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Đặng Trọng Thăng đề nghị các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố tập trung triển khai hoàn thành các tiêu chí trong quá trình xây dựng NTM. Riêng về tiêu chí môi trường, đồng

chí Đặng Trọng Thăng nhấn mạnh, tình trạng ô nhiễm môi trường sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM vẫn còn phổ biến ở nhiều xã, việc giữ vững các tiêu chí này tại các địa phương gặp nhiều khó khăn. Do vậy, để giúp các xã đã đạt chuẩn NTM giữ được tiêu chí môi trường, các huyện phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá lại việc thực hiện các nội dung về BVMT đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM; đồng thời, chỉ đạo các xã xây dựng và thực hiện kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí môi trường, bảo đảm tính bền vững. **ĐỨC ANH**



THỪA THIÊN-HUẾ: ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



▲ Đoàn công tác Bộ TN&MT làm việc với UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế

Ngày 16/10/2018, tại tỉnh Thừa Thiên-Huế, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân dẫn đầu Đoàn công tác của Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) đã có buổi làm việc với UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế về tình hình triển khai Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh năm 2018.

Theo báo cáo của UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế, đến nay, toàn tỉnh đạt 15,26 tiêu chí xây dựng NTM (cao hơn 1 tiêu chí so với bình quân chung của cả nước). Trong đó, có 30 xã đạt chuẩn NTM đã hoàn thành 19/19 tiêu chí, đạt 28,8% (tăng gấp 1,5 lần, từ 20 xã năm 2015 lên 30 xã năm 2017); 31 xã đạt từ 15-18 tiêu chí (đạt 29,8%); 40 xã đạt từ 10-14 tiêu chí (đạt 38,5%), không có xã dưới 8 tiêu chí. Mục tiêu đến năm 2020, tỉnh Thừa Thiên-Huế phấn đấu đạt 61/104 xã đạt chuẩn NTM và 2 huyện Quảng Điền, Nam Đông đạt chuẩn huyện NTM... Nhìn chung, sau hơn 8 năm triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, bộ mặt của tỉnh đã có nhiều khởi sắc, hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân. Nguồn vốn sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và không có nợ đọng lớn trong đầu

tư hạ tầng NTM. Riêng về tiêu chí môi trường, đến tháng 9/2018, toàn tỉnh có 60/104 xã đạt tiêu chí môi trường, đạt 57,7% (tăng 5 xã so với năm 2017); 75% xã, phường có điểm thu gom và vận chuyển chất thải rắn...

Tuy nhiên, hiện nay, việc rà soát, quy hoạch, đề án phát triển sản xuất ở một số địa phương còn khó khăn; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn chậm; công tác xóa đói giảm nghèo có chuyển biến nhưng chưa bền vững; ảnh hưởng của sự cố môi trường biển 4 tỉnh miền Trung, trong đó có Thừa Thiên-Huế... đã tác động đến tiến độ thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM của tỉnh.

Phát biểu tại buổi làm việc, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân đánh giá cao những kết quả Thừa Thiên-Huế đã đạt được trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM. Thứ trưởng cũng chỉ ra một số vấn đề đáng lưu tâm là tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn ở nhiều địa phương tại Thừa Thiên-Huế vẫn còn nghiêm trọng, chưa có giải pháp xử lý kịp thời, nhất là vấn đề xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý nước thải ở các cơ sở sản xuất, làng nghề...

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng NTM, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân đề nghị, tỉnh cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phát huy vai trò của người dân trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh xây dựng NTM gắn với du lịch và BVMT; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT cho người dân...

Chiều cùng ngày, Đoàn công tác đã đến thăm và làm việc tại xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, xã tiêu biểu của tỉnh đã đạt chuẩn NTM và được chọn xây dựng thành xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020■

MAI HƯƠNG



XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI BỀN VỮNG NHẪM TỪNG BƯỚC THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ngày 11/10/2018, tại tỉnh Yên Bái, Văn phòng Điều phối nông thôn mới (NTM) Trung ương phối hợp với Tổng cục Phòng chống thiên tai, Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Yên Bái tổ chức Hội thảo “Xây dựng NTM bền vững nhằm từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) và chủ động phòng, chống thiên tai (PCTT) ở khu vực trung du, miền núi phía Bắc”.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM và triển khai sâu rộng ở các cấp, ngành, địa phương. Hơn 8 năm qua, mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế đất nước còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng cả hệ thống chính trị và nhân dân cả nước đã chung sức, đồng lòng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM và đạt được nhiều kết quả nổi bật như: Hạ tầng thiết yếu về giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục... được quan tâm đầu tư, nâng cấp, xây dựng; sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, mang lại hiệu quả kinh tế và thu nhập cao; số hộ nghèo giảm nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn từng bước được cải thiện; hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố. Tính đến tháng 9/2018, cả nước đã có 3.542 xã (39,7%) đạt chuẩn NTM; 55 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; số xã dưới 5 tiêu chí là 80 xã (chiếm 0,9%); số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã là 14,33 tiêu chí/xã...

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Chương trình xây dựng NTM vẫn còn một số tồn tại cần phải tập trung khắc phục như: Kết quả đạt



▲ Toàn cảnh Hội thảo

được trong xây dựng NTM chưa đồng đều, còn khoảng cách lớn giữa các địa phương và vùng, miền; tổ chức sản xuất trong nông nghiệp chưa liên kết bền vững, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng NTM còn hạn chế... Đặc biệt, trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của BĐKH và thiên tai, những kết quả và giá trị mà Chương trình đã đạt được có nguy cơ bị ảnh hưởng, thậm chí là bị kéo lùi lại ở một vài địa phương. Do đó, để xây dựng NTM bền vững, vấn đề thích ứng với BĐKH và PCTT cần được xem xét một cách toàn diện và xuyên suốt ở các nội dung của Chương trình.

Phát biểu tại Hội thảo, Chánh Văn phòng Điều phối NTM Trung ương Nguyễn Minh Tiến nhận định, giai đoạn trước mắt, cần tập trung vào một số định hướng cụ thể, nhằm từng bước thích ứng với BĐKH và PCTT: Công tác quy hoạch NTM nên tính đến nội dung thích ứng với BĐKH và PCTT. Cùng với

đó, cần rà soát, tổ chức thực hiện tốt nội dung về Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về PCTT; Lồng ghép các nội dung về thích ứng với BĐKH và PCTT vào các tiêu chí, chỉ tiêu trong xây dựng NTM; xây dựng và nhân rộng các mô hình làng, xã thích ứng với BĐKH và PCTT; chú trọng BVMT, xây dựng cảnh quan nông thôn Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp, hiện đại nhưng vẫn giữ gìn được những đặc trưng và bản sắc nông thôn truyền thống; thực hành các mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với BĐKH và PCTT; Nâng cao năng lực của người dân nhằm về thích ứng với BĐKH và PCTT trong xây dựng NTM...

Trước đó, vào chiều ngày 10/10, các đại biểu tham dự Hội thảo đã đi tham quan một số mô hình xây dựng NTM bền vững thích ứng với BĐKH ở xã Đại Minh, Vĩnh Kiên và mô hình nuôi cá lồng trên hồ Thác Bà tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. ■

ĐỖ HƯƠNG



Châu Âu tăng cường các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa

Nhựa đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, cũng như đời sống của con người. Tuy nhiên, cách thức thiết kế, sản xuất, sử dụng và thải bỏ các sản phẩm nhựa gây ra những tác hại đến môi trường. Lượng rác thải nhựa trên biển đang ngày càng gia tăng, càng làm tăng thêm các tác động tiêu cực đối với hệ sinh thái, đa dạng sinh học và sức khỏe con người. Vì thế, các quốc gia, khu vực cần phải chung tay giải quyết vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa và giảm thiểu tác hại từ rác thải nhựa đối với môi trường, kinh tế và xã hội.

Với đặc tính bền, tiện lợi, được sử dụng rộng rãi trong đời sống, nhưng nhựa cũng có tính độc hại và không phân hủy sinh học nên gây ra nhiều tác động xấu đến môi trường biển. Bên cạnh đó, rác thải nhựa trên biển cũng gây thiệt hại cho các hoạt động du lịch, thủy sản, tàu biển và đe dọa đến nguồn thực phẩm của con người, đặc biệt là hải sản. Trước những tác hại của nhựa đối với môi trường và hệ sinh thái biển, thời gian qua, thế giới đã có nhiều sáng kiến để giải quyết thách thức này, trong đó có châu Âu - nơi được xem là nguồn cung cấp sản phẩm nhựa chủ yếu của thế giới, nhưng đồng thời, cũng là khu vực chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ rác thải nhựa trên biển.

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN RÁC THẢI NHỰA

Nhận thấy rõ trách nhiệm trong vấn đề trên, Châu Âu đã cam kết sẽ triển khai các hoạt động giảm thiểu rác thải nhựa không chỉ trong khu vực, mà còn trên phạm vi toàn cầu. Cam kết đó được thể hiện rõ trong Chiến lược Nhựa của Ủy ban châu Âu (EC), cụ thể, châu Âu sẽ có các hành động mạnh mẽ hơn nữa để giải quyết vấn đề rác thải nhựa trên biển dựa vào nỗ lực của các nước thành viên trong Liên minh châu Âu (EU). Rõ ràng, rác thải nhựa trên biển là vấn đề toàn cầu, vì rác di chuyển trong môi trường biển và rác của nước này có thể ảnh hưởng đến môi trường biển của nước

khác. Vì thế, việc các quốc gia cùng hành động là cần thiết, đồng thời, cũng để đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn môi trường và pháp lý cho doanh nghiệp. Sáng kiến giảm thiểu rác thải nhựa trên biển của EC là một phần của phương pháp tiếp cận toàn diện hơn, có tên là Chiến lược Nhựa, Kế hoạch hành động về nền kinh tế tuần hoàn và quy định sửa đổi liên quan đến rác thải. Chiến lược Nhựa đã đưa ra cách tiếp cận mới đối với việc tái chế túi ni lông, gắn với quy định sửa đổi về rác thải. Chiến lược cũng đề cập đến hạt vi nhựa, nguồn rác thải đáng kể gây ô nhiễm biển. Đặc biệt, trong Dự thảo Chỉ thị Chất thải sửa đổi của EC đã bổ sung các nguyên tắc và mục tiêu cơ bản, trong đó có mục tiêu đến năm 2030, phải thực hiện tái chế chất thải đô thị và túi ni lông.

Bên cạnh kế hoạch tái chế túi ni lông, Liên minh châu Âu (EU) còn đang nỗ lực giảm thiểu việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần nhằm BVMT. Mới đây, EU đã

đề xuất lệnh cấm đối với các sản phẩm bằng nhựa dùng một lần, nhằm ngăn chặn, giảm thiểu lượng rác thải ni lông trong sản phẩm nhựa dùng một lần và các dụng cụ đánh bắt cá (thông qua việc hạn chế thị trường, hoặc nhà sản xuất phải trả chi phí để xử lý môi trường...). Lệnh cấm có thêm các nội dung liên quan đến hoạt động thiết kế, tái chế, hạt vi nhựa... Qua đó, sẽ tạo ra mô hình kinh doanh mới (mô hình tái sử dụng) và tăng cường các vật liệu thay thế, cũng như vật liệu đa dụng; đồng thời, giải quyết được 2 vấn đề chủ yếu của rác thải biển ở châu Âu, đó là sản phẩm nhựa dùng một lần và ngư cụ (cả 2 loại này chiếm 84% lượng rác thải nhựa trên biển). Lệnh cấm cũng đưa vào danh sách 10 loại sản phẩm nhựa dùng một lần được tìm thấy nhiều nhất trên các bãi biển của châu Âu, chiếm tới hơn 1/2 lượng rác thải nhựa trên biển. Đây cũng là những loại rác thải nhựa tại các vùng biển của Mỹ và các quốc gia khác.



▲ Lượng rác thải nhựa tại các bãi biển châu Âu ngày càng gia tăng



▲ Máy bán hàng tự động đổi chiều thu gom chai, lọ nhựa tại các siêu thị và khu vực công cộng ở Na Uy

Năm 2015, Báo cáo về nhựa trong nền kinh tế tuần hoàn của EC đã đề xuất cần phải làm mới pháp luật liên quan đến chất thải tại EU và đến tháng 12/2017, Luật mới đã đạt được sự đồng thuận của các cơ quan liên quan. Luật mới bao gồm các quy định chung về ngăn chặn rác và rác thải trên biển. Ngày 16/1/2018, EC đã thông qua Chiến lược của châu Âu về nhựa trong nền kinh tế tuần hoàn, trong đó xác định, rác thải trên biển vẫn là vấn đề của châu lục và rác thải nhựa gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Chiến lược nhấn mạnh, trong kế hoạch hành động của châu Âu sẽ tăng cường các hành động đối với ngư cụ, bao gồm thúc đẩy trách nhiệm của nhà sản xuất và các phương án ký quỹ.

Ngoài Chiến lược trên, Quy định Kiểm Soát chính sách chung trong ngành thủy sản cũng đề cập đến các biện pháp báo cáo và tìm lại ngư cụ bị mất, thủ tục đánh dấu ngư cụ. Quỹ Hàng hải và thủy sản châu Âu (EMFF) đề nghị các nước thành viên hỗ trợ tài chính cho việc thu gom rác thải biển, cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng cho cảng biển để thu gom rác thải. Quy định pháp lý của EC năm 2018 đối với cơ sở tiếp nhận tại cảng biển bao gồm các biện pháp đảm bảo chất thải phát sinh trên tàu, hoặc trên biển được đưa về đất liền và quản lý đầy đủ. Ngày 30/5/2018, EC đã thông qua đề xuất về đánh giá Hệ thống kiểm soát thủy sản, nhằm cải thiện các quy định về báo cáo ngư cụ bị mất.

THỨC ĐẨY SỰ QUAN TÂM CỦA NGƯỜI DÂN CHÂU ÂU ĐỐI VỚI RÁC THẢI NHỰA

Khảo sát của Tổ chức Eurobarometer cho thấy, người dân châu Âu rất quan ngại về tác động của các sản phẩm nhựa đối với sức khỏe (74%) và với môi trường (87%); 33% người dân cho rằng, ô nhiễm biển là vấn đề môi trường quan trọng nhất hiện nay. Vấn đề rác thải nhựa trên biển đã nhận được sự quan tâm của người dân ở nhiều nơi tại châu Âu thông qua các phim tài liệu của Đài BBC như Đại dương nhựa, Hành tinh xanh (phần II). Bên cạnh đó, sự đồng thuận của người dân trong việc thực hiện Chỉ thị Túi ni lông cũng đạt được kết quả tốt đẹp. Điều đó thể hiện qua việc giảm thiểu tiêu thụ túi ni lông khi áp dụng khoản thu phí nhỏ đối với túi ni lông nhẹ (khoảng 0,10 €).

Trong một cuộc tham vấn cộng đồng từ tháng 12/2017 - 2/2018 đã nhận được hơn 1.800 lượt đóng góp ý kiến

của người dân. Qua đó cho thấy, kể cả các cơ quan liên quan, cũng như cộng đồng đều nhận thức rõ sự cần thiết phải triển khai hành động đối với rác thải nhựa dùng một lần (98,5% số người được hỏi cho rằng, hành động xử lý rác thải nhựa dùng một lần là cần thiết; 95% số người cho rằng, hành động đó là cần thiết và cấp bách; hơn 70% nhà sản xuất, 80% cơ sở tái chế cũng cho rằng, xử lý rác thải nhựa dùng một lần là cần thiết và cấp bách).

Mặc dù, nhận thức rõ về vấn đề trên, nhưng nhiều người tiêu dùng vẫn mua, sử dụng và thải bỏ các loại sản phẩm nhựa dùng một lần không đúng quy định. Để kỷ niệm Ngày Môi trường thế giới năm 2018 (5/6), EC đã phát động Chiến dịch nâng cao nhận thức trên toàn châu Âu về sự lựa chọn của người tiêu dùng và nêu bật vai trò của mỗi cá nhân trong việc chống ô nhiễm nhựa, cũng như rác thải biển. Chiến dịch nhằm mục đích giúp nâng cao nhận thức cho người dân - những người đã hiểu được tình hình nghiêm trọng của rác thải trên biển, nhưng vẫn chưa thay đổi sự lựa chọn trong tiêu dùng hàng ngày của mình. Qua đó, thúc đẩy việc lựa chọn những vật liệu thay thế nhựa dùng một lần, thu hút sự tham gia hành động của cộng đồng dân cư châu Âu trong cuộc chiến giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần.

CÁC NƯỚC EU NỖ LỰC GIẢM THIỂU RÁC THẢI NHỰA

Ngoài nỗ lực chung của cộng đồng EU, thời gian qua, nhiều nước thành viên EU đã



và đang triển khai các hoạt động mạnh mẽ để giải quyết vấn đề rác thải nhựa.

Hà Lan: Đổi mới trong xử lý chất thải

Hà Lan được xem là một trong những nước châu Âu sáng tạo nhất trong hoạt động giảm thiểu và xử lý nhựa. Trong công tác thu gom rác thải, người dân phải trả tiền cho việc xử lý rác, chứ không phải trả tiền cho rác tái chế. Điều đó có nghĩa là bạn càng thải bỏ nhiều, bạn càng phải trả nhiều tiền.

Đặc biệt, Công ty Ioniqa Hà Lan có kế hoạch xây dựng nhà máy tái chế chai nhựa hiện đại trong năm tới. Khi nhà máy này đi vào hoạt động sẽ giúp loại bỏ tất cả các tạp chất có trong chai nhựa và làm cho nhựa trong chai đó trở thành nguyên liệu thô để tạo ra một sản phẩm nhựa mới. Vì thế, việc phân loại và tái chế nhựa sẽ trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết.

Na Uy: Máy bán hàng tự động đổi chiều

Các nước ở Bắc Âu từ lâu đã nổi tiếng về thực hiện trách nhiệm đối với môi trường, đặc biệt là Na Uy. Từ năm 1972, Na Uy đã sử dụng “máy bán hàng tự động đổi chiều” để thu gom các vật liệu có thể tái chế. Máy được đặt ở bên ngoài các siêu thị, trường học và những khu vực công cộng. Các máy bán hàng tự động trên là một phần trong Chương trình đổi vỏ chai lấy tiền tại Na Uy và người dân đem chai, lọ nhựa đưa vào máy, rồi nhận phiếu mua hàng ở siêu thị, hoặc nhận tiền mặt. Hiện nay, tại Na Uy, 97% các chai, lọ nhựa được tái chế. Hệ thống máy bán hàng trên đã đạt được những kết quả tích cực và nhiều quốc gia khác đang học tập mô hình này.

Ý: Các hòn đảo không có nhựa

Khi nói đến tỷ lệ tái chế rác thải, Ý luôn xếp hạng cao trong danh sách các nước châu Âu tái chế nhiều nhất. Đặc biệt, quần đảo Isole Tremiti (Ý) đã đi đầu trong cuộc chiến giảm thiểu rác thải nhựa. Từ ngày 1/5/2018, chính quyền Isole Tremiti đã cấm tất cả các sản phẩm nhựa dùng một lần, nếu vi phạm quy định trên sẽ phải nộp phạt khoảng 500 Euro. Ngoài ra, các hòn đảo khác, trong đó điểm du lịch nổi tiếng Adriatic cũng có kế hoạch giảm thiểu rác thải nhựa trên biển, để bảo vệ tài nguyên sinh vật biển.

Ai - len: Thuế dành cho túi ni lông

Ai - len cũng là một trong những quốc gia tiên phong trong việc giảm thiểu ô nhiễm từ túi ni lông. Năm 2002, Chính phủ Ai - len đã đưa ra mức thuế tiêu thụ túi ni lông là 15 cent và đã nhanh chóng đạt được kết quả. Tại thời điểm đó, ở Ai - len, trung bình mỗi người dân tiêu thụ



▲ Tại quần đảo Isole Tremiti (Ý), tất cả các sản phẩm nhựa dùng một lần đều bị cấm hoàn toàn

350 túi ni lông. Đến năm 2012, con số này đã giảm xuống còn 14 túi. Tiền thu được từ thuế tiêu thụ túi ni lông được sử dụng để hỗ trợ cho công tác quản lý chất thải và các chương trình môi trường khác trên đất nước. Mô hình trên đã được nhân rộng trên toàn thế giới và truyền cảm hứng cho các quốc gia khác nhằm áp dụng những biện pháp chặt chẽ hơn thông qua việc thực hiện tất cả các lệnh cấm. Bên cạnh các chính sách của Nhà nước, người dân Ai - len cũng có các sáng kiến để giảm thiểu túi ni lông, gần đây nhất là phong trào “mua sắm và vứt bỏ túi ni lông” được phát động trên phạm vi toàn quốc. Người mua hàng bỏ lại túi ni lông ở siêu thị để các công ty và người tiêu dùng buộc phải cắt giảm túi ni lông không cần thiết.

Pháp: Cấm các loại túi và tất cả các sản phẩm nhựa dùng một lần

Cách đây 2 năm, Pháp đã thông qua một bộ luật về các sản phẩm nhựa dùng một lần. Tháng 9/2016, Chính phủ Pháp đã thực hiện kế hoạch 4 năm để giảm thiểu các loại cốc nhựa, dao kéo và đĩa bằng nhựa không phân hủy được,

trong đó đề ra mục tiêu đến năm 2020, sẽ cấm tất cả các loại nhựa dùng một lần trên phạm vi toàn quốc. Trước đó vào năm 2014, Pháp đã ban hành Lệnh cấm mua sắm với túi ni lông và hầu hết các cửa hàng đều cung cấp túi giấy, hoặc các túi có thể tái sử dụng để thay thế túi ni lông. Ngoài các chính sách pháp luật trên, các chính sách môi trường khác cũng được Chính phủ Pháp ban hành trong những năm gần đây.

Có thể nói, với quyết tâm chống lại ô nhiễm rác thải nhựa và túi ni lông, thời gian qua, châu Âu đã triển khai nhiều giải pháp quan trọng như xây dựng các chính sách, chiến lược kiên quyết nhằm ngăn chặn việc gia tăng rác thải nhựa; thúc đẩy các hoạt động nâng cao nhận thức cho người dân; tăng cường tái chế và tái sử dụng chất thải; phát minh, chế tạo những sản phẩm thay thế sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường... Những sáng kiến và giải pháp của châu Âu đã đem lại nhiều kết quả tích cực, đó là động lực để toàn thế giới cùng chung tay giải quyết vấn đề cấp bách rác thải nhựa hiện nay. ■

PHƯƠNG TÂM

Kinh nghiệm tái chế chất thải y tế trên thế giới và thực trạng ở Việt Nam

NGUYỄN PHƯƠNG

Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh

Tái chế là hoạt động thu hồi lại từ chất thải các thành phần có thể sử dụng để chế biến thành những sản phẩm mới, sử dụng cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Việc tái chế chất thải không chỉ có ý nghĩa về mặt môi trường, mà còn đem lại lợi ích về kinh tế, giảm sự phụ thuộc của con người vào việc khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt, thu hồi các loại nguyên liệu như nhựa, giấy, kim loại... nhằm tránh lãng phí tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

KINH NGHIỆM CỦA THẾ GIỚI VỀ TÁI CHẾ CHẤT THẢI Y TẾ (CTYT)

Hiện nay, các nước trên thế giới khuyến khích việc giảm thiểu và tái chế CTYT. Nhiều quốc gia đã áp dụng và triển khai các chương tái chế CTYT như:

Chương trình tái chế làm giảm chi phí loại bỏ rác của Trung tâm Y tế Newcomb, Vineland, Mỹ¹

Từ cuối những năm 1991, Trung tâm Y tế Newcomb ở Vineland - nơi có 235 giường bệnh đã bắt đầu tái chế bìa cứng - thứ chiếm thể tích lớn nhất trong số các loại rác. Khoảng 1.500 bảng bìa cứng đã được thu gom và tái chế mỗi tuần. Các công nhân đã cắt nhỏ chúng trước khi được các công ty tái chế mang đi. Do chi phí phải trả cho việc chôn rác ngày càng tăng đã thuyết phục những người quản lý bệnh viện quan tâm đến khả năng tái chế. Trong một vài năm trở lại đây, Trung tâm Y tế Newcomb đã tái chế giấy photocopy, phim chụp bằng tia X và bạc từ quá trình xử lý phim. Để đơn giản hóa việc tái chế các lon nước, bìa cứng và vật liệu khác, Trung tâm đã mua máy nghiền để nghiền các vật liệu. Các máy nghiền có giá từ 8.000 - 10.000 USD, nhưng làm cho sản phẩm tái chế trở nên dễ vận chuyển hơn.

Việc vứt bỏ rác không hoàn toàn được loại trừ bởi những người đến khám bệnh, nhưng giảm việc sử dụng của họ đến 85% sẽ tiết kiệm được khoảng 23.000 USD mỗi năm dùng để mua sản phẩm và giảm chi phí phải trả cho các bãi chôn lấp rác. Ngoài ra, Trung tâm cũng tái sử dụng lại mặt trái của giấy photocopy và chỉ có những báo cáo không mang tính bí mật mới được tái sử dụng. Giấy sau khi được sử dụng 2 lần sẽ được chuyển tới một công ty tái chế khác.

Tái chế thủy tinh - Khảo sát Trường Đại học Y ở Pennsylvania (Mỹ)²

Từ tháng 11/2002 đến tháng 4/2003, tại Trường Đại học Y ở Pennsylvania, các chai thủy tinh thải ra trong quá trình gây mê theo vùng được yêu cầu thu gom để tái chế. Các loại chai được thu gom bao gồm chai đựng thuốc gây mê theo vùng (30cc), sodium bicarbonate (50cc), ropivacaine (100cc) và chai đựng thuốc kháng sinh (10cc). Các ống thuốc tiêm không được tái chế do những ống này có chất lượng thủy tinh khác nhau và sẽ làm nhiễm bẩn thủy tinh được tái chế. Những chai có nắp bằng kim loại và nhãn thì phải loại bỏ nắp và nhãn trước khi tái chế. Sau quá trình thu gom và loại bỏ, thủy tinh sẽ được rửa và tái chế.

Lượng thủy tinh trung bình mỗi tháng cần xử lý là 19,37 kg. Chi phí phải trả cho việc mang các chai thủy tinh đi chôn lấp là 0,46 USD/kg. Thay vì vứt các chai thủy tinh vào thùng chuyên dụng để mang đi chôn lấp, thì các chai thủy tinh được mang đi tái chế mỗi tháng sẽ tiết kiệm được 8,95 USD. Hơn nữa, tái chế thủy tinh còn là biện pháp tốt để BVMT. Năng lượng được sử dụng trong quá trình tái chế sẽ ít hơn quá trình tạo ra thủy tinh mới. Đồng thời, quá trình này cũng không cần nguyên liệu mới. Do vậy, tái chế thủy tinh không chỉ là biện pháp tốt cho môi trường thông qua việc làm giảm lượng rác thải, mà còn tiết kiệm được chi phí cho các bệnh viện.

Tái sử dụng những thiết bị y tế sử dụng một lần đã khử trùng tại chỗ ở Ôxtrâyli³

Năm 1994, tại Ôxtrâyli đã có một nghiên cứu về việc tái sử dụng các thiết bị y tế khử trùng tại chỗ được dán nhãn "chỉ sử dụng một lần". Nghiên cứu này được thực hiện ở tất cả các bệnh viện Ôxtrâyli (419 bệnh viện). Theo đó, các thiết bị y tế có thể tái sử dụng bao gồm: thiết bị phẫu thuật thông thường (bút điện nhiệt và các dụng cụ khác); phẫu thuật nội soi (kéo, kẹp forcep...); thiết bị liên quan đến bệnh dạ dày, ruột - soi mật tụy ngược dòng (ống thông dò, bình que nang); hình ảnh (dụng cụ chụp X-quang); thiết bị liên quan đến bệnh tim (ống thông tim, điện cực nhịp tim)... Các thiết bị này được làm sạch và khử trùng trước khi tái sử dụng. Việc làm sạch theo cơ chế vật lý có thể loại bỏ tất cả các màng sinh học, nội độc tố và các chất hóa học còn lại trong các thiết bị y tế. Quá trình làm sạch đòi hỏi phải sử dụng sóng siêu âm hoặc sử dụng chổi, chất tẩy rửa và enzyme phân giải prôtêin.

Lý do được đưa ra cho việc tái sử dụng là tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên các bệnh viện ở Ôxtrâyli cũng thừa nhận rằng nguy cơ cho sự truyền nhiễm là 1/500. Việc tái sử dụng các thiết bị y tế có nhãn "chỉ sử dụng một lần" là phổ biến ở các bệnh viện Ôxtrâyli, nhưng nếu các bệnh viện không làm sạch và khử trùng cẩn thận thì chi phí phải trả cho việc ngăn ngừa mỗi ca mắc bệnh truyền nhiễm là 2,5 triệu USD.



THỰC TRẠNG Ở VIỆT NAM VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Ở Việt Nam hiện nay, tại nhiều bệnh viện, CSYT, CTYT thông thường có khả năng tái chế đã được bán cho các đơn vị có tư cách pháp nhân để tái chế thành các đồ dùng sinh hoạt. Do đây truyền dịch, các chai nhựa đựng các dung dịch không có chất hóa học nguy hại (dung dịch NaCl 0,9%, glucose...) đều được sản xuất từ hàng nhựa HD 100%, nên chất lượng nhựa thuộc loại rất tốt, có thể dùng để tái chế thành các mặt hàng yêu cầu phải sử dụng nhựa đồ dùng sinh hoạt. Việc tái sử dụng CTYT không nguy hại vừa hạn chế được việc thiêu đốt gây ô nhiễm môi trường, vừa là nguồn thu để tái đầu tư cho xử lý chất thải. Ước tính, trung bình mỗi ngày tại các bệnh viện trên địa bàn TP. Hà Nội thải ra 4-5 tấn rác thải y tế, nếu được phân loại và xử lý đúng cách thì việc tái chế khối lượng rác thải y tế này sẽ mang lại hiệu quả không nhỏ. Tuy nhiên, rác thải y tế muốn đưa vào để tái chế thành các vật dụng khác, thì trước khi đưa ra khỏi bệnh viện phải được xử lý tốt về vấn đề vi khuẩn, cũng như vấn đề hóa lý, để không ảnh hưởng tới môi trường và đặc biệt là những người làm công tác tái chế.

Trên thực tế, không phải tất cả rác thải y tế đều là nguy hại. Theo nghiên cứu của Tổ chức Y tế thế giới, thì 85% rác thải y tế không lây nhiễm, 10% lây nhiễm và 5% lây nhiễm nhưng độc hại. Rác sinh hoạt có xuất xứ từ vật dụng thông thường và chuyên môn như các giấy tờ, chai nhựa, chai thủy tinh đựng glucose, nước muối sinh lý, ống tiêm, dây truyền dịch không dính máu... là những loại rác sạch, có thể tái chế làm đồ gia dụng.

Tại Điều 10 của Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT do liên Bộ Y tế và Bộ TN&MT có quy định rõ về quản lý CTYT thông thường phục vụ mục đích tái chế. Theo đó, chỉ được phép tái chế CTYT thông thường và chất thải lây nhiễm sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; Không được sử dụng vật liệu tái chế từ CTYT để sản xuất các đồ dùng, bao gói sử dụng trong lĩnh vực thực phẩm; Chất thải lây nhiễm sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được quản lý như CTYT thông thường. Khi chuyển giao chất thải để phục vụ mục đích tái chế, CSYT phải thực hiện các quy định: Bao bì lưu chứa chất thải phải được buộc kín và có biểu tượng chất thải tái chế theo quy định; Ghi đầy đủ thông tin vào Sổ bàn giao chất thải phục vụ mục đích tái chế theo mẫu quy định.

Chất thải được tái chế trong các CSYT bao gồm: Chất thải là vật liệu giấy (Giấy, báo, bìa, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy



▲ Người nhà bệnh nhân được hướng dẫn phân loại rác thải tái chế

không chứa yếu tố lây nhiễm hoặc đặc tính nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại); Chất thải là vật liệu nhựa (Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất, không chứa yếu tố lây nhiễm; Các chai, lon nước giải khát bằng nhựa và các đồ nhựa sử dụng trong sinh hoạt khác không thải ra từ các phòng điều trị cách ly; Các chai nhựa, dây truyền, bơm tiêm không bao gồm đầu sắc nhọn và không chứa yếu tố lây nhiễm); Chất thải là vật liệu thủy tinh (các chai, lọ thủy tinh thải bỏ chứa đựng các loại thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất).

Để tránh lãng phí nguồn tài nguyên, hạn chế ô nhiễm môi trường và tiết kiệm chi phí dành cho việc tiêu hủy,

các CSYT cần tập huấn, đào tạo một cách bài bản, trang bị cho các nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh những kiến thức về phân loại chất thải. Bên cạnh đó, các CSYT cần nắm được các phương pháp xử lý, khử trùng chất thải thành những dạng không nguy hại, cô lập chất thải để không làm ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người; tuân thủ đúng các quy định pháp luật về BVMT như hồ sơ pháp nhân, hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại. Mặt khác, các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, lãnh đạo các bệnh viện, CSYT cũng cần tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý CTYT, BVMT trong các CSYT■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ¹ Deborah A. Teschke, 1991, Chương trình tái chế làm giảm chi phí xử lý rác thải bệnh viện (Recycling program reduces hospital's disposal costs) - Newcomb Medical Center, Vineland, NJ.
- ² R.R. Gaiser*, T.G. Cheek and B.B. Gutsche, 2003, Tái chế thủy tinh là yếu tố thân thiện môi trường và kinh tế (Glass recycling in the labour suite is environmentally sound and economical), Pennsylvania Health System University.
- ³ Peter J Collignon Elaine Graham and Dianne E Dreimanis, 1994, Tái sử dụng những trang thiết bị đã sử dụng và được tiệt trùng - Có phổ biến ở Australia không? Re-using of used and sterilized equipment - Is it common in Australia?



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)
Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**
Dr. **Mai Thanh Dung**
Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**
Dr. **Nguyễn Thế Đồng**
Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**
Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**
Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**
Prof. Dr. **Trần Thục**
Dr. **Hoàng Văn Thúc**
Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**
Prof. Dr. **Lê Văn Trình**
Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**
Dr. **Hoàng Dương Tùng**
Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

OFFICE

● **Hanoi:**
Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing board: (024) 66569135
Editorial board: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
<http://www.tapchimoitruong.vn>
● **Ho Chi Minh City:**
A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Celebrating 10th year of establishment &
development of Việt Nam Environment
Administration

Photo by: VEA

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 10/2018

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [6] ● Joint efforts in combating against plastic wastes for clean planet
- [7] ● Strengthening plastic waste management in Việt Nam
- [8] ● Celebrating 10th year of establishment of Việt Nam Environment Administration: Active and creative in management and contribution to sustainable development of the country
- [12] ● Việt Nam Association of Conserving Nature and Environment: pride of 30 years of establishment and development



LAW - POLICY

- [16] NGUYỄN THƯỢNG HIỂN, NGUYỄN THÀNH LAM, NGUYỄN ĐỨC THỌ: Strengthening management of import and use of scraps as production inputs
- [19] NGUYỄN PHẠM HÀ, NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ: Completing national technical regulations on importing scraps as production inputs
- [21] TRẦN ÁNH DƯƠNG: Road map for applying emission standards for imported used cars
- [23] LÊ HOÀNG ANH, MẠC THỊ MINH TRÀ, NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN: Current status of solid waste generation, collection and disposal



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [27] NGUYỄN DIỆU TRINH, NGUYỄN GIANG QUÂN: Integrating climate information in designing and financial estimation of infrastructure and developing climate change response plans
- [28] NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG: Quảng Bình: initial results of implementing medical waste communication plan
- [31] NGUYỄN TRUNG DŨNG: Enhancing treatment of environmental pollution hot spots in Bà Rịa - Vũng Tàu
- [32] TRẦN NGỌC NGOẠN: Increasing effectiveness of collection and treatment of pesticide packages in Nam Định Province



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [34] VƯƠNG TUẤN: The National Institute Of Hematology & Blood Transfusion (NIHBT): Launching the emulation movement for better management of medical wastes and for development of hygienic, green and beautiful health facilities.
- [36] NGUYỄN VIỆT CƯỜNG: UN's green office in Việt Nam
- [37] LÊ XUÂN THÁI: Greening landfills by applying high-tech agriculture solutions



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [38] NGUYỄN THANH HẰNG: Devens eco industrial zone's success due to sustainable development supporting policy
- [40] DƯƠNG HƯƠNG LY: Siemens provides solutions for energy transformation in Viet Nam



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [45] NGUY THỊ KHANH: Meeting with 1st Vietnamese winner of Goldman Environmental Award
- [47] PHẠM THỊ THU HƯƠNG: Elderly contribution to clean and beautiful homeland
- [48] VÕ THỊ HỒNG: Đà Nẵng: journey to become national green city
- [50] PHẠM VĂN CƯỜNG: Hạ Long maintains Environmentally Sustainable City award
- [52] NGUYỄN MẠNH HÙNG: Trùng Khánh- Cao Bằng promotes potential and advantages of sustainable tourism



NEW RURAL AREAS

- [55] LÊ HUYỀN TRANG: Bắc Giang's Farmer Union- main force for developing new rural areas
- [56] TRẦN TRUNG THẮNG: Environment is key criterion for evaluating new rural areas
- [58] PHẠM BẮC: Móng Cái City enhances environmental criterion in develop new rural areas
- [59] BÍCH PHƯƠNG: Effectiveness of model of movement for "Women Union developing households of 5 Without and 3 Clean points"



AROUND THE WORLD

- [63] PHƯƠNG TÂM: Europe enhances plastic waste reduction activities
- [66] NGUYỄN PHƯƠNG: International experience in medical waste recycling and current status in Việt Nam